GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM 15-8-2013 Phật lịch 2557

Số 183

VĂN HÓA PHẬT GIÁO

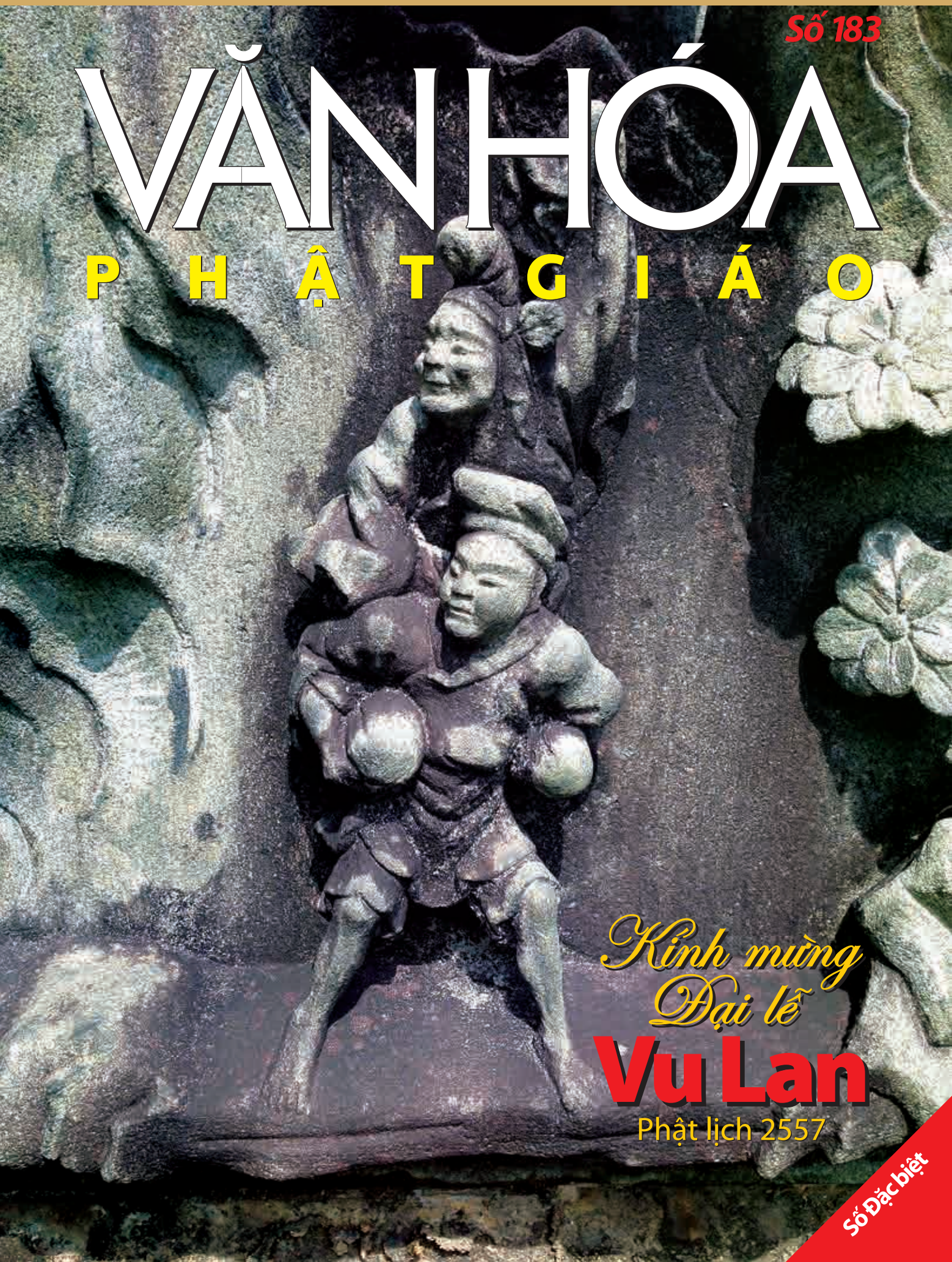

Kính mừng Đại lễ Vu Lan

Phật lịch 2557

Số Đặc biệt

越南沉香

THƯƠNG HIỆU CÔNG NGHIỆP HÀNG ĐẦU VIỆT NAM

MỸ NGHỆ TRẦM HƯƠNG

TRƯỜNG KHA

truongkha.vn

長柯

Quạt trầm hương

tượng trầm hương

Nhang trầm hương

tinh dầu trầm hương

TRƯỜNG KHA Co., LTD - 168 Nguyễn Chí Thanh P.3 Q.10 Tp.HCM

*Tel: 08. 62 99 75 65 - 0913.78 79 82 - 0939.779.888 *Hotline: 0908.661.789

*Website: www.truongkha.vn *Email: truongkha_vn@yahoo.com *Fax: 08. 626 55 456

Chuyên sản xuất và cung cấp sỉ - lẻ các sản phẩm được làm từ trầm hương nguyên chất: trầm, tượng trầm, nhang trầm, bột trầm, tinh dầu trầm, chuỗi trầm, quạt trầm, gối trầm, trà trầm, xà phòng - nước hoa trầm hương... Nguyên phụ liệu, bao bì, ống gỗ phục vụ trong ngành trầm hương.

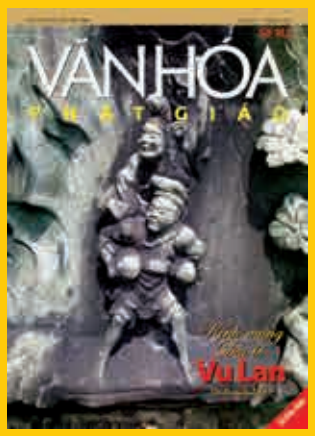

Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIỆN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MẪN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trị sự
NGUYỄN BỔNG

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Cô Trần Thị Hải Đông, DĐ: 0907 164 066

Quảng cáo
Cô Thu Sương, DĐ: 0918 032 040

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn
toasoanvhpg@gmail.com
Tên tài khoản:
Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo - Ban Văn hóa
Số tài khoản: 1487000000B
Ngân hàng VPBank, Chi nhánh TP. HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bản & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1 TP. Hồ Chí Minh

Vu-lan với xã hội ngày nay *(Doãn Lê)* 3

Sương mai 5

Con thuyền thanh lương *(Thích Chơn Nguyên)* 6

Quan điểm hiếu hạnh trong "Mâu tử Lý hoặc luận" *(Ngộ Bổn)* 9

Ẩn ức *(Lê Hải Đăng)* 12

Người mẹ trong văn chương cổ điển Trung Quốc *(Trần Văn Chánh)* 16

Tinh thần "Vô ngã vị tha" trong văn học Phật giáo Việt Nam *(Thích Hạnh Tuệ)* 18

Độ song thân *(Thiên Diệu)* 21

Lòng Hiếu, lòng Từ bi và tánh Không *(Nguyễn Thế Đăng)* 24

Vài ý nghĩ về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và Tôn giáo *(Thích Giác Toàn)* 26

Tự tứ - Kết nối truyền thông tâm linh *(Thích Phước Đạt)* 29

Dược Vương *(Đỗ Hồng Ngọc)* 32

Cả nhà cùng có phúc *(Tấn Nghĩa)* 34

Mẹ tôi *(Võ Văn Lân)* 37

Tình mẹ - Suối nguồn vô tận… *(Lê Quang Kết)* 40

Người giàu nhất thế giới *(Lê Duy Đoàn)* 43

Quê nhà tôi, chiều khi nắng êm đềm *(Cao Huy Hóa)* 47

Thơ *(Phương Hạnh, Phạm Thị Thanh Vân, Triệu Mỹ Ngọc, Kim Đồng, Nguyên Cẩn, Bùi Công Toa, Nguyễn Văn Mi)* 49

Út "khùng" *(Lê Phạm)* 52

Vì tôi là con của mẹ *(Dino Buzzati - Trương Văn Dân dịch và giới thiệu)* 54

Mẹ và bếp lửa *(Phạm Tuấn Vũ)* 57

Bìa 1:* Hiếu đạo.** *Nguồn:* ***eriknylander_flickr.com

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Số báo đặc biệt mừng Vu-lan của tạp chí Văn Hóa Phật Giáo *– số 183 phát hành ngày 15-8-2013 – đến tay quý độc giả vào lúc mùa An cư Phật lịch 2557 đã hoàn mãn để chư Tăng Ni cùng Phật tử hân hoan chuẩn bị ngày Tự tứ. Ngày lễ Tự tứ còn được gọi là ngày lễ Tùy ý sự. Trong ngày này, chư Tăng Ni lần lượt tự nêu lên những lỗi lầm của mình trước đại chúng, kế đó, lắng nghe đại chúng nêu lỗi lầm của mình vì có những lỗi mà tự mình không thấy hết. Trong lễ Tự tứ, mọi cá nhân đều hoan hỷ nhìn nhận khuyết điểm của mình nếu có và chân thành tiếp thu những lời chỉ bảo của đại chúng. Điều này áp dụng cho chư Tăng Ni đã tinh tấn hoàn mãn những ngày hạ. Tuy nhiên, cũng nhờ đó mà hàng Phật tử tại gia chúng ta học được tinh thần tự biết lỗi của mình và hoan hỷ nhận lỗi khi được người khác mách bảo để từ đó quyết tâm không làm lỗi nữa.*

Trên tinh thần ấy, VHPG *nhìn nhận rằng trong quá trình phục vụ quý độc giả, chúng tôi đã có sai sót. Từ việc vẫn tiếp tục có những lỗi chính tả trên mặt báo đến việc có nhầm lẫn về nhân danh, địa danh, niên đại, sự kiện… từ việc chậm trả lời thư độc giả và cộng tác viên đến việc chậm khắc phục những nhầm lẫn hay sai sót đã được độc giả và cộng tác viên phát hiện. Gần tròn chín năm phục vụ bạn đọc, tuy rất cố gắng, nhưng những sai sót của* VHPG *chắc chắn không phải là ít. Nhân mùa Vu-lan và ngày Tự tứ năm nay, một lần nữa, chúng tôi thành tâm mong mỏi quý độc giả, ân nhân, thân hữu và cộng tác viên thẳng thắn cho ý kiến nhận xét và phê phán. Chúng tôi vẫn luôn luôn lắng nghe mọi ý kiến xây dựng và quyết tâm cải tiến sửa đổi cho tờ báo ngày một đáp ứng đúng hơn những yêu cầu hướng thượng của quý vị.*

Vu-lan là mùa thể hiện hiếu đạo của người con Phật. Khẳng định rằng tâm chúng sanh là tâm thiện, chỉ vì không biết nhân quả và duyên sinh mà vô tình làm ác, chúng ta cũng khẳng định việc xiển dương giáo pháp của Đức Phật là điều cần thiết cho việc xây dựng một xã hội hiền thiện. Việc này cũng là một trong những công hạnh để báo hiếu chẳng những đối với tứ thân phụ mẫu mà còn đối với cha mẹ tổ tiên nhiều đời về trước.

Khi chuẩn bị số báo này, tòa soạn VHPG *nhận được rất nhiều bài vở có nội dung liên quan đến hiếu đạo và lễ Vu-lan. Rất tiếc vì số trang báo có hạn, chúng tôi không thể đăng tải hết được. Nhưng cũng nhờ nội dung hiền thiện của những bài viết ấy không bao giờ mất thời gian tính, nên chúng tôi sẽ đăng tải dần trên các số báo khác. Mong quý cộng tác viên thông cảm.*

Nhân mùa Vu-lan và đón mừng ngày Tự tứ, Văn Hóa Phật Giáo *kính chúc toàn thể quý độc giả, ân nhân, thân hữu và cộng tác viên luôn tràn đầy pháp lạc.*

Văn Hóa Phật Giáo

Vu-lan với xã hội ngày nay

DOÃN LÊ

Mỗi lần mở tờ nhật báo ra xem, người ta không khỏi bàng hoàng lo sợ khi đọc những tin tức về các tệ nạn xã hội xảy ra như cơm bữa. Bên cạnh những hành vi xấu xa đủ loại, điều làm cho người đọc hoảng hốt là việc những trường hợp con cháu hành hạ cha mẹ ông bà, kể cả đến mức giết hại, không còn là những hiện tượng lẻ loi. Động cơ của những hành vi thiếu nhân tính này thường chỉ là các yêu sách hoặc sự tức giận vì những điều gì đó, phần lớn liên quan đến tài sản và tiền bạc.

Có thể dẫn trường hợp khuya 24-6-2012 tại phố Thúy Lĩnh, quận Hoàng Mai, thủ đô Hà Nội, một kẻ đã có vợ con nhưng không lo làm ăn, chỉ mải mê cờ bạc sinh nợ, xin tiền bố mẹ để trả nợ mà không được đáp ứng, đã nửa đêm xông vào nhà bố mẹ giết cả cha lẫn mẹ. Hoặc mới đây là sự kiện trưa 14-6-2013 tại thôn Tân Lợi, xã Cát Tân, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa, chỉ vì mâu thuẫn gì không rõ với đấng sinh thành, một thanh niên đã dùng búa và thanh gỗ tấn công cha mẹ đẻ của mình giữa lúc hai người đang dùng cơm đến nỗi người cha chết tại chỗ còn người mẹ bị thương nặng. Đó chỉ là hai trường hợp điển hình và dã man nhất, còn biết bao nhiêu sự kiện thương tâm khác không thể nêu hết được.

Quả thật, lòng hiếu của con cái bây giờ đã trở thành một thứ xa xỉ phẩm ở một bộ phận không nhỏ thanh, thiếu niên. Càng ngày, những hành vi đánh mất đạo đức truyền thống, như bỏ đói, hất hủi, hành hạ cha mẹ già… cứ như một loại bệnh dịch của thời đại, mỗi lúc mỗi lây lan đến mức chóng mặt. Đó là một thực tế khủng khiếp và có tính phổ biến mà xã hội ngày nay phải đối mặt và

Ảnh: Trần Thế Phong

chịu trách nhiệm, chứ không thể được nhìn như những trường hợp cá biệt của một người còn ngái ngủ. Ngoài sự răn đe, trừng trị của luật pháp, vẫn phải cần những biện pháp giáo dục và rèn luyện đạo đức thích hợp mà tôn giáo xưa nay đã đóng một vai trò quan trọng.

Vì thế, phải nhận thấy rằng Đại lễ Vu-lan không phải chỉ có giá trị như một lễ hội truyền thống tôn vinh công ơn cha mẹ, ông bà và lòng hiếu đạo của con cháu mà còn là một hoạt động thực tiễn, tích cực trong cuộc sống hiện nay, như một chiếc phanh xe hãm lại sự tuột dốc về đạo đức của con người, nhất là đối với thành phần thanh, thiếu niên. Tất nhiên, muốn chấm dứt hoàn toàn sự tuột dốc ấy phải có sự chung tay, góp sức của toàn xã hội một cách bền bỉ, lâu dài; trong đó Phật giáo với Đại lễ Báo hiếu Vu-lan đã tích cực góp phần không nhỏ trong việc giáo dục, khơi dậy tình thương yêu, hiếu thảo của con cháu, đánh thức cái "tánh bổn thiện" bị chôn vùi dưới những tệ nạn.

Những hoạt động chào mừng đại lễ Vu-lan từ nhiều năm nay đã có được một số thành quả nhất định trong việc giáo dục lòng hiếu thuận của con cháu đối với cha mẹ, ông bà. Tuy nhiên, khi nhìn lại mặt bằng chung của toàn xã hội với những tội ác của lứa tuổi thanh, thiếu niên vẫn tăng tốc mỗi ngày, chúng ta mới thấy những thành quả ấy quả hãy còn quá mỏng manh, còn quá khiêm tốn. Trong mỗi lễ hội Vu-lan, các tự viện đều đã có nhiều hình thức hoạt động thật phong phú như thuyết giảng, pháp thoại, văn nghệ, đặc biệt là lễ cài hoa hồng… Dù vậy, chúng ta phải thừa nhận một điều là tất cả những hoạt động trên tuy có hoành tráng nhưng vẫn còn giống như một "chương trình nghị sự," vẫn còn là những hình thức của ngày "mừng lễ hội". Ý nghĩa cao đẹp của lễ cài hoa hồng chưa thật sự đi sâu vào tình cảm, vào tâm hồn của mỗi con người. Có người nào cài đóa hoa hồng đỏ trên ngực áo thật sự thấy mình hạnh phúc vì còn mẹ chăng? Có suy nghĩ gì về những lỗi lầm mình đã từng làm với cha mẹ và thành tâm sám hối để trở nên tốt hơn không? Cũng có thể có, nhưng chỉ là một số ít, rất ít. Chiếc hoa hồng chỉ mang đến thông tin còn mẹ hoặc mất mẹ của một người. Nếu không làm cho những người được cài hoa hồng đỏ, đặc biệt là thanh, thiếu niên, nhận thức được ý nghĩa cao quý của một người còn mẹ để chuyển hóa nội tâm thì lễ cài hoa hồng sẽ chỉ như là một "phương pháp" để phân biệt người còn mẹ và người mất mẹ.

Xem xét các vụ việc con cháu giết hại cha mẹ, ông bà, ta có thể thấy được hầu như tất cả các trường hợp đều rơi vào những người được nuông chiều, thiếu sự giáo dục, uốn nắn của gia đình ngay từ nhỏ vì nhiều lý do khác nhau, và nhất là chúng chưa hề được giáo dục trong một môi trường tôn giáo nào. Xã hội có trách nhiệm, và tất cả Phật tử chúng ta cũng có trách nhiệm. Vì thế việc hoằng pháp để Phật hóa gia đình là một trong những hoạt động vô cùng cần thiết, và như một trong những biện pháp hữu hiệu, cha mẹ có thể có đủ điều kiện đưa con em mình ngay từ nhỏ -"dạy con từ thuở lên ba"- tiếp cận được với giáo lý từ bi, hỷ xả qua các sinh hoạt tại chùa, với Gia đình Phật tử… để ươm hạt giống Bồ-đề trong tâm hồn trong sáng của các em, và từ đó các em sẽ dần hình thành nhân cách trong một môi trường đạo đức lành mạnh, và càng lớn, càng hiểu sâu luật nhân quả để tự kiểm soát hành động của mình.

Và vì thế Đại lễ Vu-lan không phải chỉ là lễ hội của riêng Phật giáo, với các hình thức của "lễ" và "hội", đóng khung với những sinh hoạt trong chùa như đã được thừa nhận, Vu-lan cần phải trở thành một hoạt động văn hóa sinh động trong dòng sinh mệnh và truyền thống dân tộc, giữ gìn và phát huy một cách sáng tạo mọi giá trị đạo đức làm người với nội dung Tứ trọng ân của Phật pháp, đặc biệt chú trọng đến lứa tuổi mầm non, thanh thiếu niên của toàn xã hội. Việc xây dựng đạo đức cho các thế hệ kế thừa của đất nước là một trong những nhiệm vụ chính yếu của đạo Phật ngày nay mà Đại lễ Vu-lan phải sớm trở thành biểu tượng đầy ý nghĩa. ■

Điều thiện lớn nhất không gì bằng hiếu.
Điều ác lớn nhất không gì bằng bất hiếu.

Kinh Nhẫn nhục

Mùa Vu-lan, tưởng niệm cố Đại lão Hòa thượng THÍCH MINH CHÂU

Con thuyền thanh lương

THÍCH CHƠN NGUYÊN

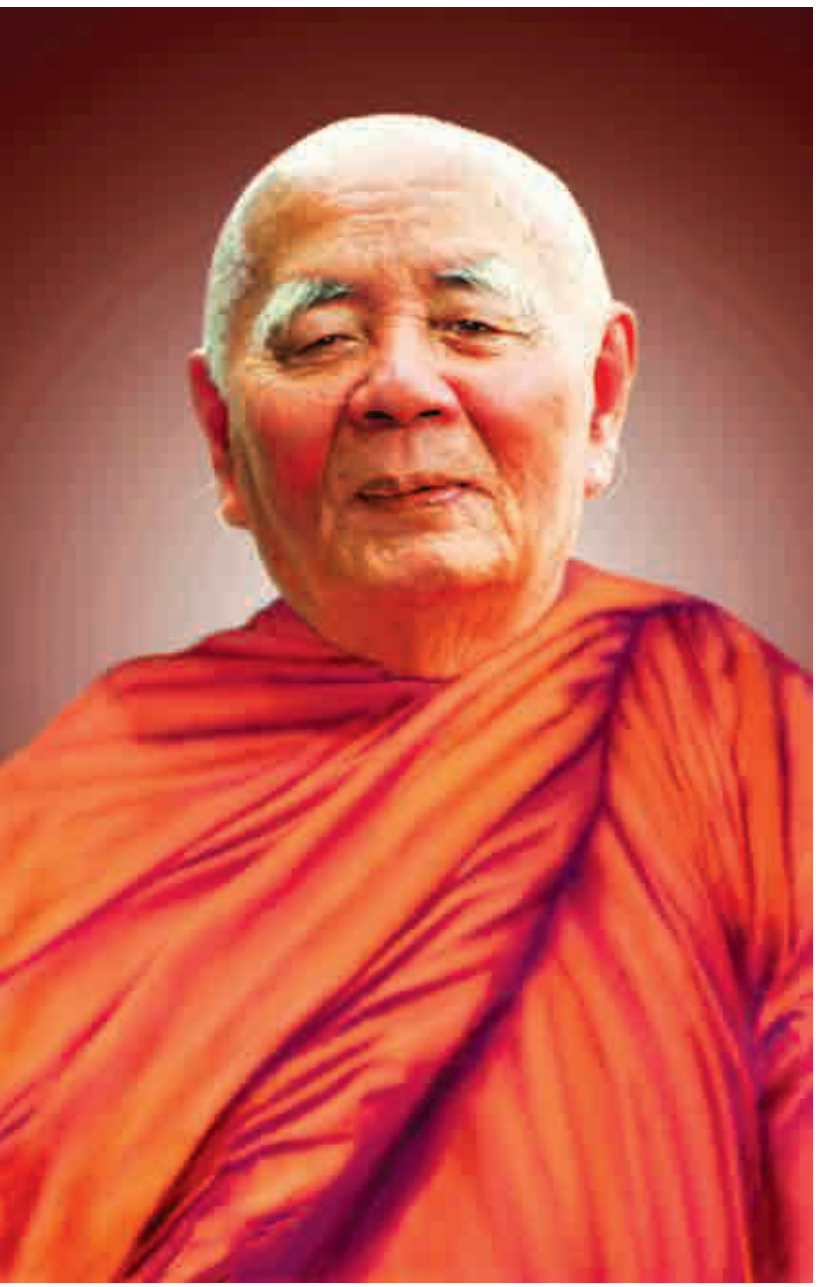

Cuối thập niên 60 và đầu thập niên 70 của thế kỷ trước… khi cuộc chiến chống Mỹ, chống chính quyền Sài Gòn trở nên khốc liệt, thanh niên và giới trí thức miền Nam hoang mang, không có lý tưởng. Họ tìm quên hoặc tìm con đường cho chính mình qua các sách vở Đông Tây đủ thể loại: Tôn giáo, triết học, văn học, tiểu thuyết trữ tình, kiếm hiệp, phiêu lưu, thơ, nhạc hoặc qua lối sống bất cần đời, thác loạn, hoặc rút mình vào vỏ ốc cô đơn chán chường.

Bị tác động của chiến tranh và chịu ảnh hưởng của bạn bè, sách vở, tôi cũng không thoát khỏi vòng vây ấy. Với những cảnh ngộ mà trí óc và ý chí của mình chưa đủ chín để chịu đựng và vượt qua những thách thức thời cuộc, tôi đã bỏ học Đại học Đà Lạt và đi vào rừng lang thang. Tôi hy vọng sự yên tĩnh của núi rừng sẽ giúp tôi tìm thấy sự bình tâm. Nhưng rồi, sự lặng im của cây cỏ và lối sống lầm lũi đơn chiếc của người dân tộc đã đẩy đưa tôi đến bi quan yếm thế, rối rắm tối tăm…

*

Trong lúc thất vọng, chán nản đến tột cùng với toàn những ý nghĩ tiêu cực, tôi thật may mắn gặp được Hòa thượng Viện trưởng Viện Đại học Vạn Hạnh. Đây là lần thứ hai chúng tôi gặp Hòa thượng kể từ khi Hòa thượng trở về nước sau hơn mười năm du học ở Ấn Độ. Tuy nhiên, lần gặp gỡ này lại là cơ hội định đoạt cho tôi được gắn bó trọn đời với Hòa thượng. Hòa thượng lên Đà Lạt dự Đại hội Giáo dục Phật giáo và ở lại tại chùa Linh Sơn, và thật hạnh phúc khi tôi được phân công làm thị giả. Chính nhờ nhân duyên này mà tôi có được quyết định quan trọng là về Viện Đại học Vạn Hạnh (nay ở đường Lê Văn Sỹ) để tiếp tục con đường học vấn. Được trở lại thời sinh viên, tôi liền ghi danh học Phân khoa Phật học và Nhân văn.

Sống ở môi trường Vạn Hạnh, tôi được tiếp nhận những tri thức mới mẻ và hiện đại, đặc biệt là những tác phẩm và dịch phẩm của Hòa thượng. Đáng chú ý nhất là những kinh điển Phật giáo thuộc văn học Pali mà bộ kinh Hòa thượng vừa dịch và in xong lúc bấy giờ

là *Kinh Trung Bộ*. Đây là thể loại văn học hoàn toàn xa lạ đối với tôi. Tôi cảm thấy khó hiểu vì nhiều đoạn lặp đi lặp lại dễ nhàm chán. Tôi vì tò mò mà đọc hơn là cố tìm một hướng đi mới cho cuộc đời mình. Nhưng rồi càng đọc tôi càng cảm thấy có gì đó hay hay; và càng đọc nghiền ngẫm tôi càng nhận ra được những giá trị thiết thực và gần gũi với tâm tư của mình. Những bế tắc trong đời sống tu tập được mở ra lần lần. Từ đó, tôi đọc thể loại kinh điển này với tấm lòng hân hoan, thích thú; những đoạn kinh trùng lặp không còn gây cảm giác nhàm chán như lúc đầu, mà trái lại, càng giúp thấm nhuần sâu sắc hơn.

Trong *Trung Bộ kinh*, hai kinh mà tôi quan tâm đọc đi đọc lại nhiều lần là "*Kinh Nhất Dạ Hiền Giả*" và "*Kinh Niệm Xứ*." Hai bài kinh này dù nội dung rất khác nhau nhưng đều nhằm một mục tiêu chính là hướng vào thực tại, loại trừ những tâm tư quay cuồng theo thế giới của mộng tưởng. Đúng là như nắm bắt được kho báu mà một thời vì không có nó nên tôi đã rong ruổi để cuối cùng đi vào con đường bế tắc. Cũng vậy, trước đây lúc đọc sách của triết gia Schopenhauer, ông có viết đoạn: "Sống là lo âu, luyến tiếc dĩ vãng, bất mãn với hiện tại, và mơ ước một tương lai tốt đẹp hơn. Nhưng khi tương lai đến, nó chỉ là một hiện tại thiếu sót như muôn ngàn hiện tại đã trôi qua". Thời ấy, tôi không thể nào hiểu hết đoạn văn ý nghĩa và thiết thực này, nhưng sau khi thâm nhập vào 'kho báu', hiểu được ý nghĩa của hai bài kinh trên, tôi mới thật sự hiểu ông Schopenhauer muốn nói gì. Sau này tôi mới biết Schopenhauer có nghiên cứu Phật giáo và tư tưởng của ông có ảnh hưởng bởi tư tưởng Phật giáo. Đối với tôi, sau khi có được 'kho báu' mà Đức Phật đã ban tặng, những vướng mắc trước đây tưởng chừng như không lối thoát thì bây giờ đều được giải đáp thỏa đáng.

Đối với *Kinh Nhất Dạ Hiền Giả*, tôi chỉ cần học thuộc lòng bài kệ và nhẩm tụng thường xuyên như niệm Phật hay trì chú thì niềm an lạc thanh thoát cứ vậy mà dâng theo:

Quá khứ không truy tìm
Tương lai không ước vọng.
Quá khứ đã đoạn tận,
Tương lai lại chưa đến.
Chỉ có pháp hiện tại,
Tuệ quán chính ở đây,
Không động, không rung chuyển.
Biết vậy, nên tu tập.
Hôm nay nhiệt tâm làm,
Ai biết chết ngày mai?
Không ai điều đình được,
Với đại quân thần chết.
Trú như vậy nhiệt tâm,
Đêm ngày không mỏi mệt,
Xứng gọi Nhứt dạ Hiền,
Bậc an tịnh, trầm lặng.

Đến *Kinh Niệm Xứ* (kinh số 10 của *Trung Bộ kinh*), với câu mở đầu như một tuyên ngôn, một lời khẳng định dứt khoát, Đức Phật muốn chặt đứt tất cả những mối nghi ngờ, chần chừ của chúng ta về con đường giải thoát mà Ngài đã mở ra: "Này các Tỳ-kheo, đây là con đường độc nhất, đưa đến thanh tịnh cho chúng sanh, vượt khỏi sầu não, diệt trừ khổ ưu, thành tựu Chánh trí, chứng ngộ Niết-bàn". Tôi đọc đi đọc lại đoạn này nhiều lần, và trong tôi bừng lên niềm tin: "Hướng đi chính là đây!". Rồi tôi quyết chí buông bỏ tất cả sách, vở triết thuyết Đông, Tây, kể cả những bộ kiếm hiệp của Kim Dung ra khỏi tủ sách và ra khỏi đầu óc của mình.

Kinh Niệm Xứ có nội dung khá phong phú và hầu như có đủ các pháp môn thiền quán của Phật giáo. Nội dung của kinh là bốn chỗ đặt niệm để nhìn thấy bản chất hiện hữu của con người một cách như thật và sâu sắc. Nói cách khác, bài kinh trình bày giáo lý của Đức Phật về phương pháp quán chiếu *thân, thọ, tâm,* và *pháp*. Đây là bài kinh có thể ứng dụng trọn đời cũng không hết. Riêng tôi, pháp môn thiết thực cho sự tu tập trong đời sống hằng nhật là quán các hành tướng của thân: "*Tỳ-kheo, khi đi, đứng, ngồi, nằm, biết rõ việc mình đang làm; khi bước tới, bước lui, biết rõ việc mình đang làm; khi ngó tới, ngó lui, co tay, duỗi tay, mang áo tăng-già-lê, mang bát, mang y, ăn, uống, nhai, nếm, đại tiện, tiểu tiện, đi, đứng, ngồi, ngủ, thức, nói, im lặng, biết rõ việc mình đang làm*". Như vậy, pháp môn tu có sẵn cho chúng ta trong mọi lúc mọi nơi. Pháp môn này đã phá tan tất cả những mộng tưởng viển vông mà trước đây tôi thường bị vướng.

Ngoài ra, tôi cũng tu tập pháp môn quán tử thi và đạt được những thành quả mới lạ. Hành trì pháp môn này, ban đầu thấy ớn sợ, không tập trung được, tôi càng nỗ lực tu tập, mỗi ngày tiến bộ chút đỉnh, dần dần tìm thấy niềm vui sau mỗi thời thiền định và nhiều lần được hỷ và lạc do thiền định mang đến. Đó là những niềm vui trước đây tôi chưa từng gặp, vui tràn ngập cả người, từng tế bào, thậm chí từng lỗ chân lông cũng như đang reo vui. Thành quả này giúp tôi vững niềm tin đối với lời dạy của Đức Phật về kết quả hiện tại của pháp môn Tứ niệm xứ. Ngài dạy rằng sự chứng đắc các quả vị nhanh hay chậm là tùy vào sự tu tập của mỗi người mà thời gian có thể rút ngắn từ bảy năm còn lại bảy ngày; và người tu tập Tứ niệm xứ sẽ chờ đợi một trong hai quả: "Chứng Chánh trí ngay trong hiện tại, hay chứng quả Bất hoàn." Tôi không còn nghi ngờ gì về pháp môn mà Đức Phật đã dạy.

Những thành quả ấy mà tôi có được chính là nhờ được sống bên Hòa thượng. Hòa thượng không những giảng dạy cho tôi thiền Tứ niệm xứ mà còn ứng dụng, hành trì nó như là pháp môn duy nhất trong đời sống hằng ngày của Hòa thượng. Tôi may mắn vừa được chứng kiến đời sống tu tập của Hòa thượng, vừa được Hòa thượng hướng dẫn, lại vừa được đọc thẳng vào

kinh văn, đồng thời có những trải nghiệm tu tập của mình, nên tôi có một niềm tin tuyệt đối về thiền Tứ niệm xứ. Từ đó tôi ổn định đời sống tại Viện Đại học Vạn Hạnh và phụ giúp Hòa thượng hướng dẫn lớp thiền dành cho sinh viên của Viện.

*

Hòa thượng đối với cuộc đời tôi quan trọng đến nhường nào! Từ dạo gặp Hòa thượng tại chùa Từ Đàm năm 1964 ấy, hình ảnh của Người luôn để lại trong lòng tôi một tâm thái quý mến và tuyệt đẹp mỗi khi nhớ nghĩ về Người. Ngày ấy, sau hơn mười năm du học và giảng dạy tại Ấn Độ, Hòa thượng trở về nước trong sự đón tiếp vừa long trọng vừa tưng bừng của Giáo hội và của cả hàng triệu con tim đầy ngưỡng mộ và hãnh diện. Lúc đó tôi đang ở Huế cũng háo hức ngóng trông. Và khi Hòa thượng từ Sài Gòn về Huế, chư Tăng, Ni và quần chúng Phật tử Huế, sau bao năm tháng chờ mong, đổ òa ra những con đường từ phi trường Phú Bài lên đến chùa Từ Đàm như thể ngày hội. Còn tôi thì đợi sẵn ở chùa Từ Đàm từ sáng sớm, đứng ngồi không yên bèn hòa vào không khí nao nức trông chờ thật vui nhộn. Và khi đoàn rước Hòa thượng về tới Từ Đàm, bước ra khỏi xe là một màu vàng rực, một nụ cười an nhiên tự tại, Hòa thượng xuất hiện trước bao ánh mắt thân thương của quần chúng Phật tử đang hướng về Người. Lòng tôi cũng cảm thấy bồi hồi khôn xiết. Một số người đứng gần xe Hòa thượng sụp đầu cúi lạy; còn tôi thì đứng trân nhìn Hòa thượng và buột miệng "Phật Di Lặc!". Rồi Hòa thượng đến trước tiền đường chùa Từ Đàm nói chuyện cùng Tăng, Ni và Phật tử. Tôi len lỏi toát mồ hôi mới đến gần để được nhìn Hòa thượng rõ hơn. Hòa thượng toát ra một vẻ đẹp thanh thoát, trang nghiêm mà đầy hoan hỷ. Tôi bị hình ảnh Hòa thượng cuốn hút mải mê, khiến không còn bận tâm đến thiên hạ chung quanh, và ngay lúc đó trong đầu lóe lên một ước mơ: "Ước gì một mai được thân cận với Hòa thượng!".

*

Thế rồi 'một mai' đó phải mất gần bảy năm mới gặp lại, không phải ở Huế mà ở Đà Lạt trong một cơ duyên bất ngờ, để rồi nguyện ước ngày nào trở thành sự thật. Những năm tháng tôi ở Viện Đại học Vạn Hạnh phụ giúp Hòa thượng hướng dẫn lớp thiền dành cho sinh viên của Viện trải qua được vài năm thì đến ngày 30-4-1975.

Sau ngày tháng này, Viện Đại học Vạn Hạnh không còn được hoạt động, nên số người ở trong nội xá của Viện còn lại rất ít và lần lượt ra đi. Bà nấu ăn và anh thị giả của Hòa thượng cũng ra đi. Từ đó tôi phải quán xuyến tất cả mọi công việc trong nội xá, kể cả việc lo cơm nước cho Hòa thượng. Lúc đầu nấu ăn cho Hòa thượng, tôi mang tâm trạng lo âu vì thời làm điệu chỉ biết luộc rau, nấu cơm, nhưng bây giờ nấu ăn cho một bậc cao tăng thì thật không đơn giản! Nhưng chỉ với lòng tôn kính, tôi dốc hết tâm trí để lo cho Hòa thượng. Và thật là hạnh phúc khi Hòa thượng đón nhận sự phục vụ của tôi một cách hoan hỷ và không tiếc lời khen ngợi. Tôi nghĩ, Hòa thượng, với từ tâm rộng lớn, đã đón nhận cái tâm của tôi hơn là những món ăn tôi nấu. Tôi vô cùng hạnh phúc được sống dưới bóng mát của tình thương ấy! Và công việc như vậy tròn một năm thì thầy trò chúng tôi chuyển toàn bộ sang sống hẳn tại thiền viện Vạn Hạnh cho đến bây giờ (750 Nguyễn Kiệm, Phú Nhuận). Thời gian một năm ấy là khoảng thời gian hạnh phúc nhất của tôi vì tôi được sống thân cận Hòa thượng trong tình thầy trò thật đẹp, và được làm gì đó cho Hòa thượng như mình từng mong ước!

Hòa thượng là *con thuyền thanh lương* đã đưa tôi vượt qua sông mê bể khổ, vượt qua dòng xoáy của cuộc đời. Nếu như không có duyên được gặp Hòa thượng lần thứ hai tại Đà Lạt thì không biết cuộc đời của tôi sẽ trôi giạt về đâu? Và nếu như không có được lời khuyên của Hòa thượng về sống ở Viện Đại học Vạn Hạnh thì liệu tôi có cơ duyên nếm được pháp vị pháp lạc của hai bài kinh *Kinh Nhất Dạ Hiền Giả* và *Kinh Niệm Xứ* như tôi đã trải nghiệm không? Ân đức ấy thật vô cùng to lớn, không thể nào đền đáp nổi! Chỉ với lòng kính ngưỡng, tôi thành tâm đảnh lễ Hòa thượng và kính dâng những vần thơ chơn chất như tấc lòng tri ân:

Thầy là một bậc cao tăng
Oai nghiêm đức độ như vầng trăng thu
Dạy con học đạo, tấn tu
Cho con thoát khỏi kiếp tù đau thương. ■

Quan điểm hiếu hạnh trong *"Mâu tử Lý hoặc luận"*

NGỘ BỔN

"Uống nước nhớ nguồn" vốn là truyền thống đạo hiếu của người dân Việt Nam từ ngàn xưa. Đến khi nước ta bị giặc phương Bắc đô hộ, ảnh hưởng văn hóa của Nho giáo thì hạnh hiếu càng được xem trọng. Nếu cuộc sống và con người là thiêng liêng cao quý thì hiếu đạo là điều rất đáng lưu tâm. Hiếu hạnh cần được hiểu như là một đức tính cao đẹp trong hầu hết các nền văn hóa nhân loại. Đó là thái độ sống với lòng biết ơn, nhớ ơn và báo ơn công đức sinh thành dưỡng dục đối với cha mẹ.

Tuy nhiên, cuộc sống có muôn hình vạn trạng và nền văn hóa của mỗi quốc gia cũng khác nhau, cho nên quan niệm về chữ hiếu và hình thức báo hiếu cũng có đôi nét khác biệt. Điều này ta bắt gặp rất rõ trong tác phẩm *Lý hoặc luận* của Mâu Tử.

Khi xử lý những điều sai lầm, Mâu Tử đã hóa giải thắc mắc về quan điểm hiếu hạnh của Phật giáo và Nho giáo thể hiện rõ nét nhất trong điều 9 của tác phẩm này: "*Hiếu kinh* ghi: 'Thân thể, tóc da nhận từ cha mẹ, không dám hủy hoại'. Lúc sắp mất, Tăng Tử bảo: 'Mở tay ta ra, duỗi chân ta ra!'. Nay Sa-môn cắt tóc, phải chăng trái với lời của Thánh nhân, không hợp với đạo của người con hiếu?".

Nho giáo cho rằng: Thân thể, tóc da là do cha mẹ ban cho, nhọc nhằn nuôi nấng, nên người con hiếu phải biết chăm sóc giữ gìn, không được hủy hoại hay để tổn thương. Thế nên, Tăng Tử biết mình sắp mất, bảo học trò: 'Mở tay ta ra, duỗi chân ta ra!', nghĩa là để lộ chân tay, biểu hiện cơ thể còn đầy đủ, nguyên vẹn, không trái với đạo hiếu. Vì vậy, thời đó 'Sa-môn cắt tóc', Nho giáo cho là vượt ngoài quy định lễ giáo của Thánh hiền, là trái với điều thiện.

Mâu Tử bác bỏ và quở trách: "Hủy báng Thánh hiền là bất nhân, bàn luận không đúng là bất trí. Bất nhân, bất trí thì lấy gì lập đức. Đức nếu không lập thì đó là hạng gian trá ngu muội. Luận bàn đâu phải dễ dàng như thế!".

Để giải thích việc cắt tóc của các Tăng sĩ Phật giáo, Mâu Tử đưa ra ba trường hợp được các Thánh hiền thừa nhận.

Trường hợp thứ nhất, "Có người nước Tề đi thuyền qua sông. Người cha rơi xuống nước. Người con nắm tay xốc ngược đầu cha cho nước chảy ra miệng mà cứu sống được cha. Xốc ngược đầu cha thì còn bất hiếu nào lớn hơn? Nhưng vì bảo toàn thân thể của cha, nếu khoanh tay giữ đạo người con hiếu thì cha đã chết đuối rồi". Ở trường hợp này, nếu người con một mực giữ hiếu đạo sẽ đưa đến hậu quả khó lường. Đạo hiếu như thế, tự thân đã mang nhiều hạn chế trong việc quy định lễ giáo.

Trường hợp thứ hai, việc "Thái Bá cắt tóc, vẽ mình, tự theo phong tục của nước Ngô, nước Việt, trái với nghĩa thân thể tóc da. Thế mà, Khổng Tử khen ngợi ông ta: Thái Bá đáng gọi là bậc chí đức vậy." Rõ ràng *Hiếu kinh* đã mang tính mâu thuẫn qua nhân chứng thực tiễn là Thái Bá.

Trường hợp thứ ba, việc phá hoại một phần hay toàn phần thân thể: "Dự Nhượng nuốt than, sơn mình; Nhiếp Chính lột mặt, tự vẫn; Bá Cơ đạp lửa; Cao Hạnh hủy dung nhan". Vậy mà "quân tử cho họ là dũng cảm và chết vì nghĩa, không nghe ai chê là tự hủy hoại". Đến đây xem như quy định của *Hiếu kinh* đã "*đánh mất hết mọi giá trị*" [4, 411].

Kết thúc câu trả lời cho người chất vấn, Mâu Tử khẳng định: "Sa-môn cạo bỏ râu tóc, so với bốn người trên, đâu có cách xa". Vậy có gì đáng để người đời chê trách và thắc mắc?

Lấy hiếu làm đầu trong nếp sống đạo đức và phẩm hạnh làm người, chương đầu của *Hiếu kinh* hết sức đề cao. Ngoài việc "thân thể, tóc da nhận từ cha mẹ không dám tổn thương là đứng đầu hạnh hiếu", sau đó "lập thân hành đạo, nêu danh với đời sau để cha mẹ được rạng danh là cuối cùng của hạnh hiếu", thì người con còn phải lập gia đình, sinh con để nối dõi tông đường. Quan điểm này được Mạnh Tử xiển dương mạnh mẽ qua câu: "*Tội bất hiếu có ba điều, mà không con nối dõi là nặng nhất*" [3, 1054]. Cho nên, không có gì ngạc nhiên khi Nho gia thắc mắc về vấn đề tu sĩ Phật giáo từ bỏ gia đình, sống không gia đình "sao trái với hạnh hiếu và phúc đức như thế?" (điều 10).

Mâu Tử lý giải: "Sa môn tu hành đạo đức để thay cho niềm vui thế tục, giữ tâm hiền thiện để thay cho lạc thú vợ con" (điều 10). Vì "vợ con, tài sản là vật thừa ở đời, giữ thân trong sạch vô vi là huyền diệu của đạo" (điều 10). Từ đó, Mâu Tử xác định quan điểm hiếu đạo trong Phật giáo rất rõ ràng qua điều 4: "Ở nhà có thể dùng thờ cha mẹ, làm chủ nước có thể dùng để trị dân, sống một mình có thể dùng để sửa thân".

Quả thật, trên thế gian này, mang nợ ai, ta còn mong có ngày trả được, nhưng ơn cha nghĩa mẹ, ta không thể báo đáp cho cân, bởi đó là tim óc, máu lệ đổi bằng mạng sống của người. Lần giở những trang sách Thánh hiền, ta không khỏi bùi ngùi xúc động về tấm lòng hiếu thảo của các hiền nhân. Đó là lòng hiếu thảo của vua Thuấn cảm động đến trời, Hán Văn đế nếm thuốc rồi dâng lên mẹ, Tử Lộ đội gạo thuê để lấy tiền phụng dưỡng mẹ cha, Đổng Vĩnh bán thân để lo tang lễ cho cha, Đinh Lan khắc tượng thờ cha mẹ, Vương Thôi nghe sấm khóc mộ… Những bậc Thánh hiền thời xưa xem nhẹ bản thân để phụng dưỡng cha mẹ. Quả thật hạnh hiếu được xem là thứ tình cảm thiêng liêng tuyệt đối!

Thế nên, bàn về đạo hiếu, Khổng Tử đặt nặng trách nhiệm của người con đối với cha mẹ qua năm điều:

1. Ngày thường ở với cha mẹ phải hết lòng cung kính.
2. Phụng dưỡng thì phải làm cho cha mẹ vui.
3. Lúc cha mẹ có bệnh phải tỏ lòng quan tâm lo lắng.
4. Khi cha mẹ mất thì phải buồn rầu thương khóc.
5. Lúc tế lễ thì phải tỏ vẻ trang nghiêm.

Làm tròn năm điều trên, mới gọi là thờ phụng cha mẹ vậy. [5]

Tuy nhiên đôi khi, giá trị trung hiếu tiết nghĩa ngày xưa của Nho giáo đã đưa con người trong nhiều trường hợp đến chỗ bế tắc hay kết thúc bằng các hình thức bi thương, như trường hợp Quách Cự chôn con nuôi mẹ, Ngô Mãnh để mặc cho muỗi hút máu…

Đối với Phật giáo, nói đến ân đức cao rộng sâu dày của cha mẹ, Đức Phật dạy:

"Có hai hạng người, này các Tỳ-kheo, Ta nói không thể trả ơn được. Thế nào là hai? Mẹ và Cha. Nếu một bên vai cõng mẹ, này các Tỳ-kheo, nếu một bên vai cõng cha, làm vậy suốt trăm năm cho đến 100 tuổi; nếu đấm bóp, thoa xức, tắm rửa, xoa gội, và dầu tại đấy, mẹ cha có vãi tiểu tiện, đại tiện, như vậy, này các Tỳ-kheo, cũng chưa làm đủ hay trả ơn đủ mẹ và cha. Hơn nữa, này các Tỳ-kheo, nếu có an trí cha mẹ vào quốc độ với tối thượng uy lực, trên quả đất lớn với bảy báu này, như vậy, này các Tỳ-kheo, cũng chưa làm đủ hay trả ơn đủ mẹ và cha. Vì cớ sao? Vì rằng, này các Tỳ-kheo, cha mẹ đã làm nhiều cho con cái, nuôi nấng, nuôi dưỡng chúng lớn, giới thiệu chúng vào đời này" [2, 119].

Sự hiện hữu của người con trên quả đất này là một niềm vui vô hạn, biểu hiện công lao to lớn vô ngần của mẹ cha mà người con không sao đáp đền trọn vẹn. Thế nên, ngoài cách báo đáp như *kinh Thiện Sanh* trình bày, người con phải có trách nhiệm khuyến hóa cha mẹ hướng tâm đến đạo giải thoát, giác ngộ.

Trên phương diện căn bản, Đức Phật dạy bổn phận người con phải luôn hiếu kính, phụng dưỡng cha mẹ qua năm điều như kinh *Thiện Sanh* ghi:

1. Cung phụng hiếu dưỡng cha mẹ không để thiếu thốn.
2. Phàm làm điều gì trước phải thưa cho cha mẹ biết.
3. Cha mẹ làm điều gì mình phải kính thuận, không được chống báng.

4. Không trái với việc làm của cha mẹ.

5. Không ngăn cản việc lành của cha mẹ. [1, 567]

Tuy nhiên, đền đáp ơn nghĩa sinh thành, dưỡng dục bằng của cải vật chất, tiền của và lòng thương kính, Phật giáo quan niệm sự đền đáp ấy chưa đủ. Người con chí hiếu phải biết hướng dẫn cha mẹ có chánh kiến, chánh tín, trợ duyên cha mẹ hướng đến sự giải thoát, giác ngộ:

"Đối với mẹ cha không có lòng tin, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào lòng tin; đối với mẹ cha theo ác giới, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào thiện giới; đối với mẹ cha xan tham, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào bố thí; đối với mẹ cha theo ác trí tuệ, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào trí tuệ. Cho đến như vậy, này các Tỷ-kheo là làm đủ và trả ơn đủ mẹ và cha" [2, 119-120].

Đến đây, ta gợi nhớ lại hình ảnh cao quý của Đức Thế Tôn và chư vị Thánh tăng đã thể hiện tâm hiếu như là một hạnh nguyện tu tập giải thoát đối với tự thân và cha mẹ. Đó là hình ảnh: Đức Thế Tôn hóa độ cha mẹ đắc quả Thánh, hưởng phước trời; Tôn giả Mục-kiền-liên làm lễ Vu-lan bồn, cứu mẹ thoát kiếp ngạ quỷ; Tôn giả Xá-lợi-phất độ mẹ đắc quả Thánh rồi mới nhập Niết-bàn; Bồ-tát Địa Tạng phát đại nguyện cứu mẹ thoát khỏi ba đường ác…

Hơn bao giờ hết, xưa cũng như nay, dù cha mẹ còn hay đã khuất, dù ở cương vị nào, người con hiếu vẫn luôn quý kính mẹ cha. Từ tâm hiếu ấy, tình người được giáo dục và phát triển, cũng từ tình người ấy mà có tình thương yêu nhân loại và tất cả chúng sanh.

Như vậy, "Hiếu" là nền tảng căn bản của đạo làm người, là nhân tố quyết định để hình thành lòng nhân của người quân tử, mẫu người lý tưởng của Nho giáo. Việc tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ đều bắt đầu từ đức tính cao đẹp của con người. Đức tính ấy không gì khác hơn là hạnh hiếu.

Với đạo Phật, tinh thần hiếu hạnh không chỉ giới hạn đơn thuần như thế gian và cũng không gò bó khuôn mẫu như Nho giáo. Chữ hiếu theo đạo Phật có tầm nhìn xa hơn, vì nó không chỉ dạy con người đền trả công ơn cha mẹ đầy đủ về vật chất và tinh thần mà còn hướng cha mẹ đến con đường giải thoát ra khỏi vòng sinh tử luân hồi, đoạn tận mọi khổ đau ngay trong đời sống hiện tại và mãi mãi về sau. Hãy làm tròn bổn phận của người con hiếu theo tinh thần Phật giáo. Có như thế mới mong đền đáp ân đức lớn lao của hai đấng sanh thành một cách đầy đủ và trọn vẹn. Đây chính là điểm khác biệt căn bản về chữ hiếu giữa Phật giáo và Nho giáo. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Kinh Trường A-hàm (1991), tập I, (Viện Cao đẳng Phật học Huệ Nghiêm dịch), Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành.

2. Kinh Tăng Chi Bộ (1996), tập I, (Hòa thượng Thích Minh Châu dịch), Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành.

3. Chu Hy (1999), *Tứ thư tập chú*, (Nguyễn Đức Lân dịch và chú giải), Nxb Văn Hóa Thông Tin, Hà Nội.

4. Lê Mạnh Thát (2008), *Nghiên cứu về Mâu Tử*, Nxb Văn Hóa Sài Gòn.

5. Đức Khổng Tử dạy về chữ hiếu, tham khảo tại: http://www.thegioivohinh.com/diendan/showthread.php?t=21993

6. *Mâu Tử Lý hoặc luận*, Hoằng Minh tập, quyển 1, Đại Chính tân tu Đại tạng kinh (牟子理惑論, 《弘明集》卷1, 大正新修大藏經, T52, No. 2102).

Âm nhạc

LÊ HẢI ĐĂNG

Âm nhạc là môn nghệ thuật dùng âm thanh để diễn đạt tư tưởng, tình cảm... của con người. Dưới thời phong kiến, âm nhạc là một trong sáu môn học bắt buộc gọi là Lục nghệ nằm trong tổ hợp: Lễ, Nhạc, Xạ, Ngự, Thư, Số (Lễ là những chuẩn tắc trong ứng xử; Xạ là bắn cung; Ngự: cưỡi ngựa; Thư: văn học, lịch sử và Số: toán học). Với sự ra đời của ngành Âm nhạc trị liệu, tính năng của âm nhạc càng ngày càng được khai thác, phát huy trên nhiều phương diện… và chân trời mở ra của nó vẫn bao la, vô tận cho những ai muốn dấn thân.

Ở nước ta, hoạt động âm nhạc nói riêng, nghệ thuật nói chung trong thời gian gần đây đã xảy ra khá nhiều "tai tiếng", đặc biệt là những vụ việc không liên quan gì đến nghệ thuật được dân trong nghề gọi bằng cụm từ "tai nạn nghề nghiệp!". Trong lĩnh vực âm nhạc và nghệ thuật cũng xảy ra tai nạn như trên xa lộ thì vấn đề an toàn quả đáng báo động!

Tôi nhớ mười mấy năm trước khi đi điền dã tại Phú Yên về lễ hội Đâm trâu của người Chăm H'roi, Trưởng đoàn yêu cầu anh em địa phương phải mượn hay thuê cho được trang phục truyền thống… để đàn ông, con trai (người dân tộc thiểu số) có khố đóng, phụ nữ, con gái có váy mặc… Cách ăn mặc như vậy mới "đậm đà bản sắc". Song, cũng với cách ăn mặc như trên mà diễn ra tại sân khấu, quảng trường, nhà hát… lại "xảy ra tai nạn," thậm chí "tai vạ" như từng xảy ra! Xét theo "tiêu chí" kín, hở không biết người ta đã dựa vào chuẩn mực nào để phán xét hay cứ "ngứa mắt" mấy tay phó nháy hoặc "nhà báo Bát quát" thì "tai ương" sẽ đến. Cùng một hiện tượng, khi khoác lên mác "đậm đà bản sắc" sẽ được xiển dương, còn rơi vào ca sĩ nhạc pop hay người mẫu thời trang dễ dàng bị nhục mạ, phỉ báng, rồi tiếp thêm chiều kích của "cộng đồng" mạng biến thành scandal...

Nước ta đang trong tiến trình "dân chủ hóa", không giống như các nước phương Tây đi theo con đường "luật hóa", mà "ảo hóa", "vô danh" hóa, trên xa lộ mạng "vô tính" hóa. Đương nhiên, nhờ thành tựu "mạng" mà "chính phủ điện tử" và "dân chủ mạng" mới hình thành. Nó có nhiều mặt tích cực, nhưng không thiếu những biểu hiện tiêu cực. Vì người dân nói chung chưa được chuẩn bị hành trang "duy lý", nền công nghệ hiện đại chưa thể phát huy hiệu quả, tích cực vào tiến trình "văn minh hóa" hành vi ứng xử, ngược lại tự biến sự tương tác xã hội trở thành "vô tính," bát nháo.

Chuyện ăn mặc vốn chẳng thuộc lĩnh vực âm nhạc, nhưng bấy lâu nay thường được khai thác, đề cập trong nhiều bài viết liên quan tới nghệ thuật. Tác giả của chúng đa số tập trung vào người không làm âm nhạc chuyên nghiệp. Chính vì thế, khía cạnh được lạm bàn chủ yếu nhắm vào "kênh nhìn," chứ không phải "kênh nghe" - thuộc tính cốt lõi của nghệ thuật âm thanh. Theo quy luật, cùng với quá trình "thuận nhãn" của khán giả, những hành vi không liên quan tới nghệ thuật dần dà sẽ bị phai nhạt, pha loãng để nhường chỗ cho sự cảm thụ về cái đẹp. Thế nhưng, câu chuyện ăn mặc vẫn đắt khách, mang tính thời thượng, từ chỗ "scandal" được nâng cấp lên thành "tai nạn!". Có trường hợp cần thêm cả sự hỗ trợ, can thiệp của tổ chức quan phương. Nguyên nhân của vấn đề này chắc hẳn có cội nguồn sâu xa? Nhằm lý giải cho hiện tượng trên, tôi thử tiếp cận vấn đề từ mấy khía cạnh sau.

1 *Mâu thuẫn giữa giá trị truyền thống và hiện đại*

Xã hội hiện đại tiếp nối từ truyền thống. Nước ta trải qua hàng nghìn năm phong kiến. Do xã hội đã bước vào hiện đại một cách nhanh chóng, cộng thêm chiều kích của sự phát triển khoa học công nghệ trên thế giới, biến vùng đất vốn tĩnh lặng muôn đời này bỗng dưng dậy sóng, chuyển mình. Rất nhiều giá trị truyền thống bị thách thức, chuyển biến. Dù gọi bằng hình thái kinh tế hay ngôn ngữ văn hóa, thì các bước chuẩn bị để bước vào xã hội hiện đại vẫn không tránh khỏi sự vội vã, khiếm khuyết, nhất là mong muốn hướng tới một xã hội "công bằng, dân chủ, văn minh." Cú nhảy từ xã hội truyền thống lên xã hội hiện đại khá ngoạn mục, nhưng không vượt qua được rào cản của hàng loạt những giá trị thuộc về xã hội công nghiệp, như tư duy duy lý, xã hội dân sự, tinh thần thượng tôn pháp luật, dân chủ, quan điểm cá nhân luận… Trong xã hội phong kiến với đặc trưng khép kín, thiếu cởi mở, bao dung (không chấp nhận sự khác biệt), đến lúc gặp điều kiện, người ta đi vào thói dè bỉu, đố kỵ, dèm pha nhau... Nhiều giá trị truyền thống xưa được bảo trợ bởi văn hóa làng, tính chất khép kín, riêng biệt (phép vua thua lệ làng), dẫn tới tư duy của con người nói chung không bao dung, cởi mở… Điển hình của tư duy "lệ làng" tạo ra nhiều hệ giá trị khác nhau cộng tồn trong xã hội hiện đại. Nước Mỹ dù rằng xây dựng trên cơ sở đa văn hóa, nhưng bằng tư duy "cá nhân luận", dù theo đảng phái chính trị hay tôn giáo nào mọi công dân vẫn gặp gỡ nhau ở những giá trị chung nhất được cụ thể hóa trong hiến pháp. Ở nước ta, dường như không có giá trị nào trở thành tài sản chung cho mọi người, đặc biệt trở thành hệ chuẩn mực, quy tắc ứng xử chung. Hệ giá trị thường là tổng số cộng, gộp nhiều giá trị lại, thiếu tính hệ thống, nhất quán. Vì thế, rất nhiều trường hợp đơn giản, giản dị, nhưng cách xử trí luôn gây ra tranh luận, thậm chí đụng phải quan điểm trái chiều. Tổ chức quan phương luôn phải ra tay trong trường hợp đó bằng công cụ hành chính dưới luật, có nghĩa là chưa thông qua luật. Đã không trở thành luật, cách xử trí dễ bị chủ quan, một chiều, thậm chí mang tính giải pháp tình thế nhằm xoa dịu dư luận hơn là tuân thủ nguyên tắc duy lý. Xét ở góc độ pháp chế, tổ chức quan phương cũng cần ứng xử bình đẳng trước mỗi cá nhân, bởi xã hội ta là xã hội "cộng hòa" với đơn vị cấu thành là những công dân (cá nhân).

Sự chiếm cứ của tư duy truyền thống khép kín, thiếu tính cởi mở đã tạo ra lề thói sử dụng giá trị như một bộ luật để phán xét, thay vì biến thành "trực giác lý tính" nhằm biến tư tưởng thành hành động. Vì thế, có rất nhiều điều chúng ta biết thế nào là đúng - sai, nhưng ứng xử trong thực tế lại không theo chuẩn mực. Điều này lẩn vào bên trong tâm lý, trở thành ẩn ức lưu truyền theo con đường văn hóa và cứ thế dai dẳng, như nỗi ám ảnh… truyền đời. Dù rằng đại đa số người Việt hiện đại thường trực trên tay chiếc điện thoại di động, có người sử dụng laptop, iPad, máy ảnh với ống kính telex… nhưng đầu óc nhiều người chẳng hề mới mẻ như sự hiện đại của các công cụ mà họ sở hữu.

Trong kho tàng văn học dân gian, truyện tiếu lâm, loại đố tục giảng thanh, văn chương truyền khẩu, folk lore đô thị… mà chủ yếu là loại dị bản xuyên tạc dựa trên nguyên tác… hết sức phát triển, chiếm tỉ lệ cao.

Đó chính là dấu ấn ẩn ức, nơi sở trú của những điều bị cấm đoán, húy kỵ… Kim Thánh Thán khi bình phẩm tác phẩm tuồng nổi tiếng *"Tây sương ký"* của Vương Thực Phủ từng dè bỉu tư duy phong kiến, lạc hậu, cổ hủ của người dân Trung Quốc. Bá Dương trong tác phẩm *"Người Trung Hoa bỉ lậu"* (có người dịch là *Người Trung Hoa xấu xí*) cũng đề cập, khắc họa tính cách, đức tính được coi là mỹ đức của tổ tiên mình. Theo chiều hướng núp mình trong những trang phục mỹ miều của mỹ đức, giá trị truyền thống, dấu ấn của thói giả tạo, ngụy quân tử, tự cho mình phẩm chất thanh cao càng tinh vi hơn. Nhà văn Nguyễn Ngọc Tư trong tác phẩm *"Trong mùa mặt rụng"* đã tuyên chiến với thói đạo đức giả này một cách không khoan nhượng khi cô cho thói đạo đức giả còn tệ hơn cả đàng điếm. Hệ quả tất yếu của tình cảnh "cháy nhà ra mặt chuột" trong *"Trong mùa mặt rụng"* cũng là cám cảnh chung của xã hội đương đại với bản chất giả dối, ngụy tạo, thiếu bao dung, không chấp nhận sự khác biệt... Chúng ta vẫn thấy nhởn nhơ khắp nơi thói đạo đức giả, vấn đề nằm ở chỗ người ta cứ nỗ lực che đậy, bảo vệ như thành lũy về những giá trị ngàn đời.

2 Hệ thống chuẩn mực thiếu tính nhất quán

Khác với thời kỳ Nho giáo đóng vai trò chính thống về mặt ý thức hệ, tư tưởng Marx vốn là một trường phái triết học, khi vận dụng vào thực tiễn, do thiếu hệ chuẩn mực xã hội khiến cho cách thức ứng xử thông qua các trường hợp cụ thể trở nên khó khăn. Nhiều năm qua, chúng ta đã cố gắng bổ sung thêm nhiều chuẩn mực khác, nhưng vẫn theo hướng lý tưởng hóa đời sống, rất khó vận dụng vào thực tiễn. Bên cạnh đó, hệ thống chuẩn mực của chúng ta thường thiếu tính nhất quán hoặc xa vời thực tế. Cảnh lộn xộn thường xảy ra trong đời sống xã hội, đặc biệt ở những đô thị, chốn công cộng là bằng chứng sống động cho tình trạng mất kiểm soát hay nói cách khác, không có khả năng điều tiết của hệ thống chuẩn mực. Dư luận và giá trị văn hóa truyền thống cũng không còn phát huy tác dụng trong điều kiện của một xã hội phức hợp về cơ tầng, cơ cấu dân cư. Giá trị truyền thống có chăng chỉ tương thích trong bối cảnh của làng xã truyền thống, các cộng đồng luân lý (cùng chung tôn giáo, tín ngưỡng) với những chuẩn mực, giá trị thống nhất. Còn trong bối cảnh của xã hội đô thị hiện nay, giá trị truyền thống không khéo bị biến thành "cái cớ" hơn là uốn nắn, điều tiết hành vi, như đã xảy ra trên tình trạng loạn lạc, lệch pha của những phán xét nhằm vào hoạt động nghệ thuật, âm nhạc. Ai cũng có quyền phê phán đương sự, nhưng chẳng ai đưa ra được cơ sở lý luận cả! Mọi hành vi dân sự có khi quy về biện pháp hành chính, đơn giản. Thực chất, tiềm ẩn của những vướng mắc gây nhiễu loạn trong cung cách hành xử của công dân cũng như tổ chức quan phương một mặt thể hiện sự thiếu cơ sở pháp lý, mặt khác thiếu tính nhất quán trong hệ giá trị đã lộn xộn từ nhiều năm nay. Không chỉ trong lĩnh vực văn hóa, mà cả kinh tế, giáo dục… tất cả mọi lĩnh vực, thậm chí nói cho rốt ráo là mang tính hệ thống của cả xã hội ta đang đứng trước thách thức của việc xác lập hệ thống chuẩn mực, giá trị chung nhất.

3 Vai trò cá nhân trong sáng tạo văn hóa

Trong công cuộc xây dựng văn hóa, chúng ta thường lấy "khu phố," "làng," "ấp," "chợ"... làm đơn vị. Đứng ở góc độ quản lý văn hóa, cách thức ấy dễ thao tác trên thực địa. Song, dường như cá nhân đã bị quên lãng. Chúng ta rất sợ "chủ nghĩa cá nhân",

trong khi "cá nhân" con người vốn là những nhân vị độc lập, không thể phủ nhận. Tư tưởng về cá nhân khác với "chủ nghĩa cá nhân". Nền tảng của tư tưởng về cá nhân hay còn gọi là "cá nhân luận" được thiết lập trên cơ sở mỗi cá nhân có tối thiểu hai quyền cơ bản: quyền sở hữu bản thân và quyền tự do sử dụng bản thân. Hai quyền này tự nhiên sinh ra. Nếu đã xác lập được quyền cơ bản của mỗi cá nhân, mọi hành vi liên quan, quy thuộc sẽ trở nên dễ dàng. Xét cá nhân từ quyền cơ bản của mình đã gắn liền với trách nhiệm xã hội thông qua các mối quan hệ là không xâm phạm đến quyền tương tự của những cá nhân khác. Việc ràng buộc nhau trong lĩnh vực hoạt động nghệ thuật sẽ quy thuộc về hành vi dân sự được cụ thể hóa thông qua quy ước văn hóa, khế ước cộng đồng hoặc văn bản pháp lý dựa trên sự đồng thuận của các bên.

Nước ta tiến hành dân chủ trong bối cảnh khoa học và công nghệ thế giới đã có những bước tiến vượt bậc, hệ thống mạng toàn cầu "ảo hóa," "phẳng hóa," "vô danh hóa," "cá nhân hóa," "vô tính hóa" cho phép người dân nói chung tham gia vào tiến trình dân chủ một cách rốt ráo! Trên không gian "phẳng" của mạng internet, ẩn ức bởi những điều bị cấm đoán một thời đã biến dạng, biến tướng thành thói phát ngôn bừa bãi, tùy tiện, vô trách nhiệm, bất chấp cả giá sàn của những chuẩn mực pháp luật, đạo đức, thẩm mỹ mà lẽ ra phải xác lập, thực thi trên nguyên tắc mọi người đều phải tôn trọng. Vì thiếu hệ thống chuẩn mực nên hiện tượng ăn nói văng mạng, bất chấp đúng sai, những cuộc luận chiến biến thành loạn chiến… lâu lâu lại xảy ra. Chẳng phải ngẫu nhiên mà nước Mỹ không có hay không cần tới Bộ Văn hóa. Luật tự do sáng tạo đã cho phép lĩnh vực nghệ thuật hoạt động dựa trên khuôn khổ pháp lý. Nước ta không phải là nước Mỹ, nhưng biết người biết ta sẽ biết mình đang ở đâu.

4 Cơ sở lý luận cho hoạt động thực tiễn

Cùng với tôn giáo và nghệ thuật, triết học là một trong ba cột trụ của thành trì văn hóa. Lâu nay môn Triết học giảng dạy trong nhiều trường đại học hầu như chưa được coi trọng. Sinh viên nói chung ít mặn mà với môn học này. Môn Mỹ học cũng chỉ được giảng dạy trong các trường nghệ thuật. Vậy, người cầm bút là những người không làm âm nhạc chuyên nghiệp lấy cơ sở gì để phán xét về nghệ thuật? Thực tế, biên giới giữa cái đẹp và cái dung tục không phải lúc nào cũng phân minh, dễ bóc tách. Vương Tường, Lệ Cơ, Tây Thi… là những người con gái đẹp, thế mà chim trông thấy phải sợ, cá lặn mất tăm… Điều đó chỉ ra rằng, thẩm mỹ là thứ rất chủ quan. Câu nói "văn mình, vợ người" đã khái quát một cách trần trụi thuộc tính chủ quan trong năng lực phán đoán, đánh giá hiện tượng thẩm mỹ. Thế nên, để ràng buộc sự tự phát, quá lạm của hành vi, nhận định chủ quan, người ta có hệ thống chuẩn mực, giống như thang giá trị để chiếu rọi vào các hiện tượng. Hệ thống tư tưởng có Triết học, Mỹ học, Lịch sử, Văn hóa… Hệ thống đạo đức có Tôn giáo học, Đạo đức học… bên cạnh đó, còn có các bộ môn tiếp cận với hiện tượng từ góc độ học thuật và dưới nữa có Pháp luật, thứ chuẩn mực chung cho mọi người chỉ dựa trên cơ sở Đúng – Sai một cách máy móc, cứng nhắc. Nói cách khác, các hệ thống chuẩn mực góp phần vào việc định hướng năng lực phán đoán. Chúng là những bộ luật của lý trí mà người viết phải dựa vào để phán xét, đánh giá hiện tượng, hành vi có liên quan để bày tỏ thái độ, quan điểm của mình. Khi bộ luật trên không còn tương thích hoặc không được coi là chỗ dựa tất yếu sẽ dẫn tới hiện tượng lệch chuẩn, mâu thuẫn, thậm chí loạn chuẩn như hiện nay.

5 Thay lời kết

Trong quá trình chuyển hóa của sân khấu ca nhạc, từ "kênh nghe" thuần túy, sang "nghe, nhìn" tổng hợp đã biến hoạt động âm nhạc trở thành dạng thức văn hóa tổng hợp, phổ biến mang tính đại chúng. Cộng thêm với sự hỗ trợ của phương tiện kỹ thuật, sức mạnh của thị trường, lĩnh vực âm nhạc trở thành vùng đất màu mỡ mà ai cũng có thể lên tiếng, bày tỏ quan điểm. Nhiều người viết tự đặt mình vào vai trò "khán giả", "thính giả" nhằm tìm ra vị thế "chính nghĩa", "công chính" để công kích những hiện tượng mà mình chẳng ưa hoặc chỉ thuần túy theo tiêu chí có lợi. Vấn đề hớ hênh trong hoạt động biểu diễn thường xuất phát từ truyền thống cấm đoán tạo thành ẩn ức cho cả người trong cuộc lẫn người quan sát. Bởi thế, bấy lâu nay ống kính "nhục nhãn" của nhiều nhà báo không nhằm tới việc rọi sáng những vùng tối của cái đẹp bằng ánh sáng trí tuệ, mà đi soi mói "chỗ hở", "chỗ kín" nhằm chứng minh sự cao đạo… của bản thân. Lịch sử cho thấy, từ cổ chí kim, nghệ thuật chưa bao giờ thuộc về số đông (trong chiều đồng đại). Tuy nhiên, theo chiều hướng phôi pha của thời gian làm biến dạng hình hài mỗi chúng ta, tác phẩm có giá trị nghệ thuật vẫn long lanh, nghiêng mình trước thời gian.

Hoạt động âm nhạc, nghệ thuật vẫn là địa hạt an toàn, bình yên… Những tai nạn xảy ra như cơm bữa trong thời gian gần đây không ít thì nhiều đều xuất phát từ sự vô tri. Ở nước ta, trong rất nhiều lĩnh vực chứ không riêng gì âm nhạc, vấn đề của mọi vấn đề luôn nằm trên phương diện tiên đề. Các giá trị mâu thuẫn nhau cũng bởi tiên đề của chúng chưa thống nhất hoặc đã lỗi thời. Trên đường hướng vươn tới mục tiêu hiện đại theo đúng nghĩa, xã hội Việt Nam sẽ phải tiếp nhận thêm nhiều giá trị mới nhằm hóa giải những ẩn ức chất chứa từ bao đời nay. Hoạt động văn hóa nói chung và nghệ thuật nói riêng vốn chẳng phải là khu tự trị, cũng chẳng phải vùng bị trị, mà nó là nơi diễn ra sự khác biệt. ■

Người mẹ trong văn chương cổ điển Trung Quốc

TRẦN VĂN CHÁNH

Không hiểu sao, xem trong kho tàng văn chương cổ điển đồ sộ của Trung Quốc, mặc dù nó vẫn lấy ý thức hệ Nho gia phong kiến với nội dung "trung-hiếu" làm đầu, chúng ta lại rất ít thấy có những bài thơ, bài văn viết riêng về người mẹ, hay về tình mẹ.

Nguyên do có thể cũng là lý do chung mọi người thường mắc phải: Người ta mảng lo chạy theo công danh sự nghiệp, cuộc thành bại, dẫu rằng vẫn thương mẹ, thấu cảm công ơn sinh thành dưỡng dục của mẹ, nhưng vì mẹ quá gần gũi mà thành ra "lờn" đi, ít thấy có nhu cầu để nói hoặc không cần phô trương, chỉ cần để riêng trong lòng. Còn phần các bà mẹ thì suốt đời chỉ biết hy sinh cho con cái bằng tình thương chân thật bất vụ lợi, nên cũng không cần đến ai làm thơ, viết văn ca tụng mình.

Mặt khác, trong bối cảnh Trung Quốc cổ đại, cũng có thể một phần do tâm lý nhà nho, ngại công khai phơi bày tình cảm gia đình riêng tư, và phần khác nữa do bị ràng buộc bởi quan niệm nghiệt ngã trọng nam khinh nữ.

Bàn về đạo hiếu nói chung theo quan điểm Nho gia thì đã có *Hiếu kinh*, nhưng đây là sách giảng dạy luân lý, không phải văn học. Có chút hơi hướm văn chương thì phải nhắc đến *Nhị thập tứ hiếu*, nêu lên 24 tấm gương hiếu thảo đối với cha mẹ hoặc mẹ (như Quách Cự vì mẹ chôn con, Mạnh Tông khóc măng…), nhưng chỉ là những huyền thoại giản đơn, ít có giá trị nghệ thuật và cũng không mô tả riêng về tấm lòng người mẹ.

Liên quan đề tài này, và nói riêng cho người mẹ (chứ không chung cho cả cha mẹ), bài thơ sớm nhất nổi tiếng nhất được ghi nhận trong văn chương cổ điển Trung Quốc có lẽ là bài "Khải phong" (thuộc Bội phong) trong *Kinh Thi*, ca ngợi công ơn sinh thành, dưỡng dục khó nhọc của người mẹ đối với con cái.

Trích một đoạn:

Khải phong tự nam,
Xuy bỉ cức tâm.
Cức tâm yêu yêu,
Mẫu thị cù lao.

Khải phong tự nam,
Xuy bỉ cức tân.
Mẫu thị thánh thiện,
Ngã vô linh nhân…

Bản dịch của Tản Đà:

Từ phương nam,
Gió hòa đưa lại.
Cây gai dại,
Gió thổi lõi gai.
Lõi gai non nớt tốt tươi,
Mẹ ta kể biết mấy mươi công trình.
Từ phương nam,
Gió hòa đưa lại;
Cây gai dại,
Gió thổi củi gai.
Mẹ ta thánh thiện ở đời;
Mà ta chẳng được có người nào hay…

Xuống tới thơ Đường, trong số gần 50 ngàn bài thơ do người đời Thanh sưu tập trong bộ *Toàn Đường thi*, dường như chỉ có bài "Du tử ngâm" của Mạnh Giao (751-814) là được biết tới nhiều nhất. Bài thơ chỉ có 6 câu đơn giản, nhưng cũng là bài thơ hay nhất từ trước tới nay mô tả tấm lòng người mẹ:

Từ mẫu thủ trung tuyến,
Du tử thân thượng y.
Lâm hành mật mật phùng,
Ý khủng trì trì quy.
Thùy ngôn thốn thảo tâm
Báo đắc tam xuân huy?

Tên bài thơ có nghĩa "Khúc ngâm của người du tử", mà cụ Trần Trọng Kim còn dịch "Bài hát người con đi xa":

Mẹ từ sợi chỉ trong tay,
Trên mình du tử áo may vội vàng.
Sắp đi mũi chỉ kỹ càng,
Sợ con đi đó, nhỡ nhàng trễ lâu.
Chút lòng tấc cỏ dễ đâu,
Bóng ba xuân đáp ơn sâu cho vừa.

Hai câu "Lâm hành mật mật phùng/ Ý khủng trì trì quy" (Khi con sắp ra đi mẹ may nhặt mũi kim, trong ý sợ rằng con sẽ lâu về) nói lên một cách cảm động tâm ý sâu xa của bà mẹ với tấm lòng trìu mến thiết tha lo cho con trẻ trên bước đường tha phương lưu lạc.

Riêng hai câu cuối, "Thùy ngôn thốn thảo tâm/ Báo đắc tam xuân huy?", ví lòng người mẹ hiền với ánh nắng dịu dàng của tiết ba xuân, mà người hiếu tử chẳng biết phải báo đáp sao cho vừa.

Đây là bài thơ hay trong số ít ỏi những bài thơ Đường ca tụng tấm lòng người mẹ. Lời lẽ giản dị, chân thật, dễ hiểu, vì phát xuất từ trái tim chân thật.

Được biết, Mạnh Giao nhà nghèo nhưng được mẹ hy sinh, chăm lo nuôi nấng cho đến lúc thành tài. Khi được làm quan muộn màng ở tuổi 50, ông đã vội đón mẹ về chung sống với mình. Tác giả đã sáng tác bài thơ trong bối cảnh đón mẹ lên Lật Dương như lời chú giải của ông: "Nghênh mẫu Lật Dương tác" (Làm khi đón mẹ đến Lật Dương).

Truy tìm thêm trong thơ ca Trung Quốc cổ, họa hoằn lắm mới thấy được lác đác vài bài nữa ca tụng lòng mẹ. Có tác giả nêu ra được 16 bài thơ Đường, nhưng thật ra cũng có phần gượng ép, vì hầu hết chỉ đả động một hai câu liên quan đến tình mẹ trong một bài thơ dài, hoặc mô tả phía tình cảm triền miên của người con đối với mẹ nhiều hơn là phía ngược lại. Trong số này, đáng kể có bài "Tư mẫu" 思母 (Nhớ mẹ) của nhà thơ tu sĩ xuất gia Dư Cung 輿恭, kể rằng mẹ không còn nữa, nhớ lại năm ngoái trong tiết mai vàng đầu mùa hạ, tác giả trên mình chỉ còn chiếc áo cà-sa phải đem cầm cố để lấy tiền mua gạo về phụng dưỡng mẹ già. Do bài này vẫn còn ít người được biết, nên xin dẫn cả nguyên văn chữ Hán để tiện tham khảo:

霜陨芦花泪湿衣，
白头无复倚柴扉。
去年五月黄梅雨，
曾典袈裟籴米归。

Sương vẫn lô hoa lệ thấp y,
Bạch đầu vô phục ỷ sài phi.
Khứ niên ngũ nguyệt hoàng mai vũ
Tằng điển già sa địch mễ quy.

Tạm dịch xuôi:

Trông thấy sương rơi trên đám hoa lau mà lệ rơi ướt áo,
Mẹ già không còn đứng tựa cửa trông ngóng con như mọi khi.
Nhớ lại cơn mưa đầu mùa hạ hồi tháng năm năm rồi,
Con đã từng cầm cố chiếc áo cà-sa mua gạo về nhà nuôi mẹ.

Bài "Ức mẫu" 憶母 (Nhớ mẹ) sau đây của Nghê Thụy Tuyền 倪瑞璿, một nhà thơ Trung Quốc đời Thanh, cũng thuộc loại hiếm hoi trong số rất ít những bài thơ sáng tác về mẹ:

河广难航莫我过，
未知安否近如何。
暗中时滴思亲泪，
只恐思儿泪更多！

Hà quảng nan hàng mạc ngã qua,
Vị tri an phủ cận như hà.
Ám trung thời đích tư thân lệ,
Chỉ khủng tư nhi lệ cánh đa!

Tạm dịch xuôi:

Sông rộng khó đi chẳng ai ghé qua nhà,
Nên chưa biết gần đây sức khỏe mẹ tốt xấu ra sao.
Lúc âm thầm, nhỏ giọt lệ nhớ mẹ,
Nhưng chỉ e nước mắt mẹ nhớ con lại còn nhiều hơn!

Riêng về văn xuôi cổ điển, đọc hết bộ *Cổ văn quan chỉ*, không bắt gặp có một bài nào viết riêng về người mẹ! ■

Tinh thần "Vô ngã vị tha" trong văn học Phật giáo Việt Nam

Một chân lý hiển nhiên đã được kiểm chứng thực nghiệm là ai đang đi trên lộ trình hướng đến "Vô ngã" thì người đó sẽ dần đạt đến cảnh giới hạnh phúc, an vui và giải thoát. Ngược lại, ai đang đi trên con đường hướng đến "Chấp ngã" ích kỷ thì chắc chắn rằng người ấy lún dần vào hố sâu nguy hiểm của sự khổ đau triền miên bất tận.

Vô ngã là một phần rất quan trọng trong giáo nghĩa cơ bản của Phật giáo, là một trong Tam pháp ấn (Vô thường, Vô ngã, Niết-bàn); Vô ngã quán cũng gọi Giới phân biệt quán là pháp quán tưởng thân người do sáu thứ: đất, nước, gió, lửa, không, thức giả hợp thành, không phải thật có để xả bỏ *ngã chấp* thuộc Ngũ đình tâm quán (Bất tịnh, Từ bi, Duyên khởi, Giới phân biệt, Sổ tức). Hiểu sâu và thực hành đúng triết lý Vô ngã là con đường tất yếu đưa chúng ta vượt qua biển khổ sông mê đến bến bờ an lạc, hạnh phúc.

"*Vô ngã nghĩa là không có* cái ta *chắc thật. Ngã là vĩnh viễn bất biến (thường), tồn tại độc lập, sở hữu chủ trung tâm (chủ), có năng lực chi phối, là sự thật có của linh hồn hoặc bản thể. Chủ trương tất cả sự tồn tại không có cái Ngã như thế mà nói Vô Ngã, gọi là Chư pháp vô ngã*"[1].

Thông thường Vô ngã được quán xét dưới hai góc độ:

- Nhân vô ngã: Cũng gọi "ngã không" là tất cả chúng sinh do *ngũ uẩn* (sắc, thọ, tưởng hành, thức: là năm yếu tố cấu thành thân và tâm trong sự sinh tồn của phàm phu) giả hòa hợp mà thành, không có chủ tể sinh mạng nào khác.

- Pháp vô ngã: Cũng gọi "pháp không" là tất cả vạn pháp sinh ra đều do nhân duyên hợp thành, và diệt đi

THÍCH HẠNH TUỆ

khi nhân duyên tan vỡ. Sự tồn tại này xưa nay không có bản tính (tự tính) độc lập.

Bài kệ sau đây trong kinh *Tạp A-hàm* diễn rõ nghĩa này:

"*Quán sắc như tu mạt,*
Thọ như thủy thượng bào,
Tưởng như dương thời diệm,
Chư hành như ba tiêu,
Chư thức pháp vô ngã".

Tạm dịch:
Quán sắc như bọt nổi,
Thọ như bong bóng nước,
Tưởng khác nào sóng nắng,
Các hành như cây chuối,
Các thức vốn vô ngã.

Nói đơn giản, Vô ngã là không chấp ngã, không chấp vào *cái ta* và *cái của ta*. Vô ngã là giải thoát, không mang ý nghĩa xóa bỏ, phủ nhận sự tồn tại của con người; không mang ý nghĩa phi nhân bản, phi giá trị như có người đã nói, mà chính là giải thoát con người ra khỏi ngục tù đau khổ của sự cố chấp, là giải phóng con người với nghĩa nhân văn cao nhất. Giải phóng con người ra khỏi mọi sự thúc phược do ảnh hưởng, tác động theo chiều hướng nghịch của ngoại cảnh, hướng tới con người thật tự do tự tại với cái nhìn đạt quan, lượng giải và từ bi đối với mọi chúng sinh.

Chỉ có thật sự tu tập và quán chiếu pháp vô ngã, đạt đến cảnh giới *Vô ngã* thâm sâu, thì mới có thể thực hành hạnh *Vị tha* (vì mọi người, vì chúng sinh) một cách chân chính và trọn vẹn nhất. Bởi vì, nếu còn *chấp ngã*, thì chắc chắn sẽ còn ích kỷ, tư lợi cá nhân, là Vị ngã (vì bản thân mình), không thể là Vị tha được. Mức độ dính mắc vào "cái ta" và "cái của ta" càng lớn thì không bao giờ hành động, suy nghĩ của họ mà vì người khác được. Tinh thần và giá trị vô biên của tinh thần Vô ngã vị tha đã được ông cha ta minh chứng một cách sinh động trong lịch sử Phật giáo nói chung, lịch sử văn học Phật giáo nói riêng.

Hình ảnh con người *"Vô ngã vị tha"* thể hiện rõ trong lời khuyên của vị vua Phật tử Lý Nhân Tông với Mãn Giác thiền sư: "*Chí nhân thị hiện, tất vụ tế sinh, vô hạnh bất cụ, vô sự bất tu, phi duy định tuệ chi lực, diệc hữu tán dương chi công, thả kính nhậm chi*". (Bậc đại nhân sinh ra đời tất phải tận lực cứu giúp chúng sinh, không hạnh nào không đủ, không việc gì không làm, chẳng những đắc lực về thiền định, trí tuệ, lại có công giúp ích nước nhà)[2]. Lý Nhân Tông bộc bạch với Mãn Giác thiền sư, cũng là tự nhắc mình luôn nhớ *bổn phận và trách nhiệm cứu giúp chúng sinh, siêng tu định tuệ,* hộ quốc an dân.

Giải phóng bản thân và mọi người ra khỏi khổ đau do mê lầm và chấp trước, đạt tới chân như trong sáng thuần khiết vô biên là tâm nguyện của vua Lý Thánh Tông (Lý Phật Mã):

Bát-nhã chân vô tông,
Nhân không Ngã diệc không. [3]
(Bát-nhã thật Vô tông,
Người không, ta cũng không).

Khi thấu rõ tự tính Bát-nhã ở Phật và chúng sinh không khác; ở Phật quá khứ, Phật hiện tại và Phật vị lai như nhau thì mới đạt được "Người là không, mà ta cũng là không" tức là vượt ra khỏi sự trói buộc của Ngã chấp và Pháp chấp.

Tinh thần Vô ngã vị tha thể hiện trong *Phàm thánh bất dị* của Tuệ Trung thượng sĩ:

"Thân tùng vô tướng bản lai không,
Huyễn hóa phân sai thành nhị kiến.
Ngã nhân tự lộ diệc tự sương,
Phàm thánh như lôi diệc như điện.
Công danh phú quý đẳng phù vân,
Thân thể quang âm nhược phi tiễn".

(Thân tự vô tướng vốn là không,
Hư huyễn lầm chia thành 'nhị kiến'.
Ta, người như móc cũng như sương,
Phàm, thánh như sấm cũng như điện.
Công danh, phú quý, mây bồng bềnh,
Năm tháng, đời người, tên bay biến)[4].

Tuệ Trung sống trọn vẹn với *con người thật*, hiểu rõ lẽ *vô thường*, không còn kẹt vào *nhị kiến* (nhân ngã kiến, pháp ngã kiến) sai lầm, tuy ở địa vị vô cùng tôn quý nhưng xem công danh, phú quý như mây nổi, không chút đắm nhiễm.

Phải chăng, các vị vua đầu nhà Trần đều ở vào cảnh giới Vô ngã nên mới có thể viết nên những trang vàng chói lọi trong lịch sử dân tộc Đại Việt, mà hầu hết các sử gia đều đánh giá là "thời đại thuần từ nhất trong lịch sử Việt Nam". Khi Trần Thái Tông muốn bỏ ngôi vua, để vào núi tu hành, thì Quốc sư Viên Chứng khuyên: "*Phàm đã là bực nhân quân tất phải lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình, lấy tấm lòng thiên hạ làm tấm lòng mình*"[5]. Sự nghiệp và nhân cách cao quý của các vị vua thời thịnh Trần đều lưu dấu ấn lời khuyên của Quốc sư Viên Chứng. Cả cuộc đời làm vua của Trần Thái Tông chính là sự minh chứng xác thực và sinh động nhất cho lời nguyện, ghi trong bài tựa sách *Thiền tông chỉ nam*: *"Tựu nhược dĩ thân vi thiên hạ chi tiên dã"* (Lấy thân mình làm người đưa đường cho thiên hạ)[6].

Tuy ở ngôi nhân chủ, quyền uy tột bực, nhưng họ vẫn sống đơn sơ, đạm bạc, tận lực lo cho dân cho nước, không tham đắm vinh hoa phú quý. Đơn cử như cuộc sống và tấm lòng của Phật hoàng Trần Nhân Tông, Sơ tổ của thiền phái Trúc Lâm thể hiện trong *Cư trần lạc đạo phú*: "*Dứt trừ nhân ngã, thì ra tướng thực kim cương… ăn rau, ăn trái, nghiệp miệng chẳng hiềm thửa đắng cay; Vận giấy, vận sồi, thân căn có ngại chi đen bạc*" [7].

Chỉ có những bậc đạt đạo, nhận ra tướng thực kim cang, vượt thoát *ý niệm phân biệt ta và người* thì mới có thể làm được những công nghiệp phi thường như Trần Nhân Tông. Làm vua mà ăn chỉ cần rau trái (ăn chay), miệng không ngại những món đắng cay, mặc thì chỉ mặc vải bố vải sồi, thân thì không quản thân mình dầm sương dãi nắng mà chỉ lo nghĩ cho chúng sinh trăm họ.

Có người cho rằng, qua văn chương, con người thế tục lấn át con người Phật giáo trong con người Thiền sư Huyền Quang, vị Tổ thứ ba của thiền phái Trúc Lâm. Có lẽ cảnh giới "tuỳ tục" của ông đã đến mức không còn dấu vết, không còn ranh giới để phân biệt chăng? Tấm lòng từ bi thương người không giới hạn, vượt trên thường tình của ông lộ rõ trong bài thơ trữ tình *Ai phù lỗ* (Thương người lính giặc bị bắt) là một minh chứng:

"*Khoá huyết thư thành dục ký âm,*
Cô phi hàn nhạn tái vân thâm.
Kỷ gia sầu đối kim tiêu nguyệt,
Lưỡng xứ mang nhiên nhất chủng tâm."

(Chích máu thành thư muốn gửi lời,
Lẻ loi nhạn lạnh ải mù khơi.
Đêm nay mấy kẻ sầu trăng nhỉ?
Xa cách nhưng lòng chỉ một thôi)[8].

Lý do mà tác giả thương người lính giặc bị bắt, không chỉ là lòng thương hại thường tình, mà xuất phát từ lòng vô ngã vị tha mang ý nghĩa nhân văn cao nhất trong cách nhìn nhận giá trị đích thực của con người: tác giả và người lính giặc bị bắt tuy ở hai xứ khác nhau, nhưng có một thứ không khác, đó là "Nhất chủng tâm" hay còn gọi là con người thật trong mỗi con người mà bản dịch tiếng Việt chưa thể hiện hết được.

Gần cuối thế kỷ XX, Bồ-tát Thích Quảng đã tự thiêu thân mình cúng dường cho Phật pháp và dân tộc làm rung động hàng triệu triệu trái tim của mọi giới trên khắp hoàn vũ là một minh chứng hùng hồn và xác thực cho tinh thần "Vô ngã vị tha" đã và đang tồn tại một cách hiển nhiên và thực tế trong đời sống xã hội. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã thành tâm ca ngợi sự hy sinh vĩ đại trong tinh thần "Vô ngã vị tha" của một bậc "Bồ-tát sống" cho Đạo pháp và Dân tộc ngày 20 tháng 4 nhuần năm Quý Mão 1963:

"Vị pháp thiêu thân, vạn cổ hùng uy thiên nhật nguyệt
Lưu danh bất tử thiên niên chính khí địa sơn hà."
Xin tạm dịch thoát ý:
"Vì Pháp thiêu thân muôn thuở oai hùng trời rực sáng
Lưu danh bất tử ngàn năm chính nghĩa đất thăng hoa".

Tóm lại, tinh thần "Vô ngã vị tha" là nét nhân cách độc đáo và xuyên suốt của những con người Phật giáo trong lịch sử văn học Phật giáo Việt Nam, và có lẽ cũng là nét nhân cách mà con người trong xã hội hiện đại cần hướng tới, nhằm mục đích xây dựng một xã hội Chân- Thiện- Mỹ với cuộc sống an vui hạnh phúc thật sự. ■

Chú thích:

1. Thích Minh Cảnh chủ biên (2005), *Từ điển Phật học Huệ Quang*, tập 7, Nxb Tổng Hợp TP.HCM, trang 6094.

2. *Thiền uyển tập anh*, bản Vĩnh Thịnh năm thứ 11 (1775), ký hiệu A3144; bản dịch của Ngô ĐứcThọ và Nguyễn Thúy Nga , Nxb Văn Học, 1990, trang 93.

3. Văn Tân chủ biên (2000), *Tổng tập Văn học Việt Nam*, tập 1, Nxb KHXH, trang 239.

4. Đoàn Thị Thu Vân (1998), *Thơ thiền Lý Trần*, Nxb Văn Nghệ TP.HCM, trang 226, 228.

5. Văn Tân chủ biên (2000), *Tổng tập Văn học Việt Nam*, tập 1, Nxb KHXH, trang 30.

6. Nguyễn Huệ Chi chủ biên (1989), *Thơ văn Lý Trần*, tập 2, quyển thượng, Nxb KHXH, HN, tr 29.

7. Thích Nhất Hạnh (2009), *Trái tim của Trúc Lâm đại sĩ*, Nxb Phương Đông, trang 9, 10.

8. Nguyễn Huệ Chi chủ biên (1989), *Thơ văn Lý Trần*, tập 2, quyển thượng, Nxb KHXH, HN, trang 692, 693.

Độ song thân

THIÊN DIỆU

Từ xa xưa, cư dân đất Việt đã khéo tiếp thu tinh thần hiếu đạo được chú ý nhấn mạnh trong giáo lý đạo Phật và đã khéo chuyển tải tinh thần ấy vào trong đời sống dân gian, khiến làm phong phú và sâu sắc thêm ý nghĩa hiếu đạo trong quan niệm sống của người Việt. Đó là sự phổ biến tập truyện thơ *"Nam Hải Quan Âm"* với nhân vật Diệu Thiện dốc lòng tu hành đạt thành chánh quả để báo hiếu song thân và cứu vớt muôn loài. Suốt một thời gian dài, hầu như người Việt nào cũng thích ngâm nga các câu:

Chơn như đạo Phật rất mầu,
Tâm trung chữ hiếu, niệm đầu chữ nhân.
Hiếu là độ được song thân,
Nhân là cứu vớt trầm luân muôn loài.

Hay:

Trên thời hiếu báo sanh thành,
Dưới thời nhân cứu chúng sanh Ta-bà.

Trên đây là nghĩa chữ tu của Quan Âm Diệu Thiện trong câu chuyện, cũng chính là lý tưởng tu hành của người Phật tử hay còn được gọi là đạo hiếu của người con Phật. Hiếu đi đôi với tu; tu là để báo hiếu, độ song thân. Bởi vì tu theo Phật chính là để độ mình, độ muôn loài chúng sinh thoát khỏi cảnh trầm luân khổ đau trong đó có cha mẹ mình. Độ là đi qua, vượt qua, đưa qua, giúp đi qua, giúp vượt qua; tự mình nỗ lực dùng phương tiện từ bờ bên này vượt qua bờ bên kia gọi là tự độ, hoặc dùng phương tiện và năng lực của mình để giúp đưa người từ bờ bên này sang bờ bên kia gọi là độ tha. Người tu hành theo đạo Phật dùng giáo lý Giới-Định-Tuệ của Phật làm phương tiện để tự mình vượt qua mọi mê lầm khổ đau và nỗ lực khuyến khích, chỉ bày cho người khác cách thức giúp cho họ vượt qua mê lầm khổ đau, gọi là tự độ và độ tha. Vị hành giả ấy được ví như người đưa đò, muốn đưa người sang bờ bên kia một cách an toàn thì trước hết phải tự học chèo đò cho thật thông thạo rồi mới có đủ kinh nghiệm để giúp đưa người an toàn qua sông. Đây chính phương cách tu hành của người con Phật, theo đó chữ hiếu được nhấn mạnh trên cơ sở tự mình nỗ lực tu học lời Phật dạy và giúp cho cha mẹ tin tưởng và sống theo lời Phật dạy để cha mẹ tự vượt qua mọi phiền não khổ đau gọi là "độ song thân".

Nhân mùa Vu-lan báo hiếu, chúng ta hãy nhẩm đọc lại cho thật kỹ những lời Phật nhấn mạnh về phương pháp báo đáp thâm ân của cha mẹ để hiểu rõ hơn thế nào là "độ song thân":

"Có hai hạng người, này các Tỳ-kheo, Ta nói không thể trả ơn được. Thế nào là hai? Mẹ và Cha. Nếu một bên vai cõng mẹ, này các Tỳ-kheo, một bên vai cõng cha, làm vậy suốt trăm năm cho đến 100 tuổi; nếu đấm bóp, thoa xức, tắm rửa, xoa gội, và dầu tại đấy, mẹ cha có vãi tiểu tiện đại tiện, như vậy, này các Tỳ-kheo, cũng chưa làm đủ hay trả ơn đủ mẹ và cha. Hơn nữa, này các Tỳ-kheo, nếu có an trí cha mẹ vào quốc độ với tối thượng uy lực, trên quả đất lớn với bảy báu này, như vậy, này các Tỳ-kheo, cũng chưa làm đủ hay trả ơn đủ mẹ và cha. Vì cớ sao? Vì rằng, này các Tỳ-kheo, cha mẹ đã làm nhiều cho con cái, nuôi nấng, nuôi dưỡng chúng lớn, giới thiệu chúng vào đời này.

Nhưng này các Tỳ-kheo, ai đối với mẹ cha không có lòng tin, khuyến khích, hướng dẫn an trú các vị ấy vào lòng tin; đối với mẹ cha theo ác giới, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào thiện giới; đối với mẹ cha xan tham, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào bố thí; đối với mẹ cha theo ác trí tuệ, khuyến khích, hướng dẫn, an trú các vị ấy vào trí tuệ. Cho đến như vậy, này các Tỳ-kheo, là làm đủ và trả ơn đủ mẹ và cha"[1].

Lời Phật dạy là hết sức rõ ràng cho những ai mong muốn báo đáp thâm ân sinh thành dưỡng dục của cha mẹ, gồm hai vế.

Vế thứ nhất là cách báo hiếu của những người chưa có nhân duyên học hỏi và hành trì giáo pháp giải thoát của Phật, gọi chung là hiếu hạnh của người thế gian. Ở đây chữ hiếu được thể hiện qua tấm lòng quý kính cha mẹ, hết lòng chăm lo săn sóc và phụng dưỡng cha mẹ một cách tận tâm tận lực trong lúc cha mẹ còn sinh tiền. Hẳn nhiên, đối với người thế gian mà có tấm lòng làm được những điều tốt đẹp như lời Phật dạy đối với cha mẹ thì đã là cao quý lắm rồi. Còn gì đáng quý và yên lòng hơn việc tự tay chăm lo săn sóc cho cha mẹ từng li từng tí như đấm bóp, thoa xức, tắm rửa, xoa gội, ẵm bồng, dọn vệ sinh cho cha mẹ; hay còn gì hân hoan và sung sướng hơn một khi có đủ điều kiện để cung hiến đời sống vật chất cao sang nhất cho cha mẹ? Hãy nghĩ đến tấm lòng thương kính cha mẹ của những người con hiếu thảo nhưng gặp phải cảnh ngộ khó khăn xa cách như được ghi lại trong các câu ca dao để nhận ra rằng mình thật may mắn hạnh phúc khi được sống gần gũi bên cha mẹ, được tự tay sớm hôm hầu hạ chăm sóc cho cha mẹ, có đủ điều kiện để dâng hiến các tiện nghi vật chất tốt đẹp cho cha mẹ:

Đói lòng ăn đọt chà-là
Để cơm nuôi mẹ, mẹ già yếu răng.

Ai về tôi gởi đôi giầy
Phòng khi mưa gió để thầy mẹ đi.

Chiều chiều ra đứng ngõ sau
Ngó về quê mẹ ruột đau chín chiều.

Như vậy, tận tâm tận lực hầu hạ chăm sóc cho cha mẹ, cung phụng đời sống vật chất đầy đủ cho cha mẹ chính là việc làm thiết thực lợi lạc của đạo làm con mà mọi người cần phải nỗ lực thực hiện để đền đáp phần nào công ơn cao dày của cha mẹ. Đây là vế thứ nhất trong những lời khuyên dạy của Đức Phật về hiếu hạnh, về cách thức báo đáp thâm ân của cha mẹ.

Tuy nhiên, với trí tuệ của bậc Giác ngộ, Đức Phật thấy rõ tính cách hạn chế của phương pháp báo hiếu ở vế thứ nhất và vì vậy Ngài nói tiếp vế thứ hai, nhấn mạnh đến cách thức giúp cho cha mẹ thực thi lẽ sống giác ngộ hay lẽ sống chân chính hiền thiện, có trí tuệ, có từ tâm, khiến cho cha mẹ biết nuôi dưỡng và phát huy tiềm năng giác ngộ vốn có của chính mình để tự tìm thấy an lạc ở đời này và đời sau. Đây gọi là thực hiện lòng hiếu kính đúng như lời Phật dạy hay phương pháp báo hiếu của người Phật tử, tức là thể hiện tâm hiếu "độ song thân" bằng cách khuyến khích, hướng dẫn và an trú cha mẹ vào con đường giác ngộ, con đường của sự nuôi dưỡng và phát triển đạo đức, tâm đức, tuệ đức, khiến cho cha mẹ luôn luôn được sống trong tâm niệm an vui giải thoát, cả đời này và đời sau. Lẽ tất nhiên, để làm được điều này, nghĩa là giúp cho cha mẹ thực thi lẽ sống giác ngộ, thì trước hết người làm con phải có lòng tin sâu và hành sâu về con đường giác ngộ rồi bấy giờ mới có thể giúp cho cha mẹ từng bước đi vào con đường giác ngộ. Nói cách khác, muốn độ cha mẹ thì trước hết phải biết độ mình. Đây là điểm then chốt trong phương pháp báo hiếu của người con Phật, nói rõ sự khác biệt về cách thức báo hiếu giữa một người chưa có nhân duyên học Phật và một người Phật tử thuần thục Phật pháp. Chăm sóc phụng dưỡng cha mẹ một cách đầy đủ, làm cho cha mẹ cảm thấy hài lòng sung sướng với cuộc sống sung túc hiện tại là điều mà mọi người cần làm và có thể làm được. Nhưng để "độ

song thân" hay giúp cho cha mẹ dần dần đi ra khỏi cảnh u tối khổ đau của luân hồi thì không phải ai cũng biết cách thực hiện. Đây cũng chính là nỗi ưu tư lớn của người con Phật khi nghĩ nhớ đến cha mẹ mình, tức là phải làm sao để cho cha mẹ vừa có được cuộc sống thoải mái nhàn nhã hiện tại, vừa nuôi dưỡng và phát huy được các phẩm chất giác ngộ như tín tâm, giới đức, bố thí, trí tuệ để cha mẹ có được hạnh phúc và an lạc lâu dài. Vì chỉ có làm được như thế thì mới báo đáp đầy đủ ân đức của cha mẹ mình đúng như lời Đức Phật dạy hay mới độ được cha mẹ mình.

May mắn thay, những lời Đức Phật dạy đã làm vơi đi nỗi ưu tư của người Phật tử hiếu thảo. Nội dung lời Phật chỉ bày về phương pháp báo hiếu báo ân đầy đủ cho cha mẹ hay về cách thức "độ song thân" là hoàn toàn dễ hiểu và dễ thực hành đối với mọi người con Phật. Đó không gì khác là nếp sống chân chính của một Phật tử, có đầy đủ lòng tin ở Tam bảo, có nếp sống khéo gìn giữ các thiện giới, có tâm lượng rộng lớn sẵn sàng giúp đỡ người khác, có trí tuệ phân biệt rõ ràng đâu là thiện để theo, đâu là ác để từ bỏ. Nói cách khác, đó chính là nếp sống biết nuôi dưỡng và phát triển các phẩm chất đạo đức, tâm đức, tuệ đức, có khả năng loại trừ mọi mê lầm khổ đau, hướng đến giác ngộ giải thoát mà bất cứ người Phật tử nào cũng được khuyến khích nỗ lực thực hành và chia sẻ với người khác.[2] Như vậy, một Phật tử, dù là xuất gia hay tại gia, nếu chuyên tâm sống theo lời Phật dạy, nghĩa là thể hiện một nếp sống có tín tâm, có giới đức, có bố thí, có trí tuệ, thì đều có khả năng báo đáp công ơn của cha mẹ mình một cách tốt đẹp hay có thể "độ song thân". Trong giáo lý đạo Phật, tự mình nỗ lực thực hành lời Phật dạy về tăng trưởng tín tâm, tăng trưởng giới đức, tăng trưởng bố thí, tăng trưởng trí tuệ thì được gọi là tự lợi hay tự độ, nghĩa là tự mình được lợi ích an lạc, được thoát khỏi phiền não khổ đau nhờ sống theo giáo pháp giác ngộ hiền thiện của Phật. Tự mình được an lạc, vượt qua phiền não khổ đau rồi mà nỗ lực khuyến khích và chỉ bày cho người khác cách thức khiến cho họ cũng được an lạc, thoát khỏi phiền não khổ đau thì gọi là sống tự lợi và lợi tha hay còn gọi là độ mình và độ người. Đây là ý nghĩa căn bản của chữ "độ" trong quan niệm của đạo Phật, theo đó người con Phật được khuyên cần phải thường xuyên dốc tâm tu học Phật pháp, cùng lúc nỗ lực khuyến khích và hướng dẫn cha mẹ mình thực hành Phật pháp như là một nếp sống hiếu hạnh, một cách thức báo hiếu sáng suốt, vừa đem lại lợi lạc cho mình vừa mang lại lợi lạc cho cha mẹ mình.

Tóm lại, hiếu hạnh là một nếp sống cao quý luôn luôn được khuyến khích và nhấn mạnh trong đạo Phật. Đó không gì khác là hạnh tu của người con Phật trong ý nghĩa tự lợi và lợi tha. Người Phật tử thương kính cha mẹ, mong muốn báo đáp công ơn sinh thành dưỡng dục trời biển của cha mẹ một cách tốt đẹp như lời Đức Phật dạy hay muốn "độ song thân" thì không những phải hết lòng chăm lo cho cuộc sống hiện tại của cha mẹ một cách đầy đủ, tận tâm tận lực, mà quan trọng hơn là phải biết tự mình tu tập, thể hiện một đời sống có chánh kiến, có giới đức, có từ tâm, có trí tuệ để khuyến khích, tạo niềm tin cho cha me mình, giúp cho cha mẹ dần dần nhận ra lợi ích của nếp sống chân chánh hiền thiện mà dốc tâm thực hành. Có như thế thì việc tu học Phật pháp của người con Phật mới thực sự có ý nghĩa và lợi ích, vì tu theo Phật là để lợi mình, lợi người, lợi cả hai; tu cũng chính là thể hiện tâm hiếu, bởi tu là nỗ lực để độ mình, độ cha mẹ mình, độ hết thảy chúng sinh vượt qua mọi mê lầm, phiền não, khổ đau, đạt đến Niết-bàn, an vui, giải thoát. Nhân ngày Vu-lan báo hiếu, cầu mong mỗi người con Phật chúng ta hãy noi gương hiếu hạnh của Đức Mục-kiền-liên mà làm những gì tốt đẹp để báo đáp ân đức các bậc cha mẹ đã quá vãng; còn với những ai may mắn có các đấng sinh thành đang hiện hữu ở bên mình thì hãy tận tâm tận lực làm tròn những gì Đức Phật đã chỉ dạy để góp một chút công đức nhỏ nhoi làm vui lòng cha mẹ hiện tại và giúp cho cha mẹ có được cuộc sống thanh thản an lạc ở những đời sau. ■

Chú thích:

1. Kinh Đất, *Tăng Chi Bộ*.
2. Kinh Hạnh phúc chi ai (4), Kinh Hai mươi pháp, *Tăng Chi Bộ*.

Lòng Hiếu, lòng Từ bi và tánh Không

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

Lòng hiếu là lòng từ bi đối với cha mẹ.

Lòng từ bi là mong muốn đối tượng được an vui, không khổ não; là sự dịu dàng, nhẫn nại, ân cần, chăm sóc, nâng đỡ, bảo bọc, hy sinh, chịu khổ thay cho… Đó cũng là những tính cách của lòng hiếu.

Lòng hiếu là lòng từ bi gần gũi nhất đối với con người. Vì cha mẹ là sự gần gũi nhất, về *gien,* về tính khí, về trình độ văn hóa, về sống chung trong một hoàn cảnh, về sự chia sẻ những ước vọng và cả thất vọng của một gia đình. Nếu không từ bi được với cha mẹ thì có lẽ không thể từ bi được với ai cả. Thế nên, hai trong năm tội lớn lao nhất theo Phật giáo (ngũ nghịch, ngũ vô gián nghiệp) là giết cha, giết mẹ. Bởi vì phạm vào hai tội đó thì không còn là con người nữa rồi, không còn một chút xíu từ bi, là cái làm nên đời sống con người nữa rồi, phải sa đọa vào chốn thấp nhất của sự sống mà thôi.

Lòng hiếu là lòng từ bi đối với cha mẹ. Đó là đạo làm người (nhân đạo). Nhưng muốn tiến xa hơn, hoàn chỉnh hơn, thì phải đi vào Phật đạo, bởi vì làm người cũng có nhiều bất trắc, không thật. Nếu tôi thương yêu cha mẹ tôi, nhưng cha mẹ tôi bị người khác giận ghét, làm hại, tôi sẽ trả thù, ít nhất là ghét lại. Tôi thương cha mẹ tôi, tôi có hiếu với cha mẹ tôi, nhưng tôi ghét, tôi bất hiếu với cha mẹ người khác. Lòng hiếu của con người cũng rất hữu hạn, bấp bênh, mong manh.

Biết đâu tôi thương cha mẹ tôi chỉ là tôi thương tôi. Cha mẹ tôi làm tôi hãnh diện thì tôi ân cần, đi đâu cũng khoe; còn cha mẹ tôi làm tôi mất mặt thì tôi tránh đi cùng, ai hỏi thì cũng trả lời qua loa. Lòng hiếu của con người bình thường bị giới hạn bởi cái tôi và cái của tôi. Một tình thương thật sự thì không bị giới hạn trong cái tôi và cái của tôi. Nếu một tình thương khởi từ tôi rồi quanh quẩn trong cái tôi và chấm dứt nơi cái tôi thì đó là tình thương của tôi, một cái tôi nhỏ hẹp, bất toàn. Với cái của tôi ấy, việc tôi thương biến thành tôi ghét rất dễ dàng.

Khi đạo Phật làm cho mỗi người trở thành con người chân chánh (theo Bát Chánh đạo) thì lòng hiếu hay lòng từ bi đối với cha mẹ cũng trở thành chân thật.

Từ lòng hiếu hay lòng từ bi đối với cha mẹ, từ số vốn

khởi nghiệp nhỏ nhoi của một kiếp người, đạo Phật dạy chúng ta mở rộng tình thương ấy ra. Đối tượng của lòng hiếu hay lòng từ bi không còn chỉ giới hạn trong cha mẹ mà mở ra với tất cả chúng sanh. Nói cách khác, từ bi với chúng sanh như là cha mẹ mình.

Kinh *Đại Bát-nhã* nói:

"Đức Phật bảo: Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát muốn mau chứng được Giác ngộ vô thượng phải đối với tất cả chúng sanh trụ tâm bình đẳng, khởi tâm bình đẳng, chẳng nên trụ tâm bất bình đẳng, khởi tâm bất bình đẳng. Phải đối với tất cả chúng sanh đem tâm bình đẳng mà nói với, chẳng nên đem tâm bất bình đẳng mà nói với.

Phải đối với tất cả chúng sanh khởi tâm đại từ, chẳng nên khởi tâm giận dữ. Phải đối với tất cả chúng sanh đem tâm đại từ mà nói với, chẳng nên đem tâm giận dữ mà nói với.

Phải đối vối tất cả chúng sanh khởi tâm đại bi, chẳng nên khởi tâm não hại. Phải đối với tất cả chúng sanh đem tâm đại bi mà nói với, chẳng nên đem tâm não hại mà nói với.

Phải đối với tất cả chúng sanh khởi tâm đại hỷ, chẳng nên khởi tâm ganh ghét. Phải đối với tất cả chúng sanh đem tâm đại hỷ mà nói với, chẳng nên đem tâm ganh ghét mà nói với.

Phải đối với tất cả chúng sanh khởi tâm đại xả, chẳng nên khởi tâm thiên vị. Phải đối với tất cả chúng sanh đem tâm đại xả mà nói với, chẳng nên đem tâm thiên vị mà nói với.

Phải đối với tất cả chúng sanh khởi tâm cung kính, tâm ngay thẳng, tâm dịu dàng, tâm lợi ích, tâm an vui, tâm không trở ngại; chẳng nên khởi tâm khinh thường, tâm xu nịnh, tâm cứng cỏi, tâm chẳng lợi ích, tâm chẳng an vui, tâm có trở ngại. Phải đối với tất cả chúng sanh đem tâm cung kính, tâm ngay thẳng, tâm dịu dàng, tâm lợi ích, tâm an vui, tâm không trở ngại mà nói với; chẳng nên đem tâm khinh thường, tâm xu nịnh, tâm cứng cỏi, tâm chẳng lợi ích, tâm chẳng an vui, tâm có trở ngại mà nói với.

Phải đối với tất cả chúng sanh *khởi tâm như cha mẹ*, như anh chị em, như con trai con gái, như họ hàng; cũng đem tâm đây mà nói với. Phải đối với tất cả chúng sanh khởi tâm bè bạn, khởi tâm như thầy dạy, như con em, như đồng học; cũng đem tâm đây mà nói với.

Phải đối với tất cả chúng sanh khởi tâm như bậc Nhập lưu, Nhất lai, Bất lai, A-la-hán, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai; cũng đem tâm đây mà nói với.

Phải đối với tất cả chúng sanh khởi tâm nên cung kính cúng dường, tôn trọng, ca ngợi; cũng đem tâm đây mà nói với. Phải đối với tất cả chúng sanh khởi tâm nên cứu giúp, thương xót, che chở; cũng đem tâm đây mà nói với".

(Phẩm Chân Như, hội thứ Ba)

Tâm bình đẳng, không giận dữ, không não hại, không thiên vị, tâm cung kính, tâm ngay thẳng, tâm dịu dàng, tâm lợi ích, tâm an vui, tâm không trở ngại, tâm tôn trọng ngợi ca, tâm cứu giúp thương xót che chở… đó là tâm từ bi. Tâm từ bi được thể hiện không chỉ nơi tâm, mà còn nơi ngữ, nơi thân, nghĩa là thấm nhuần toàn bộ thân tâm.

Đối tượng của tâm từ bi này là tất cả chúng sanh. Đối tượng của tâm ấy rộng lớn bao la như vậy nên tâm ấy cũng trở thành rộng lớn bao la. Một đặc điểm khác của tâm từ bi là xuyên suốt qua, từ đối tượng thấp nhất đến cao nhất. Thế nên thực hành từ bi thì tâm chúng ta sẽ rộng hơn, sâu hơn.

Chính từ bi làm cho tâm chúng ta mở rộng và phá bỏ những chướng ngại phân biệt ngăn cách giữa chúng ta và người khác, chúng sanh khác. Từ bi làm công việc của trí huệ Bát-nhã là phá bỏ phiền não chướng và sở tri chướng ngăn che chúng ta với chúng sanh và thế giới. Lòng từ bi sâu rộng là sự hợp nhất với chúng sanh và thế giới. Cùng cực của lòng từ bi là "vô duyên đại từ, đồng thể đại bi".

Trên con đường đi đến lòng từ bi vô duyên và đồng thể, chắc chắn sự hợp nhất với tất cả này vẫn chưa hoàn toàn, vì vẫn còn tướng chúng sanh làm ngăn ngại, tướng ta-người làm ngăn ngại. Ở đây, trí huệ tánh Không sẽ hỗ trợ cho lòng từ bi ấy, bằng cách phá bỏ bốn tướng ngã, nhân, chúng sanh, thọ mạng.

Như thế, càng sâu rộng thì tâm từ bi càng kết hợp với tánh Không, càng vô ngại và vô lượng thì tâm từ bi càng hợp nhất với tánh Không, bởi vì tánh Không thì vô ngại, không phân biệt và không biên bờ.

Tâm từ bi khởi đầu bằng những hình tướng (cha mẹ, anh chị em, chúng sanh…) dần dần sâu rộng đi lần tới vô tướng tức tánh Không. Cuối cùng, tâm từ bi và tánh Không hợp nhất hoàn hảo ở một bậc Giác ngộ.

Để hợp nhất trọn vẹn với tánh Không vốn giải thoát bằng cách lìa tất cả hình tướng, kinh nói tiếp đoạn trên:

"Phải đối với tất cả chúng sanh khởi tâm rốt ráo Không, vô sở hữu, bất khả đắc; cũng đem tâm đây mà nói với. Phải đối với tất cả chúng sanh khởi tâm Không, Vô tướng, Vô nguyện; cũng đem tâm đây mà nói với.

Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát muốn mau chứng được giác ngộ vô thượng, đem vô sở đắc làm phương tiện, thì nên trụ như vậy".

Thế nên, trong công thức lý tưởng của Đại thừa là Chân Không-Diệu Hữu thì Chân Không là tánh Không và Diệu Hữu ở đây là Từ Bi.

Từ bi luôn luôn đi liền trong những phẩm tính thành tựu của một bậc Giác ngộ, nên kinh Đại Bát-nhã khi nói về một bậc Giác ngộ thì có đủ "Như Lai mười lực, mười tám pháp bất cọng, bốn vô sở úy, bốn vô ngại giải, đại từ đại bi". ■

Vài ý nghĩ về

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và Tôn giáo

THÍCH GIÁC TOÀN

Một cách khái quát, nhà nước pháp quyền là một nhà nước điều hành đất nước dựa vào pháp luật. Khái niệm này phải được phân tích, triển khai rộng rãi hơn; từ đó mới có nhận định về nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và chính sách của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa về tôn giáo.

Từ nổi cộm ở đây trước hết là pháp luật. Định nghĩa cơ bản về pháp luật là: "Pháp luật là một hệ thống các điều lệ và chỉ dẫn được đưa vào các cơ cấu xã hội để điều khiển các hành vi. Luật được làm ra bởi chính quyền, đặc biệt là bởi các nhà làm luật. Việc hình thành các luật có thể chịu ảnh hưởng của hiến pháp và các quyền lợi được mã hóa trong đó. Luật tạo nên chính trị, kinh tế và xã hội theo vô số cách và phục vụ như một người trung gian liên lạc mang tính xã hội giữa những người dân" *(en.wikipedia.org)*.

Pháp luật của mỗi quốc gia có thể khác nhau vì hoàn cảnh địa lý, kinh tế, xã hội, văn hóa, truyền thống tư duy và đạo đức tôn giáo. Pháp luật cũng như Hiến pháp, gồm nhiều phạm trù như vậy nên pháp luật và hiến pháp đương nhiên là của một quốc gia chứ không thể là của nhiều quốc gia; hay nói khác đi, luật pháp quốc gia là một luật hay một nhóm luật áp dụng cho một vùng đất hay một quốc gia, trong một lãnh thổ nhất định và giữa các cư dân của lãnh thổ ấy. Luật pháp quốc gia không thể được áp dụng bên ngoài biên giới của đất nước mà nó được gắn liền *(answers.ask.com)*. Dĩ nhiên có pháp luật quốc tế, nhưng nội dung bao gồm sự đồng thuận của các thành viên để tránh những mâu thuẫn, xung đột, tạo sự đồng thuận trong các quan hệ quốc tế.

Luật càng ngày càng được cải tiến để người dân của một quốc gia được tự do hơn, tránh sự độc tài và cũng tránh tình trạng vô chính phủ. Năm 1748, Bá tước Montesquieu viết cuốn *De L'Esprit des Lois* (Bàn về Tinh thần Pháp luật), cuốn sách được soạn trong 14 năm, được xem là có ý tưởng mới mẻ về pháp luật. Ông từ chối phê phán điều gì đang là mà thay bằng điều gì phải là để phê phán nhà nước cũng như các quan điểm luật pháp thời ấy. Ông bênh vực một lý thuyết nguồn gốc của pháp luật; thay vì ra lệnh phải theo pháp luật, ông tạo pháp luật thành một quan hệ để quan sát và điều chỉnh giữa các sự kiện mang tính biến chuyển như các nguyên nhân văn hóa (truyền thống, tôn giáo…) và các nguyên nhân tự nhiên (như khí hậu, địa lý…). Tác phẩm này có ảnh hưởng đến việc soạn thảo Hiến pháp của nước Pháp năm 1791; đáng chú ý là việc phân quyền hành pháp, lập pháp và tư pháp. Trước Montesquieu cả trăm năm, Samuel Rutheford cho ra đời cuốn *Lex, Rex* ((Luật là Vua, 1644), ý nói Luật lớn hơn Vua. Nhà nước phải điều hành theo luật. Cuối thế kỷ 19, tư tưởng của Johann W. Placidus nổi bật trong học thuyết pháp lý Đức và rất phổ biến ở châu Âu, gọi là Lý thuyết Rechtsstaat (Nhà nước Pháp quyền, 1798), hô hào tự do dân chủ, chống lại nhà nước chuyên chế.

Hiện nay các nhà nước trên thế giới đều tự tuyên bố là nhà nước pháp quyền, lấy pháp luật, theo hiến pháp mà điều hành đất nước. Trong các văn kiện của Đảng Cộng sản Việt Nam, đặc biệt là Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, đã khẳng định nhiệm vụ "xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng". Nhà nước được tổ chức và vận hành một cách khoa học, phù hợp với thực tiễn của đất nước; tổ chức, hoạt động của đất nước đặt trên cơ sở pháp luật, chịu sự điều chỉnh của pháp luật. Nghị quyết Đại hội IX nói trên là văn kiện khẳng định quyết tâm của Đảng xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, sau một loạt các văn bản qua các hội nghị và Đại hội VII (1995) và Đại hội VIII (2000).

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đang trên đà tăng cường hiệu lực trong giai đoạn mới, thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, và cốt lõi vẫn là dựa vào lực lượng nhân dân, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, xuất phát từ nguyện vọng và lợi ích của nhân dân và dựa trên nguyên tắc tất cả các quyền lực nhà nước đều thuộc về nhân dân.

Tôn giáo, đồng bào có tôn giáo, là một bộ phận không nhỏ và rất quan trọng của nhân dân. Thật ra, mối liên hệ giữa nhà nước và tôn giáo từ lâu vẫn là một thực tế, một thực tế tốt đẹp, ngoại trừ một số trường hợp lợi dụng tôn giáo để mưu đồ lợi ích, mưu đồ chính trị đen tối. Engel lúc cuối đời, trong bài viết "Đóng góp vào lịch sử của Cơ-đốc giáo nguyên thủy," có nêu ý rằng Cơ-đốc giáo lúc khởi đầu gồm những người nghèo khổ, bị áp bức, nô lệ, mong được giải phóng. Ý tưởng này tương tự như Đảng Cộng sản quyết tâm giải phóng con người khỏi những áp bức, bóc lột, nô lệ… Phật giáo vốn từ nguyên thủy đã lấy giải thoát làm cứu cánh, giải thoát khỏi khổ đau trong đời này và cả những đời sau, xóa bỏ các đẳng cấp, giai tầng, mọi phân biệt của xã hội. Đức Phật dạy: "Nước biển chỉ có một vị là mặn, Pháp và Luật của Ta chỉ có một vị là Giải thoát". Giải thoát tối hậu của Phật giáo là Niết-bàn, nhưng giải thoát còn có nghĩa là giải thoát khỏi khổ đau, khỏi đói nghèo, bệnh tật, khỏi áp bức, nô lệ, khỏi xâm lược… Tóm lại, nhà nước và tôn giáo đều lo cho người dân, giúp họ sống hiền thiện, ấm no, hạnh phúc. Có điều, trong khi nhà nước nỗ lực lo cho dân trong đời này thì tôn giáo cũng tuyên

bố đóng góp vào việc lo cho con người hạnh phúc trong đời này và cả hạnh phúc sau khi chết đi. Xem ra, lời tuyên bố của tôn giáo có vẻ hấp dẫn hơn đối với nhiều người! Do đó, nhà nước phải có các văn kiện xác định sự hiện hữu và tầm quan trọng của tôn giáo, đồng thời quy định các thể thức tổ chức, hoạt động của tôn giáo.

Năm 1990, Đảng có sự đổi mới trong chính sách đối với tôn giáo qua Nghị quyết số 24-NQ-TW ngày 15-10-1990 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng về "Tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới". Ngày 12-3-2003, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đưa ra Nghị quyết số 25-NQ/TW, nội dung nhằm tăng cường đoàn kết đồng bào các tôn giáo trong khối đại đoàn kết dân tộc, tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, quyền sinh hoạt tôn giáo theo Hiến pháp và pháp luật. Tháng 4 năm 2006, văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần X của Đảng khẳng định: "Đồng bào các tôn giáo là bộ phận quan trọng của khối đại đoàn kết dân tộc. Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng (…) phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp của tôn giáo. Động viên, giúp đỡ đồng bào theo đạo và các chức sắc tôn giáo sống "tốt đời đẹp đạo". Các tổ chức tôn giáo hợp pháp hoạt động theo pháp luật được pháp luật bảo hộ". (*Tạp chí* Tuyên giáo *ngày 8-7-2009)*.

Văn kiện trên đây rõ ràng là sự triển khai của việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, thời đại mới. Và rõ ràng, chỉ trong vòng vài năm gần đây, các tôn giáo đã có sự phát triển mạnh mẽ, các hoạt động của tôn giáo được nhà nước giúp đỡ, tạo mọi điều kiện thuận tiện. Sự phát triển này rõ rệt nhất là ở Phật giáo. Tăng Ni, Phật tử phấn khởi, ra sức cùng Giáo hội Phật giáo Việt Nam thực hiện các Phật sự, góp phần hoằng pháp lợi sinh trong ý nghĩa phát huy lý tưởng Phật giáo và đóng góp công sức cùng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sự nghiệp tạo hạnh phúc cho nhân dân.

Trong ý nghĩa tôn giáo, những người có tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật, nhà nước không thiên vị một tôn giáo nào về mặt pháp luật. Tăng Ni, Phật tử thấy rằng Phật giáo đã và đang phát triển mạnh mẽ và được sự đồng tình ủng hộ tích cực của nhà nước hầu như là một điều tất yếu. Phật giáo Việt Nam đã hình thành từ hơn hai nghìn năm, gắn bó với đất nước, con người Việt Nam; đã đóng góp tích cực trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước, cụ thể là đã sát cánh cùng Đảng Cộng sản Việt Nam và nhân dân chống đế quốc, thực dân xâm lược trong suốt hơn 80 năm qua. Tuy không chủ trương thu hút tín đồ, Giáo hội Phật giáo Việt Nam cũng ước lượng số tín đồ Phật tử hiện nay theo GHPGVN là khoảng 45 triệu và có thể nhiều hơn thế. Con số này không thể được thống kê chính xác vì phần lớn số người tin Phật, thờ Phật nhưng lại không quy y và hiếm khi đến chùa. Cũng cần nói thêm là công bố của Nhà nước năm 2006 về số đồng bào theo đạo đã nêu số tín đồ Phật giáo chỉ là 10 triệu theo thống kê năm 2005 của Ban Tôn giáo Chính phủ. Vậy mà theo kết quả Tổng điều tra dân số năm 2009 thì số tín đồ Phật giáo chỉ còn 6.802.318 người. Chỉ trong vòng 4 năm của giai đoạn phát triển mà số tín đồ Phật giáo giảm đi hơn 3 triệu người! Con số thống kê này chỉ dựa trên các tờ khai, không đúng với sự thực và có thể làm giảm uy tín của Phật giáo Việt Nam đối với các tổ chức Phật giáo trên thế giới và cũng không có lợi về mặt chính trị cho nhà nước về chính sách tôn giáo.

Sau cùng, xin có đôi lời về lực lượng cán bộ đảm trách công tác tôn giáo. Trong những năm đầu kể từ khi đất nước được thống nhất, có lẽ do tình hình đất nước, một số cán bộ đảm trách công tác tôn giáo thuộc Ban Tôn giáo Chính phủ và thuộc các ngành an ninh chưa có sự thống nhất trong cách giao tiếp và xử lý các trường hợp liên quan đến tôn giáo, cộng với sự chưa hiểu rõ tình hình chung của các chức sắc và tín đồ tôn giáo, các hoạt động tôn giáo trở nên có phần khó khăn, thiếu ổn định; tùy nơi, tùy việc… mà phần lớn kết quả là do năng lực vận dụng của người cán bộ trực tiếp hướng dẫn và thực thi chính sách tôn giáo. Về sau, nhất là từ khi chính sách đổi mới được thực hiện, từ khi khởi đầu thực hiện chính sách hiện đại hóa, công nghiệp hóa của nhà nước ta, chính sách nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đối với tôn giáo, thì việc quản lý, giao tiếp, giúp đỡ các tôn giáo phát triển theo đúng pháp luật được thực hiện tốt đẹp, có hiệu quả. Việc giao tiếp giữa chính quyền và tôn giáo trở nên dễ dàng, thoải mái nên các hoạt động tôn giáo được ổn định và có được những thành quả khả quan.

Cán bộ làm công tác tôn giáo là bộ phận rất quan trọng trong việc thực thi chính sách về tôn giáo của Đảng và Nhà nước. Cho nên trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần IX (năm 2006) của Đảng có ghi: "Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác tôn giáo".

Việc tăng cường công tác đào tạo và bồi dưỡng cán bộ làm công tác tôn giáo được thường xuyên thực hiện cộng với ý thức trách nhiệm, kinh nghiệm và kỹ năng ứng xử của các cán bộ là điều kiện tốt nhất để các tôn giáo ở Việt Nam được phát triển mạnh mẽ và đúng hướng trong tinh thần tốt đạo đẹp đời. Được như vậy thì những dư luận, những đồn đãi, những vu khống rằng Nhà nước ta can thiệp quá sâu vào nội bộ các tôn giáo, gây khó khăn cho các hoạt động tôn giáo sẽ không còn nữa. ■

Tự tứ
Kết nối truyền thông tâm linh

THÍCH PHƯỚC ĐẠT

Theo truyền thống sinh hoạt tu học của chư Tăng Ni từ thời Đức Phật còn tại thế, cứ đến ngày kết thúc một mùa an cư thì Đức Thế Tôn cùng chư Tăng Ni đều làm lễ Tự tứ, nhằm tạo điều kiện cho chư Tăng Ni phát lồ, thanh tịnh thân tâm. Trên hết, lễ Tự tứ còn có mục đích nữa là Đức Thế Tôn chứng minh và công nhận cho mỗi hành giả đã thành tựu sự tu tập với nhiệt tâm tinh cần trong cuộc hành trì thăng chứng nội tâm hướng đến giải thoát tối hậu qua ba tháng cấm túc. Chính với ý nghĩa đó mà lễ Tự tứ, một mặt, vẫn là một dấu ấn lớn dành cho chư Tăng Ni trong giới thiền môn, mặt khác, ngày nay đã thực sự mang một giá trị truyền thông tâm linh trên bình diện cộng đồng xã hội trong việc xây dựng nếp sống đạo đức hướng thiện và hạnh phúc cho con người. Bởi vì, suy cho cùng thì giá trị của lễ Tự tứ là sự thể hiện việc quyết định nỗ lực hoàn thiện nhân cách, thăng chứng tâm linh và khai mở trí tuệ đối với mọi cá nhân con người trong cuộc sống vốn biến động không ngừng.

Thực tế, ngay từ thời Phật còn tại thế, lễ Tự tứ đã được Đức Thế Tôn và các đệ tử Trưởng lão tổ chức đơn giản nhưng hết sức trang nghiêm, trong một môi trường thanh tịnh, ban đầu là ngay giữa khu rừng, sau đó là tại các tinh xá. Khởi nguyên của ngày này là chúng Tăng an cư tự thân nghĩ rằng: "Tuy mình đã gắng tu như thế, nhưng không chắc đã tránh hết lỗi lầm, nên khi tròn ba tháng (vào Rằm tháng Bảy) cùng nhau tập trung lại, cầu mong những vị có giới đức thanh tịnh hơn mình chỉ lỗi cho. Nếu mình tự thấy mắc phải lỗi lầm thì phải phát lồ sám hối". Đây chính là cốt lõi của ngày lễ Tự tứ. Mục đích của lễ này là để mỗi vị hành giả an cư tự nêu lên các tội mình đã phạm trong ba việc thấy, nghe, nghi đối trước các vị đồng phạm hạnh khác mà sám hối. Nhờ sự sám hối này mà thân tâm thanh tịnh, tự sinh vui mừng, nên gọi là Tự tứ.

Tự tứ là dịch nghĩa từ chữ Phạn (Paravana theo Pali hay Pravarana theo Sanskrit), dịch âm là Bát-lợi-bà-thích-noa, Bát-hòa-la, có khi còn dịch là Mãn túc, Hỷ duyệt, Tùy ý sự. Vì lễ Tự tứ được cử hành giữa chư Tăng Ni nên ngày này được mệnh danh là Tăng Tự tứ nhật - ngày chư Tăng Tự tứ; cũng từ giờ phút này chư Tăng thụ giới an cư được công nhận thêm một tuổi đạo nên còn gọi là ngày Tăng thụ tuế nhật.

Theo ghi nhận trong *Thiên Tự tứ tông yếu* thuộc *Tứ phần Luật san phồn bổ khuyết hành sự sao,* quyển thượng, phần 4 thì Phật chế hạ an cư 90 ngày, khiến Tăng chúng nhóm họp một chỗ hạ thủ công phu, hành trì giới hạnh, làm cho đạo hạnh trong sáng. Tuy nhiên, do phần lớn không nhận thức được việc làm của mình, không tự thấy lỗi lầm của mình đã phạm, nên phải nhờ đại chúng từ bi chỉ bảo. Do đó, vào ngày Tự tứ, mọi người phải hết lòng bày tỏ tội lỗi của mình, cầu thỉnh đại chúng dạy răn, bấy giờ mới hiển bày được những lỗi bên trong, sai lầm bên ngoài. Nhờ sự phát lồ sám hối này mà thanh tịnh. Điểm đáng nói là Phật không cho phép Tăng chúng thực hành phi pháp biệt Tự tứ, phi pháp hòa hợp Tự tứ, hữu pháp biệt Tự tứ, chỉ cho phép thực hành hữu pháp hòa hợp Tự tứ đúng như tinh thần của *Kiền độ Tự tứ* trong *Luật Thập tụng* 23 đã ghi.

Rõ ràng, theo Luật định thì mục đích của lễ Tự tứ là xây dựng đời sống Tăng-già hòa hợp thanh tịnh, trên cơ sở tự thân tu tập phạm hạnh tinh khiết. Quan điểm của Phật giáo thường được ghi trong các bản kinh là có hai hạng người đáng quý nhất ở đời. Thứ nhất là hạng người suốt đời không bao giờ tạo ra tội lỗi và thứ hai là hạng người có tạo ra tội lỗi mà thành tâm sám hối, từ bỏ. Do đó, bất cứ người đệ tử Phật nào cũng phải quán triệt tinh thần này; nhất là các vị xuất gia, sống đời sống phạm hạnh, không gia đình, hướng tâm đến mục đích giải thoát tối hậu. Hẳn nhiên, không phải chỉ với ba tháng an cư là hành giả đã thành tựu phạm hạnh đạt tới sự giải thoát, mà sự hành trì đòi hỏi hành giả phải trải nghiệm, hạ thủ công phu cả quá trình qua một thời gian nhất định với một không gian, môi trường tu tập thích ứng. Nhưng công bằng mà nói, khoảng thời gian ba tháng an cư hàng năm là thời gian mang tính chất quyết định, mang dấu ấn lớn trong việc dốc lòng, nhiệt tâm tinh cần, chứng đạt giác ngộ của một hành giả. Tại

đây, mọi tâm lý mang tính chất "cái này là tôi, là của tôi, tự ngã của tôi" có thể tự đổ rụng, thay vào đó là thái độ sống vô ngã, sẵn sàng lắng nghe các đối tượng và tiếp nhận - sàng lọc các các thông tin để hành xử đúng với mọi người, mọi điều với sự soi rọi của chánh kiến.

Nguyên tắc của Tự tứ là phải thanh tịnh hòa hợp, do đó mọi hành giả an cư tham dự buổi lễ này đều khởi lòng tự tín với chính mình và các vị đồng phạm hạnh khác. Lòng tin vào tự thân có giá trị quyết định cho sự hoàn thiện nhân cách, thăng chứng tâm linh, thành tựu giới đức, tâm đức, tuệ đức sau ba tháng nỗ lực tinh tấn tu hành. Và ngay giờ phút thiêng liêng của lễ Tự tứ, hành giả tin mình đã chuyển hóa nội tâm, đã thành tựu, đã chứng đạt. Điều quan trọng hơn nữa, do tự mình phát tâm muốn sám hối những điều sai phạm mà chính bản thân không thấy, không biết, không nghe nên khởi tâm tin các vị đồng phạm hạnh khác một cách tuyệt đối trong tinh thần tôn trọng, hòa hợp, vị tha, bao dung độ lượng, công tâm và bình đẳng.

Cho nên, hành giả an cư khởi niềm tin vào người đứng ra cử tội có đủ năm phẩm tính đúng như Luật định:

1. Hỏi đúng lúc, đúng thời.
2. Thành thật, không có sự dối trá hay thêm bớt nào.
3. Vì lợi ích, chứ không vì sự tổn hại.
4. Vì từ tâm, chứ không có sự ác ý.
5. Ngôn ngữ từ ái, không thô lỗ.

Trong khi đó người nhận Tự tứ, người mà mình cầu thỉnh nhờ họ chỉ giáo cũng phải hội đủ năm phẩm tính:

1. Không được thiên vị bất cứ ai.
2. Không khởi tâm sân hận.
3. Không được si mê.
4. Không được khiếp sợ.
5. Biết ai tự tứ rồi và ai chưa tự tứ.

Và như thế tính chất bình đẳng hòa hợp thanh tịnh trong lễ Tự tứ được xem như điều kiện cần và đủ để buổi lễ được thành tựu viên mãn.

Do đó, Luật cũng cũng đề cập đến trường hợp một người khi muốn cử tội người khác hay ngăn cản người khác Tự tứ thì trước hết ba nghiệp thân khẩu ý của người đó phải thanh tịnh hoàn toàn. Nếu một trong ba nghiệp thân khẩu ý không thanh tịnh thì lời cử tội ấy không có giá trị. Trong tiến trình cử tội người khác về việc thấy, nghe, nghi phải giải trình một cách rõ ràng, có chứng cứ xác thực; ngược lại trong khi trình bày thiếu sự hợp lý, bị chất vấn mà giải đáp không thỏa đáng thì bấy giờ luật sư có quyền phủ quyết và kết tội

trở lại vị đó với một tội danh thấp hơn một bậc so với một tội mà người ấy đã tố cáo người khác. Thí dụ có một vị tố cáo một người nào đó phạm tội tăng tàn mà giải đáp không thỏa đáng thì Luật sư kết tội vị tố cáo phạm Thâu-lan-giá…

Ngoài ra, trong tiến trình Tự tứ có vị Tỳ-kheo nào từng phạm tội mà đại chúng không biết, không có ai cử tội, xem như đã thông qua. Tuy vậy, sau khi Tự tứ, nếu ai cố tình cử tội lại thì phạm luật. Rõ ràng, nội dung lễ Tự tứ mà chư Tăng Ni thực hiện là nhằm giáo dục, giáo hóa hơn là chỉ trích hay trừng phạt. Vấn đề tự ý thức, tự giác hành trì và sống đúng luật nghi không chỉ tự tôn trọng phẩm hạnh của cá nhân mà đảm bảo tính hòa hợp thanh tịnh của đoàn thể Tăng-già nữa.

Từ nội dung ý nghĩa của việc thực thi lễ Tự tứ nói trên, giá trị truyền thông tâm linh trên bình diện xã hội của lễ này sẽ có tác động lớn vào việc thiết lập đời sống đạo đức hạnh phúc của con người. Thời gian an cư là thời gian chư Tăng tập trung tu học, thành tựu phạm hạnh, thăng chứng đạo quả. Cũng chính thời gian này mà giới tại gia được nương tựa chư Tăng tu hành trong một môi trường tu tập lý tưởng nhất, có thiện duyên để hành trì nếp sống đạo đức, tu dưỡng bản thân, bình an nội tại. Ảnh hưởng của lễ Tự tứ cũng nhằm giáo hóa thái độ sống tự ý thức hoàn thiện nhân cách của giới cư sĩ.

Theo dòng tâm lý đời thường, con người luôn tìm cách che giấu lỗi lầm, sợ người khác biết thì xấu hổ, vì thế phải tìm cách né tránh khi lỗi lầm của mình bị người khác nêu ra; hoặc trong trường hợp bị truy hỏi, không thể chối bỏ được mới thừa nhận; ngay cả khi tự mình nhìn ra lỗi lầm, tự phát tâm sám hối cũng chỉ âm thầm khấn nguyện trước Tam bảo. Phật dạy đây là một thái độ sống thường tình của con người, do bị thói quen thích nhìn lỗi người khác chứ không biết tự nhìn lỗi của mình. Quan điểm sống như vậy sẽ dẫn con người đến sự cố chấp, bảo thủ, chủ quan, không bao dung và độ lượng trong lúc hành xử với các mối quan hệ giữa người và người. Có khi cách sống này còn dẫn đến sự tha hóa đạo đức trong việc xây dựng cái "tự ngã" vốn không thật có trong cuộc đời này. Nhà Phật cho đó là chướng duyên lớn trong tiến trình tu tập, thực nghiệm tâm linh mà mỗi cá nhân, gia đình cần phải từ bỏ để có thể sẻ chia, tự nhìn lại mình trong việc kết nối yêu thương một cách trọn vẹn.

Trái với thái độ sống trên, Phật giáo, thông qua lễ Tự tứ, có khả năng kết nối các giá trị truyền thông tâm linh, đạo đức con người chung sống trong một môi trường, một cộng đồng lý tưởng. Sự thật con người tự nhìn nhận về lỗi lầm của chính mình là rất khó, ngay cả trước người thân như cha mẹ anh em, bà con quyến thuộc. Thế nhưng đối với người học Phật thì cái tâm lý tự giáp mặt cái tôi của chính mình sẽ tự phải tháo bỏ, thay vào đó là thái độ mong cầu được sửa chữa sai lầm, được trở nên hoàn thiện, thăng hoa. Bằng chứng các vị xuất gia, hành giả an cư là những vị thầy của quý Phật tử đã thực thi. Từ điểm nhìn này, bất cứ ai cũng tự thành thật, tự hoàn thiện nhân cách, sẽ góp phần đem lại hạnh phúc và an lạc cho mọi người. Cho nên kinh *Tăng Chi* dạy "Nơi nào có chư Tăng tu tập thanh tịnh thì trú xứ đó được thanh tịnh, hội chúng Phật tử nương theo đó mà tu tập, nhất định được an lạc, thanh tịnh".

Tự tứ cũng là ngày chư Tăng được tăng thêm tuổi hạ, ngày đánh dấu sự thành tựu trong việc tu tập, cũng là ngày mọi người hướng tâm báo hiếu cha mẹ, người còn kẻ mất, ngày xá tội vong nhân, tha thứ cho những lỗi lầm, chúc mừng vì những niềm vui đạt được; vì vậy ngày này chư Phật mười phương ba đời đều hoan hỷ. Thế nên, ngày Tự tứ còn gọi là ngày Phật hoan hỷ. Cũng nhân ngày Phật hoan hỷ, chư Tăng tăng thêm tuổi hạ, đồng nghĩa tăng thêm giới đức, tâm đức, tuệ đức, sẽ góp phần quyết định thêm giá trị truyền thông tâm linh cầu nguyện cho quốc thái dân an, chúng sinh dị độ, người còn kẻ mất đều ân triêm công đức. Vậy là không có lý do gì mà trong mỗi chúng ta lại không hân hoan, không hoan hỷ để sống, để tu, để đóng góp cho đời khi tự mình biết rằng "Chúng sanh là một vị Phật sẽ thành". ■

Thấp thoáng lời kinh

Dược Vương

ĐỖ HỒNG NGỌC

Khi các vị Bồ-tát thập phương xin "triển khai" *Pháp Hoa* ở cõi Ta-bà, Phật từ chối ngay. Vì cõi Ta-bà khó lắm, toàn "bùn" không, chỉ có hoa sen mới có thể mọc, còn hoa hồng hoa huệ cắm xuống thì không xong. Cái thứ hoa sen kỳ diệu đó mới sống nổi trong bùn, mới *gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn*!

Cho nên Tú Vương Hoa Bồ-tát (vua của các loài hoa đẹp) mới thưa hỏi Phật rằng ngài Dược Vương Bồ-tát kia làm sao mà có thể ung dung "dạo chơi" trong cõi Ta-bà hay quá vậy? Ngài đó có tài cán gì, có đức độ gì mà dám ung dung "du hí" ở cõi Ta-bà đầy phiền trược để cứu độ chúng sanh vậy?

Phật bèn dẫn chuyện xưa.

Rằng thuở xa xưa kia có vị Bồ-tát tên là *Nhứt thiết chúng sanh hỷ kiến* – ai thấy cũng vui – được nghe Phật Nhựt Nguyệt Tịnh Minh Đức nói kinh *Pháp Hoa*. Từ đó vị Bồ-tát này tu tập khổ hạnh, tinh tấn kinh hành, một lòng cầu thành Phật, mãi lâu sau mới đặng một thứ tam muội gọi là "Nhứt thiết sắc thân tam muội". Tức thời giữa hư không Ngài "... lấy dầu thơm xoa thân, dùng y báu cõi trời quấn thân, rưới các thứ dầu thơm, dùng sức nguyện thần thông mà tự đốt thân mình!". Ánh sáng khắp soi cả tám mươi ức hằng hà sa thế giới... Các Đức Phật đều khen đó là "món thí hạng nhứt!". Lửa cháy đến một ngàn hai trăm năm mới đốt hết thân Bồ-tát.

Không có cách nào khác hơn là phải loại trừ ngã chấp, phải đốt cháy đến tận cùng cái ngã để đạt đến *vô ngã* mới có thể thõng tay vào chợ. "Đốt" cái sắc đi, chính là phá hủy ngã tướng, ngã tướng sụp đổ rồi thì nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng... cũng sụp đổ theo. Và như vậy là đã có thể "diệt độ vô lượng vô số vô biên chúng sanh... mà chẳng có chúng sanh nào được diệt độ cả", bởi vì "chúng" đâu còn cơ hội để "sanh" mà phải diệt! Chỉ có lửa tam muội – tức ở trong thiền định – mới thấy được "ngã" đang cháy dần, cháy dần ra sao. Không dễ mà "đốt" hết. Phải đến ngàn năm mới đốt hết cái "ngã tướng" chớ chẳng phải cháy bùng lên một cái là xong! Cho nên *trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn* vẫn là điều kiện cốt lõi. Còn "món thí hạng nhứt" ở đây chính là "bố thí thân mạng" đó vậy!

Nhưng thế vẫn còn chưa đủ. Vị Bồ-tát mà *ai thấy cũng vui*, ai gặp cũng mừng đó (Nhứt thiết chúng sanh hỷ kiến) hẳn là có đức *chân thành* và *trung thực,* thân khẩu ý nhất quán, nhưng để có thể gần gũi được mọi người, thực sự giúp người thì phải biết *thấu cảm* với mọi tầng lớp xã hội – mọi chúng sanh – tức phải có "Nhứt thiết sắc thân tam muội". Đó là một thứ "tam muội" lạ lùng, có thể giúp mình hóa thân vào mọi cảnh ngộ, mọi tình huống, giúp mình "biến" thành mọi đối tượng khác nhau, đặt mình vào vị trí của họ để thấy để nghĩ như họ, hiểu được nỗi lòng họ, ngôn ngữ họ, nhờ đó mà giúp họ giải quyết vấn đề rốt ráo. Giải pháp thường khi đã sẵn có, chỉ vì bị "vô minh" che khuất mà không thấy ra, đành phải khổ đau thôi! Một vị Bồ-tát có "Nhứt thiết sắc thân tam muội" thì lòng Từ mới trọn vẹn. Lúc đó mới có khả năng để làm pháp sư, để "du hí" trong cõi Ta-bà mà giảng nói *Pháp Hoa*. Bồ-tát có thể mỗi nơi mỗi lúc "thị hiện" khác nhau tùy đối tượng tiếp xúc, nhờ vậy mà "truyền thông" có hiệu quả.

Bồ-tát bấy giờ tuy đã có được tam muội "đốt cháy" hết sắc thân – nhân vô ngã – mà vẫn còn đó pháp này pháp nọ, mười người trăm ý, nên phải thoát ra khỏi cả pháp chấp, để thấy *pháp vô ngã* nữa mới xong. Ngón tay chỉ trăng không phải là trăng. Qua sông bỏ bè! Nếu còn phân biệt, còn chấp trước thì vẫn cứ loay hoay. Bồ-tát bèn "đốt hai cánh tay"! Phải mất bảy muôn hai nghìn năm mới cháy hết... Khó thay, giải trừ chấp thủ! Cho nên "đốt hai tay" khó gấp nghìn lần đốt sắc thân.

Nói khác đi, thành kiến khó mà dẹp bỏ! Bám hữu sai mà bám vô càng sai. Bám sắc sai mà bám không càng sai. Thành kiến bám rất chặt vào từng rễ thần kinh, chằng chịt nối nhau thành một mạng lưới, dứt dây động rừng, khó mà thay đổi. Coi bản đồ phân bố hoạt động ở vỏ não ta thấy vị trí của lưỡi và của bàn tay chiếm một diện tích rộng nhất.

Hai tay đã đốt, chấp thủ đã dẹp thì hiện ra hai "cánh tay sắc vàng của Phật". Hai cánh vàng của Từ bi và Trí tuệ. "Tôi bỏ hai tay ắt sẽ đặng thân sắc vàng của Phật...".

Lúc đó cõi tam thiên đại thiên thế giới sáu điệu vang động. Trời rưới hoa báu. Bồ-tát dám dùng lửa tam muội đốt sắc thân, đốt hai cánh tay, đốt tham ái, chấp thủ đó, đốt để có được nhân vô ngã, pháp vô ngã mà bước vào đời ấy chính là Dược Vương.

Vị thuốc vua. ■

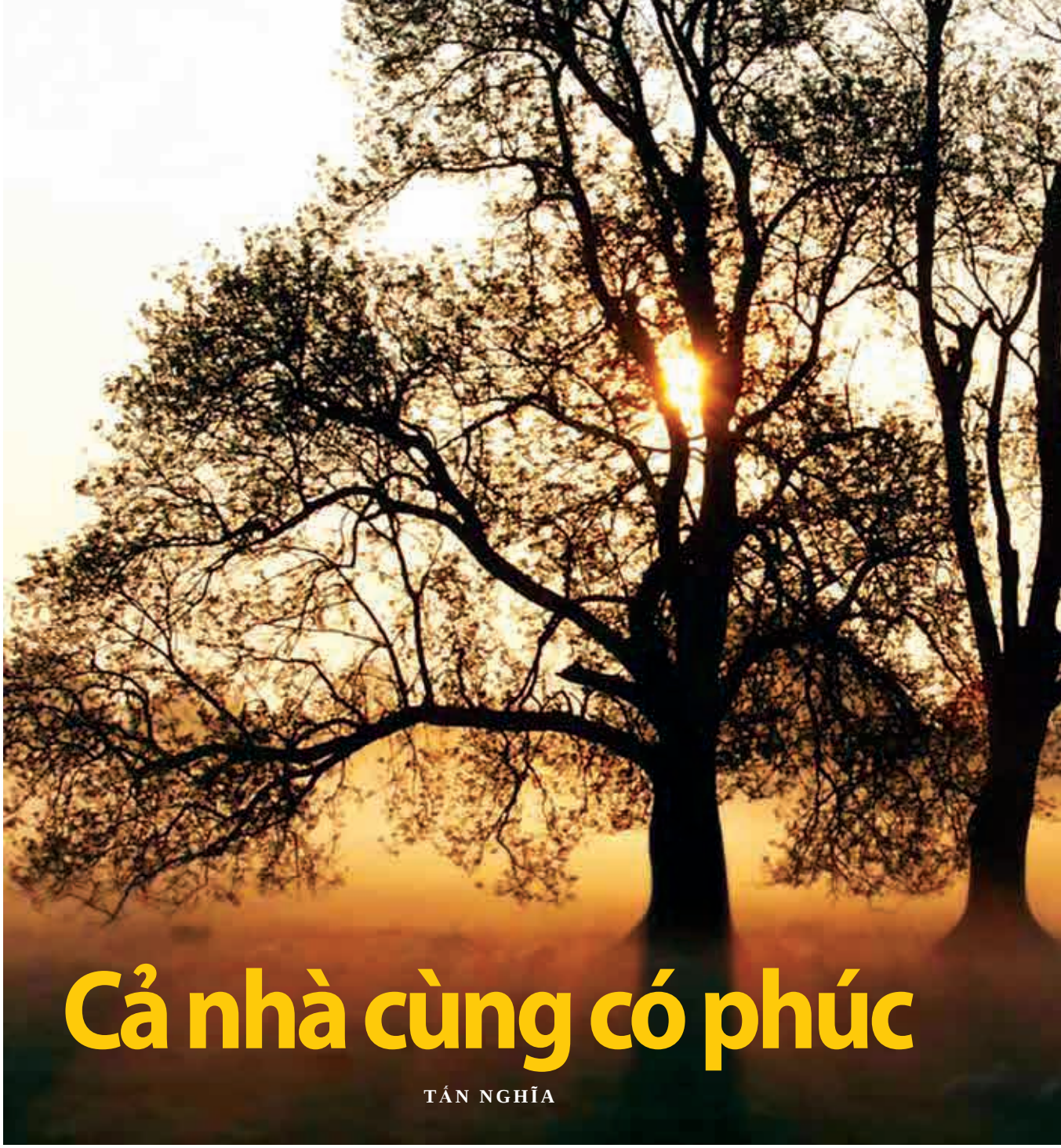

Cả nhà cùng có phúc

TẤN NGHĨA

Quan hệ chính trong một gia đình là quan hệ giữa cha mẹ và con cái. Từ ca dao tục ngữ chúng ta cũng thấy nhiều câu đề cập đến vấn đề này. Trong chuyện tiền thân của Đức Phật cũng có nhiều chuyện về chủ đề này. Sống trong gia đình như thế nào để có phúc đức là điều mà gia đình nào cũng cần quan tâm.

Tình cảm được nói tới nhiều nhất trong mối quan hệ này là tình cảm thương yêu của cha mẹ dành cho con cái. Khi con còn nhỏ thì nuôi dưỡng, đến khi con khôn lớn lại phải lo chuyện lập gia đình cho con. Chuyện tiền thân Seggu (chuyện thứ 218) kể lại việc một nam cư sĩ buôn bán rau trái có đứa con gái hay cười. Ông không biết giới hạnh của con gái như thế nào nên nghĩ: "Ta sẽ thử con gái của ta". Ông đem con vào rừng, cầm tay và giả như ham muốn cô. Người con gái than khóc và trả lời:

Người đáng bảo vệ con
Khỏi cảm xúc đau khổ
Người ấy là cha con
Lại ác ý trong rừng.

Người bán rau trái ấy sau khi thử thách con gái đã gả con cho con trai của một gia đình tử tế.

Chuyện tiền thân Sadhusila (chuyện thứ 200) kể lại trường hợp một người Bà-la-môn có bốn người con gái và có bốn người đến cầu hôn. Một người trai trẻ thân hình đẹp, một người tuổi đã già, một người sanh ra trong gia đình quý phái, một người có đức độ. Ông phân vân nên đến hỏi ý kiến của Đức Phật. Bậc Đạo sư bảo: Thuở trước

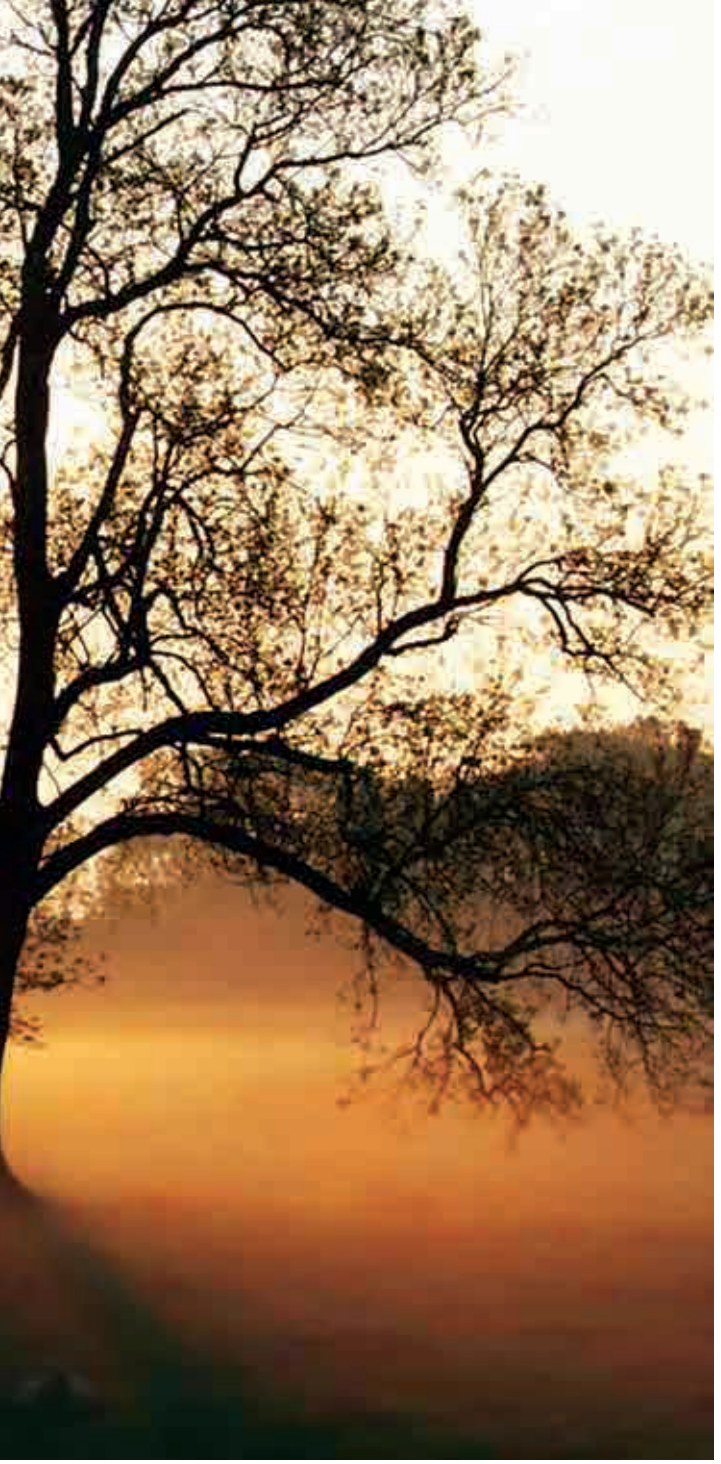

ông cũng đã hỏi câu này, nhưng vì tái sanh nhiều lần ông đã quên mất. Sau đó bậc Đạo sư kể lại giải pháp mà người Bà-la-môn ấy đã biết trong đời trước:

Thật tốt, này người thân,
Người lớn tuổi nên trọng,
Cũng tốt người thiện sanh,
Ta ưa người đức hạnh.

Theo câu chuyện được kể thì vị Bà-la-môn ấy gả cả bốn người con gái cho người có đức hạnh.

Chuyện tiền thân Ekapada (chuyện thứ 238) kể lại việc người cha khuyên răn đứa con trai. Khi đứa con trai hỏi về lý tưởng sống, người cha trả lời:

Một chữ đáng kính trọng,
Một chữ gồm nhiều nghĩa,
Đó chính là tài năng,
Liên hệ với giới đức,
Gắn liền với nhẫn nhục,
Để con giúp bạn hữu,
Và cảnh giác kẻ thù.

Có nhiều khi cha mẹ khuyên răn nhưng người con không nghe. Chuyện tiền thân Godha (chuyện thứ 138) kể lại câu chuyện Bồ-tát sanh làm con tắc kè. Khi có một con tắc kè con giao du với một con kỳ nhông (là tiền thân của Devadatta) thì Bồ-tát có khuyên răn nhưng tắc kè con không nghe. Sau đó cả đàn tắc kè gặp đại nạn vì con kỳ nhông hãm hại. Câu chuyện minh họa cho câu ca dao "Cá không ăn muối cá ươn, con cãi cha mẹ trăm đường con hư".

Chẳng những tình yêu thương con cái có trong một kiếp sống mà nó còn trải dài qua nhiều kiếp sống. Chuyện tiền thân Satapata (chuyện thứ 279) kể lại trong một kiếp sống Bồ-tát là tướng cướp. Bấy giờ, vợ một người chủ đất khi hấp hối đã dặn con trai đi đòi tiền nợ. Người con ra đi và đòi được tiền nhưng khi về thì Bồ-tát đang chờ trong rừng để cướp. Bà mẹ vừa mất nhưng vì quá thương con mà hóa thành một con dã-can để ngăn cản nhưng bị người con xua đuổi. Bồ-tát nghe được tiếng loài vật nên đã tha mạng và không cướp tiền của người con.

Chuyện tiền thân Illisa (chuyện số 78) kể lại câu chuyện về triệu phú Illisa sinh ra trong một gia đình đã bảy đời bố thí. Tuy nhiên, khi được thừa kế gia sản, ông ta phá hoại truyền thống gia đình, đốt cháy nhà bố thí, đánh đuổi các kẻ ăn xin và tích lũy tài sản. Cha ông ta trong đời trước do thực hành bố thí đã tái sinh là Đế Thích. Khi quan sát biết được đứa con phá hoại truyền thống gia đình đã hóa thành một người giống hệt Illisa và giả dạng ông ta để đem phân phát tài sản của triệu phú. Cuối cùng, mọi việc đưa ra trước đức vua để phán xét vì có hai Illisa giống hệt nhau. Nhà vua cũng chịu thua và ông triệu phú thật ngã lăn ra bất tỉnh. Thế là Đế Thích hiện hình lại như cũ và khuyên dạy đứa con phải biết bố thí, gìn giữ truyền thống gia đình.

Chuyện tiền thân Saketa (chuyện thứ 68) kể lại câu chuyện về một cặp vợ chồng Bà-la-môn khi gặp Đức Phật bỗng xúc động ôm chặt mắt cá chân Ngài và nói: "Này con thân, phải chăng cha mẹ già yếu phải được các người con nuôi dưỡng? Sao mãi đến nay con không để chúng ta thấy mặt con". Mọi người đều biết cha mẹ hiện thời của Đức Phật là ai nên rất ngạc nhiên khi thấy Ngài đi vào nhà của Bà-la-môn. Ngài tụng đọc bài kinh nói về tuổi già và hai người ấy chứng quả Bất lai. Sau đó Ngài giải thích rằng vị Bà-la-môn này là cha của Ngài 500 đời liên tục, là cậu của Ngài 500 đời liên tục và là ông của Ngài 500 đời liên tục. Ngài lớn lên trong tay của người Bà-la-môn này 1.500 đời. Còn nữ Bà-la-môn là mẹ của Ngài 500 đời liên tục, là dì của

Ngài 500 đời liên tục, là bà của Ngài trong 500 đời liên tục. Ngài lớn lên trong tay của vị Bà-la-môn này 1.500 đời liên tục. Như vậy, chẳng những cha mẹ hiện thời đối xử tốt với con mà cha mẹ nhiều đời trước cũng đối xử tốt với con.

Tình thương của con cái đối với cha mẹ cũng được mô tả rất nhiều trong các chuyện tiền thân. Chuyện tiền thân Gijjha (chuyện thứ 164) thuật lại một trường hợp như vậy; rằng khi có một Tỳ-kheo nuôi dưỡng mẹ và bị những người không hiểu rõ câu chuyện chỉ trích, thì Đức Phật ca ngợi: "Lành thay, lành thay! Chớ có tức giận với Tỳ-kheo này. Các bậc hiền trí thuở xưa hầu hạ giúp đỡ cho đến những người không phải là bà con vì chỉ muốn làm công đức. Còn người này ủng hộ mẹ cha mình".

Chuyện tiền thân Cullanandiya (chuyện thứ 222) kể lại chuyện Bồ-tát sanh ra làm một con khỉ tên là Nandiya, có khỉ em là Cullanandiya và đã hy sinh mạng sống để mong cứu khỉ mẹ. Hai con khỉ sống nuôi dưỡng khỉ mẹ bị mù. Chúng đi kiếm trái cây gửi về cho bà ăn nhưng các con khỉ con lại không đưa cho bà, do đó khỉ mẹ chỉ còn da bọc xương. Vì thế hai anh em khỉ rời khỏi đàn đi ra sống riêng ở một cây bàng. Bấy giờ, có một người thợ săn vốn là tiền thân của Devadatta. Khi thấy khỉ mẹ, thợ săn định bắn. Bồ-tát liền đi từ giữa cành cây ra và nói: "Này người kia, chớ có bắn mẹ ta. Mẹ ta mù, già yếu, ta sẽ đổi mạng sống cho mẹ ta. Ngươi chớ có giết mẹ ta, hãy giết ta". Người thợ săn hứa với khỉ anh rồi bắn Bồ-tát ngã xuống. Sau đó hắn vẫn tiếp tục muốn bắn khỉ mẹ. Thế là khỉ em nghĩ: "Người độc ác này muốn bắn cả mẹ ta nữa. Nếu mẹ ta sống thêm một ngày, là một ngày mẹ ta được tăng thêm tuổi thọ, vậy ta sẽ cứu sống mẹ ta". Nó đi ra và tự nguyện chết, người thợ săn cũng hứa với khỉ em rồi giết. Tuy nhiên sau đó thợ săn vẫn bắn chết khỉ mẹ. Khi đó sấm sét nổi lên đánh trên nhà của thợ săn và thiêu cháy vợ con của hắn. Quá sầu khổ, thợ săn quăng cả thịt khỉ săn được, lột quần áo trần truồng, khóc than đi vào nhà. Một cây cột gãy rơi xuống đánh bể đầu thợ săn.

Con cái chẳng những phải chăm sóc cha mẹ mà còn phải giữ gìn truyền thống gia đình. Chuyện tiền thân Susima (chuyện thứ 163) kể lại chuyện Bồ-tát giữ gìn truyền thống chủ trì lễ hội voi. Sau mỗi lễ hội voi, cha Bồ-tát (là cố vấn tế lễ của triều đình) thu được mười triệu đồng tiền vàng. Khi Bồ-tát mười sáu tuổi, cha Ngài qua đời. Các Bà-la-môn đi đến nhà vua và tâu rằng con trai của cố vấn tế lễ còn quá trẻ, không biết ba tập Vệ-đà và Tượng kinh. Họ xin nhường quyền tổ chức lễ hội voi cho họ. Lúc đó chỉ còn bốn ngày nữa là đến lễ hội voi. Mẹ Bồ-tát buồn phiền nghĩ: "Cho đến bảy đời gia đình truyền thống chúng ta được tổ chức lễ hội voi. Truyền thống này sẽ chấm dứt và tài sản gia đình sẽ bị tổn giảm". Bà nghĩ vậy và khóc. Bồ-tát hỏi: "Vì sao mẹ khóc?". Khi nghe rõ lý do, Bồ-tát nói: "Thưa mẹ, con sẽ tổ chức lễ hội voi". Bà mẹ nói: "Này con, con không biết ba tập Vệ-đà và không biết Tượng kinh thì làm sao có thể tổ chức được?". Bồ tát hỏi: "Thưa mẹ, các sư trưởng thuộc lòng ba tập Vệ-đà và Tượng kinh sống ở đâu?". Khi được nghe sư trưởng sống tại Takkasilà nước Gandhara, Bồ-tát quyết định đi học với các vị thầy này. Ngài đi đến Takkasila trong một ngày và đặt một ngàn đồng tiền vàng làm học phí. Sau đó, trong một đêm Ngài học hết ba tập Vệ-đà và Tượng kinh rồi hỏi: "Thưa sư trưởng, có gì khác nữa không?". Khi được trả lời: "Này con thân, không có gì khác, tất cả đã xong". Bấy giờ, Bồ-tát góp ý với sư trưởng về một số chỗ nhầm lẫn trong việc truyền thụ của ông này. Sáng hôm sau, Bồ-tát dậy sớm, đảnh lễ sư trưởng và quay về Benares. Sau đó Ngài tổ chức lễ hội voi thành công.

Điểm đặc sắc trong các chuyện tiền thân là ngoài chuyện cha mẹ khuyên bảo dạy dỗ con cái, có nhiều chuyện khác lại ngược lại: con cái khuyên bảo cha mẹ. Đối với Phật học, nếu khuyên bảo được cha mẹ làm điều lành, tin vào Tam bảo, sống theo luật nhân quả là đã báo hiếu được cho cha mẹ đầy đủ. Còn nếu chỉ chăm sóc, giúp đỡ thì vẫn là chưa báo hiếu đầy đủ. Chuyện tiền thân Sujata (chuyện thứ 269) thuật lại sự kiện khi Bồ-tát sanh làm thái tử ở Benares. Hoàng hậu mẹ Ngài là người đàn bà nóng nảy, dữ tợn, thô lỗ, gắt gỏng, ác khẩu. Ngài chỉ mong khuyên bảo được hoàng hậu nhưng lại phải giữ gìn, không làm điều bất kính. Vì thế Ngài phải cố tìm cơ hội để khuyên bảo mẹ Ngài. Một lần, Bồ-tát và mẹ vào vườn hoa nghe một con chim cưỡng xanh đang kêu the thé khiến mọi người đều bịt tai lại. Kế đó có một con chim cu đậu trong đám lá rậm của cây sala hót lên âm điệu ngọt ngào khiến mọi người đều rướn cổ nghe. Bồ tát nhân chyện xảy ra như thế đã khuyên bảo hoàng hậu. Nhờ đó, bà suy nghĩ lại và trở thành một phụ nữ biết quên mình.

Chuyện tiền thân Sujata (chuyện thứ 352) kể lại chuyện Bồ-tát khuyên can người cha. Ông nội của Bồ-tát qua đời, người cha sầu khổ. Ông lấy hài cốt của cha từ nơi hỏa táng rồi xây một nấm mồ trong vườn thưởng ngoạn của ông, đặt di cốt vào đó. Mỗi lần đến thăm, ông lại khóc thảm thiết, chẳng tắm rửa, chẳng làm lụng gì cả. Bồ-tát tìm cách khuyên nhủ cha. Một lần, khi thấy con bò đực nằm chết, Bồ-tát mang cỏ đến đặt trước con bò và nói, ăn đi, uống đi. Mọi người đi qua đều hỏi nhưng Ngài không đáp nên họ báo cho cha Ngài rằng Bồ-tát bị điên. Nghe thế, người cha ngưng sầu than và vội chạy ra hỏi: "Này Sujata, con không bình thường đấy ư? Sao con lại dâng cỏ cho xác chết con bò". Khi đó Bồ-tát mới trả lời: "Con vật này vẫn còn đường sống lại, vì đầu đuôi, tay chân còn đấy. Còn ông nội thì đầu tay chân chẳng còn gì, sao cha vẫn khóc than". Người cha được Bồ-tát khuyên nhủ đã bình thường trở lại.

Những chuyện tiền thân về cha mẹ và con cái rất nhiều. Nó chứa đựng nhiều bài học vô giá cho việc xây dựng một gia đình có nhiều phúc đức. Đó là các câu chuyện có thể giúp mọi người xây dựng được một cẩm nang cho đời sống gia đình. ■

Mẹ tôi

VÕ VĂN LÂN

Cũng như phần đông phụ nữ nông thôn nước ta thời trước, mẹ tôi "chữ nhất là một" cũng không biết. Mọi thứ văn tự mua bán, vay mượn… mẹ phải điểm chỉ. Tuy nhiên, khi đụng đến con số, mặc dù mẹ chỉ tính rợ nhưng không một ly sai chạy. Và vì thế mẹ vẫn là "nội tướng" tài ba quán xuyến mọi việc đối nội đối ngoại. Mẹ tôi không hơn thua với ai nên chẳng bao giờ to tiếng nặng lời, kể cả với chồng con hay với bà con xóm giềng. Đến nỗi có lúc bọn tôi phải lên tiếng, "Mẹ nhịn mãi người ta lấn lướt!". Mẹ chỉ cười: "Một điều nhịn chín điều lành, các con ạ!". Có phải vì thế mà người quen kẻ lạ ai cũng mến, nhưng mẹ thì vất vả và nhà thì khó khăn thiếu thốn?

Gà vừa gáy canh tư trong cái giá rét cắt da những ngày đông xứ Huế, tôi còn mơ mơ màng màng với giấc ngủ ngon về sáng, chợt hao gầy dáng mẹ xiêu xiêu vách đất đã đánh thức tôi dậy. Ánh lửa rơm bập bùng, một bên bếp nồi cơm, bên kia nồi cám heo, ấm nước chè kê ở giữa… Khi mọi người thức dậy cơm đã lên mâm, nước đã vô bình. Lúc ai nấy đã ngồi vào ăn sáng để kịp người nào việc nấy thì mẹ lại quày quả vào chuồng heo, tay bưng nồi cám. Thấy bóng mẹ, mấy con heo đang kêu réo lập tức im re. Đàn gà vịt đang tha thẩn ngoài sân cũng ngẩng đầu đón mẹ. Xong việc, mẹ vừa ăn qua quít vừa tranh thủ thu dọn và chuẩn bị bữa lỡ bới ra đồng. Thời buổi gạo châu củi quế, bà mẹ quê nào chẳng thế! Tuy nhiên để "sắp nhỏ" chúng tôi có chén cơm vun mà ít phải độn khoai hay sắn lát… thì đó là cả một sự khéo léo khi ghế, khi xới và đơm cơm. Lại còn phải tính toán làm sao để ai cũng no và có chút đồ ăn mặn miệng… chứa chan tấm lòng mẹ! Bí quyết nào đâu, mà chỉ đơn giản là mẹ tiện tặn phần mình bù cho chồng con sự no đủ để mọi người đủ sức làm việc nắng nôi cực nhọc… Bao nhiêu việc lo gần tính xa đặt lên đôi vai gầy gò thân mẹ. Chuyện học đứa này vừa xong mẹ lại tính chuyện làm đứa khác. Dựng vợ gả chồng con trai con gái, đứa nào cũng công ăn việc làm, nơi ăn chốn ở mẹ mới yên. Mẹ còn vươn tay dài đến tương lai con cháu! Chị cả tôi lấy chồng xa, mẹ ngày đêm trăn trở "Không biết có ăn ở phải đạo trên thuận dưới hòa?" Nhưng có tính gì cũng không qua số trời, ăn ở với nhau chưa được bao lâu vợ chồng bất hòa chị quay về. Chị khổ một, mẹ lo hai ba và lại dang tay bảo bọc. Chị đi thêm bước nữa và có hai con với một dân quân du kích. Tưởng đã êm ấm ngờ đâu anh bị Tây bắt. Đôi tay gầy gò của mẹ chị nương; mẹ trông cháu để chị ngược xuôi tần tảo nuôi con và bới xách cho chồng. Hết rể đến lượt anh tôi bị Tây bắt, mẹ lại mất ăn bỏ ngủ chạy ngược chạy xuôi. May mà anh trốn thoát trở về nhưng sợ bị dòm ngó… mẹ tìm cách gởi anh xuống phố học nghề. Ra nghề kiếm được ít tiền anh đòi cưới vợ phố. Nhà gái đòi hỏi "duyên con gái, lễ vật phải đủ tiền neo tiền cưới, không cau lồng rượu ché cũng cau buồng rượu hũ, nữ trang giản tiện cũng đôi bông tai, chiếc vòng, đôi xuyến!". Thấy không kham nổi, ba tôi khuyên anh lui nhưng mẹ thì nhất quyết "dù chi cũng là duyên là nợ" và xoay xở vay mượn lo đám cưới! Rồi lần lượt ba năm hai đứa con ra đời, vợ chồng anh làm lụng tất bật. Mẹ thấy thế không đành lòng vẫn động viên, "Có phước mới con đàn cháu đống" và không tiền bạc mẹ giúp công! Thấy mẹ vất vả, bọn tôi tỏ ý lo lắng. Mẹ bác: "Mấy đứa bay *ăn chưa no lo chưa tới* trời cho mẹ khỏe mạnh để chi mà không giúp con cháu!". Thấy thế chị cả đòi ra riêng, mẹ một hai "đói no có nhau không đi mô hết!". Hết rể và con trai bị tù, đến lượt ba tôi bị Tây bắt giam ở lao Văn Thánh. "Họa vô đơn chí" mẹ chạy đôn chạy đáo, nghe ai bày cha xứ nhà thờ có thế lực với Tây, mẹ đánh liều gõ cửa nhờ can thiệp. Cha hứa nhưng giúp thế nào mà mẹ đi mòn gót chân và bao thứ của ngon vật lạ, buồng chuối thanh tiêu chín cây, trái mít ngự chín bói chưa bao giờ dám bỏ vô miệng mẹ đều đem biếu, mà mấy năm trời ba vẫn chưa được thả.

Năm 1954 hòa bình lập lại, ba được thả về, do bị tra tấn nên không lâu sau ba mất. Mọi việc một tay mẹ gánh vác, tuy thế chuyện đơm quảy giỗ chạp bên nội bên ngoại không bỏ sót, việc phải trái xóm giềng mẹ chu tất. Đôi bàn tay sần sùi, gót chân nứt nẻ, ngón chân quắt queo… vết hằn năm tháng dãi dầu nắng mưa! Nhưng có bao giờ mẹ nửa lời than vãn! Bọn tôi lắm lúc vô tình chê mẹ xuề xòa và ăn mặc lằng xằng. Mẹ luôn chịu thương chịu khó vì chồng con, ham lam ham làm có lúc nào rảnh để phiền hà, trách cứ ai!

Mấy năm trung học trọ học xa nhà, tôi luôn trông đến cuối tuần để về nhà. Chị Hai tôi kể lại: "Mới sớm thứ bảy mẹ đã đi ra đi vô, hết sân đến bếp, luôn tay luôn tay chân dọn cái này dẹp cái kia!". Tôi về nhà thì "chục bữa như một" được thỏa thuê với nồi cơm gạo mùa, đọi canh chuối nấu rau sân lá lốt bốc khói thơm lựng. Ngồi một bên, mẹ phành phạch chiếc quạt mo, xua mấy con muỗi vo ve cho con ăn ngon, lâu lâu phất một cái về mình! Và sáng thứ hai tờ mờ sáng tôi trở lại trường thì trong cặp đã sẵn mo cơm ép; bữa thì cá bống thệ kho rim, bữa muối sả kho tép! Mẹ đi theo ra ngõ, choàng chiếc tơi lá ra ngoài tấm bạt ny-lông để cho ấm rồi dúi vào túi con ít tiền (tiền bán mấy thứ linh tinh trong nương dồn lại…!). Một kỷ niệm in sâu vào tâm khảm, tôi làm sao quên! Một sáng chủ nhật sau hai tuần ôn thi không về nhà, tôi ngạc nhiên thấy mẹ tìm đến chỗ trọ và chờ đợi đến khi tôi đi học về. Tôi tiền đã hết nên mừng trong bụng nhưng chợt thấy chiếc áo dài bạc thếch không che kín cái quần ống xắn lò xo mẹ mặc, đôi dép xỏ quai mòn lỉn… tôi cảm thấy ngượng. Mẹ nhìn một lúc lâu tưởng như tôi đã thay đổi nhiều lắm sau thời gian dài không gặp. Trao tôi món tiền cùng gói thức ăn rồi mẹ quày quả đội nón ra về mẹ đã băng bộ bốn năm cây số. Mẹ về rồi nỗi xót xa nhói lên trong lòng. Tôi tự nhủ "Có phải mình xấu hổ với bạn về sự quê mùa của mẹ!" .Tôi lấy làm hối hận và tự hứa lần sau sẽ làm gì cho mẹ vui. Nhưng lần sau, lần sau nữa… cho đến khi trưởng thành, lo toan cuộc sống vợ con gia đình lận đận… tôi vẫn chưa làm được điều gì cho mẹ vui… nói chi đền đáp công ơn trời biển mẹ cha. Giờ đây thức ngon món lạ tôi không thiếu thứ gì nhưng làm sao tìm lại được cảm giác "ấm áp" nồi cơm thơm phức hương vị quê nhà và tô canh chuối chứa chan lòng mẹ!

Một việc khác tuy nhỏ nhưng sâu đậm ấn tượng về mẹ. Năm 1945 nạn đói khủng khiếp xảy ra cho người

dân Huế và nhiều nơi cả nước. Từ thành đến vùng quê người người chết đói la liệt không kịp chôn. Để cầm cự cái đói, người lớn, con nít trong đó cả mẹ và hai chị tôi đổ ra đồng đào nát bờ mương đường ruộng lấy rau rìu, củ éo về nấu cháo độ nhựt. Cây mít trước sân nhà có mấy trái, không dám ăn để dành phòng khi ngặt nghèo. Đã lấy gai nè rào lại nhưng bỗng mất một trái. Ba tôi quyết rình tìm thủ phạm. Một đêm tối trời, bỗng phát hiện kẻ trộm đang leo trên cây, ba vội rút cây thước gỗ xông ra. Mẹ giữ chặt ba lại ra dấu im lặng và nói nhỏ: "Thằng Dần đó chứ ai, đừng làm nó sợ nó té!". Sáng ra lạ thay trái mít nằm dưới gốc. Mót máy nhà còn hơn lon gạo, mẹ bảo chị tôi đem cùng trái mít đến chỗ Dần thì thấy anh đã nằm chết trước rạp tranh ở bến đò. Mẹ tôi cùng hàng xóm lo chôn cất anh.

Mẹ tôi có cách mua bán lạ đời, mọi thứ trong vườn mẹ để bạn hàng tự hái, tự đếm rồi trả tiền. Mấy đứa tôi thắc mắc: "Có phải ai cũng thiệt cả đâu?". Mẹ cười "Mình ở từ (giữ chùa) mua bán phải nới một chút cho người ta kiếm miếng cơm, miếng cháo nuôi con, khác nào cúng Phật, mất đi đâu mà tính toán!". Bạn hàng có người thiệt thà nhưng không phải ai cũng ngay thẳng, có người than thiếu vốn xin bán xong đem tiền trả nhưng bán xong lặn mất chẳng thấy trả vốn nói chi lời. Bọn tôi cười, mẹ tỉnh bơ "Có răng họ mới rứa, mất lộc này Trời Phật cho lộc khác, hanh hao chi thêm mang tội!". Thật ra buồng cau, trái mít, chùm nhãn… không cân không đếm mà bao nhiêu trái, mấy chục cân mẹ ước chính xác. Biết thế mấy chị bạn hàng rất nể và từ cảm phục họ đổi tính đổi nết! Người ta nói người già hay giở chứng, mẹ tôi cũng không ngoại lệ nhưng kiểu giở chứng của mẹ thật chẳng giống ai. Về già mẹ ăn uống đạm bạc và không chịu sắm sửa. Con cháu mua tô bún, tô mì… mẹ xua tay "Thôi để sắp trẻ ăn cho có sức có vóc mần việc nặng, mẹ già rồi ăn uống mấy xí!". Biết ý, con cháu sắm sẵn cho mẹ bộ quần áo, đôi dép… "Bận chi chẳng được miễn sạch sẽ, lành lặn mua sắm chi cho tốn" rồi mẹ gói cất "… để tết nhứt đám cưới đám hỏi mặc cho con cháu vui!". Ai biếu chút tiền mẹ cũng "… để dành khi có ai gặp ngặt nghèo có mà giúp". Giúp ai được việc gì mẹ "hả dạ" vô cùng!

Sau ngày giải phóng, con cái tứ tán mỗi đứa một nơi. Tiếng đông con nhưng đứa nào đứa nấy lo bản thân và gia đình riêng mình chưa xong lấy chi lo cho mẹ! Nhưng "nước mắt chảy xuống" có bao giờ mẹ đòi hỏi hay trách cứ con cái, trái lại ngày đêm mẹ cầu Phật Trời phù hộ cho con cháu bình yên! Và sống hẩm hút với chị Hai ở quê nhờ vào bán mấy thứ vặt vãnh trong nương, nhưng năm thì mười họa tôi về thăm, lần nào mẹ cũng dúi vào túi ít tiền làm quà cho cháu, không nhận không được! Tôi đinh ninh mẹ còn sống chục năm nữa, chờ khá lên một chút chăm lo mẹ tốt hơn. Ngờ đâu mẹ ra đi không kịp trở tay, tôi bối rối không biết tính sao! Nhưng nhờ duyên lành tôi về kịp. Đến nhà mọi thứ đã đâu vào đó… chị tôi cho biết nhờ sự giúp đỡ quí báu của thầy Khế Chơn và nhóm thiện nguyện bác Siêu. Những năm 80 thế kỷ trước tôn giáo tín ngưỡng còn là vấn đề nhạy cảm, sinh hoạt tâm linh còn hạn chế. Tuy thế anh em tôi thật vô cùng ngạc nhiên và xúc động trước sự quan tâm của quý Thầy trong Ban Hoằng pháp Tỉnh hội và các bác trong khuôn hội. Hôm trước ngày di quan, hai cháu sinh viên đến báo cho gia đình biết "Tối nay Thầy đến chủ trì lễ thuyết linh và cầu siêu cho mẹ". Sáu giờ tối hai hàng Phật tử khuôn hội… áo tràng nghiêm chỉnh đứng hai bên đường nghênh đón thầy. Bảy giờ một vị Sư trẻ mặc bộ đồ đà giản dị dung mạo đoan trang… bước vào nhà. Mọi người kháo nhau là thầy Khế Chơn… Mặc dù được báo trước, tôi sững sờ nhìn và ai nấy đều bị thu hút bởi nét mặt rạng rỡ cử chỉ khoan hòa, nụ cười tươi trên khuôn mặt Thầy! Nhờ sự chuẩn bị chu đáo của quý bác và các cháu sinh viên, Thầy tiến hành nghi lễ Bạch Phật, cầu siêu và lễ thuyết linh. Nhiễu quanh quan tài nhiều vòng, Thầy đọc chú niệm Phật, nhắc lại những điều sinh thời mẹ tôi đã làm không sót việc nào, nhiều việc là con nhưng anh em tôi không hề biết. Những ngày còn khó khăn mẹ đã tham gia góp gạo cứu tế và khi biết không còn sống được bao lâu mẹ dặn chị tôi làm đám sơ sài với tiền dành dụm còn để cúng cho quỹ từ thiện… Thầy ân cần nhắc nhở hương linh vững vàng hướng theo tín nguyện hạnh, Đức Phật A-di-đà và Thánh chúng sẵn sàng dang rộng vòng tay từ bi đón nhận. Và khuyên con cháu người thân thực hiện lời Phật dạy phóng sanh, bố thí, niệm Phật… hồi hướng người quá cố, tạo thuận duyên giúp tiến trình vãng sanh tốt đẹp! Mấy cháu sinh viên tình nguyện đến giúp mẹ tôi những ngày cuối đời kể lại "Mệ ra đi nhẹ nhàng, tay không rời chuỗi hột!". Tang lễ hoàn tất tốt đẹp ngoài cả sự mong đợi. Hồi tưởng đôi nét về người mẹ quá cố con cháu vô cùng cảm kích và tự hào về mẹ nhưng khi nhắc đến nhận thức nông cạn một thời anh em tôi không khỏi lấy làm ăn năn. Và xin sám hối về nông nỗi có lúc suy bì "Người ta cha mẹ khôn ngoan lanh lợi, gia đình sung túc con cái ăn trắng mặc trơn. Cha mẹ mình chơn chất thật thà… nên nhà nghèo, anh em mình thiệt thòi!". Thật ra nhà nghèo con đông vật chất thiếu thốn nhưng tình cảm không thiếu; cha mẹ đã giật gấu vá vai để chúng tôi được ăn học và dạy dỗ chu đáo! Anh em tôi đứa nào cũng có da có thịt, cao lớn mập mạnh chỉ có mẹ ngày càng gầy gò quắt queo. Một phần máu huyết thịt da của mẹ đã chuyển sang con cái! Và trước bao biến cố cái chết cận kề trong gang tấc, tôi chợt nghĩ đến mẹ… và một quyết định kịp thời, đúng đắn giúp tôi vượt qua hiểm nạn. Do đâu? Tôi tự hỏi nếu không được tưới tẩm bởi việc ăn hiền ở từ và sự nhẫn nhịn của mẹ. Người xưa thường nói "Con trai nhờ phước mẹ!". Nên chăng sửa lại "Con cái nhờ phước mẹ!". Con trai con gái nào lớn khôn mà chẳng từ tấm lòng mẹ bao dung. ■

Tình mẹ - suối nguồn vô tận...

LÊ QUANG KẾT

Vua Tự Đức, ông vua tại vị gặp cơn biến động trong lịch sử dân tộc, lúc sinh thời đã tán dương công ơn mẹ, *"Nuôi ta là mẹ, dạy ta cũng là mẹ: Mẹ là Thầy vậy. Sinh ra ta là mẹ, hiểu ta cũng là mẹ: Mẹ là Trời vậy"*. Mẹ vua chính là Thái hậu Từ Dũ (Từ Dụ), tên thật là Phạm Thị Hằng; danh hiệu của bà được dùng để đặt tên cho bệnh viện phụ sản lớn ở Sài Gòn thành lập từ năm 1923 và hình tượng Người Mẹ Cao Đẹp ấy vẫn tồn tại cho đến ngày nay (dù đã có lúc người ta muốn đổi tên). Mẹ là trời là thầy; quả là lời chí tình chí cốt của người con có hiếu dù rằng người con ấy đang ở ngôi cao thiên tử. Mẹ là trời, ngày trước dân gian tin tưởng trên trời cao có thiên đình, có Ngọc hoàng Thượng đế ngự trị soi rọi xuống trần gian, sinh ra con người, quyết định sự sống và cái chết ở đời, hiểu thấu đáo ngọn ngành mọi chuyện thế gian… Mẹ là thầy, người thầy theo con đi trọn cuộc đời, không màng huy chương tưởng lục, chẳng cần bảng vàng bia đá vinh danh…

Thầy Mạnh Tử ngày xưa có người mẹ tuyệt vời, bà là Chương thị (người đàn bà họ Chương), chồng mất năm Mạnh Tử mới ba tuổi, lúc ấy nhà ở gần nghĩa địa. Thấy người ta khóc lóc đào bới chôn cất, Mạnh Tử cũng thích khóc lóc đào bới chôn cất. Nhìn con như thế, mẹ Mạnh Tử không yên lòng: "Chỗ này không phải chỗ con ta," liền dời nhà ra phía chợ. Ở chợ, thầy Mạnh chỉ quan tâm chuyện bán mua, học thói đảo điên giữa thương trường lạnh lùng tiền bạc; bà lại phải thốt lên: "Đây cũng chẳng phải chỗ của con ta". Cuối cùng mẹ Mạnh Tử dọn nhà đến gần trường học; từ đấy, thấy con bắt chước học trò lễ phép chào thưa, nâng niu sách vở, ê a vần bài, bà mẹ cười tươi hạnh phúc: "Chỗ này mới thật là chỗ cho con ta." Từ nơi ở mới, Mạnh Tử chí tâm học hành khổ luyện thành người đạo cao đức rộng - khuôn vàng thước ngọc - Ông được xem là vị tổ thứ hai của Nho giáo và được hậu thế tôn làm Á thánh, chỉ đứng sau Khổng Tử.

Mùa hè miền Trung nắng rát gió Lào, người mẹ sớm hôm tần tảo nuôi con học hành nên người, khổ riêng mình chịu. Nơi tôi cư trú có bà mẹ nghèo khổ, nhà cửa tuềnh toàng, có cô con gái bị sốt bại liệt, mười năm chị cõng con tới trường. Cuối cùng đứa con tật nguyền bất hạnh kia cũng không ở được với chị. Ngày tang cô bé cả xóm đưa tiễn, chị như người mất hồn: "Trời ơi! Con tôi, con ơi… sao trời không bắt tôi đi để cho con tôi được sống, đứa con tội nghiệp đáng thương của tôi… trời ơi!…". Cả dòng người đưa cháu ai cũng sụt sùi, thương cảm.

Những nghệ sĩ lớn, khi nhắc về mẹ họ luôn hãnh diện và tự hào rằng mẹ là điểm tựa lớn đã đưa họ đến đài vinh quang của nghệ thuật. Nhắc đến kịch nghệ miền Nam, nhắc đến hình tượng đẹp về người mẹ phải kể đến vở *Lá sầu riêng* của Đoàn kịch Kim Cương. Và Nghệ sĩ Nhân dân Kim Cương năm rồi đã tưởng niệm mẹ bằng việc tổ chức live show *"Tạ ơn đời"* để tri ân người mẹ kính yêu, Nghệ sĩ Nhân dân Bảy Nam, nhân tám năm ngày vị nghệ sĩ đáng kính này đi vào cõi vĩnh hằng. Hồi nhỏ tôi được xem *Huyền thoại mẹ* do chính nghệ sĩ Kim Cương thủ vai. Nhiều khán giả và cả tôi đã khóc thành tiếng. Có người nức nở: "Mẹ ơi, mẹ ơi!"… Bài hát *"Lòng mẹ"* của cố nhạc sĩ Y Vân là ca khúc tiêu biểu, sâu sắc và thiêng liêng nhất về tình mẹ "Lòng mẹ thương con như vầng trăng tròn mùa thu/ Tình mẹ yêu mến như làn gió đùa mặt hồ…". Mồ côi cha, gia đình nghèo túng; hồi còn ở Hà Nội, cả gia đình nhạc sĩ dắt díu nhau trong một túp lều xiêu vẹo ở ngõ chợ Khâm Thiên. Cuối thập niên 50 thế kỷ trước, ông là nhạc công chơi cho các nhà hàng ở Sài Gòn. Nhà vẫn cảnh nghèo, hằng đêm mẹ ông vẫn phải giặt giũ quần áo nơi vòi nước công cộng tới tận khuya. Trên đường về nhà từ phòng trà, chứng kiến cảnh mẹ vất vả lo toan cực nhọc vì con, ông đã viết thành ca khúc *"Lòng mẹ"* kính tặng người mẹ tảo tần giàu đức hy sinh của chính mình…Tôi đã đọc *Bông hồng cài áo* của Thiền sư Nhất Hạnh hơn nửa thế kỷ, vậy mà khi nghe đọc lại bài thơ ngũ ngôn trong tập tùy bút ấy vẫn thấy lòng thổn thức nước mắt lưng tròng "Năm xưa tôi còn nhỏ/ Mẹ tôi đã qua đời/ Lần đầu tiên tôi hiểu/ Thân phận trẻ mồ côi/ Quanh tôi ai cũng khóc/ Im lặng tôi sầu thôi/ Để dòng nước mắt chảy/ Là bớt khổ đi rồi/ Hoàng hôn phủ lên mộ/ Chuông chùa nhẹ rơi rơi/ Tôi biết tôi mất mẹ/ Mất cả một bầu trời". Giai điệu và ca từ *"Mừng tuổi mẹ"* của nhạc sĩ Trần Long Ẩn dặt dìu nghe nhói tận tâm can: "Mỗi mùa xuân sang mẹ tôi già thêm một tuổi/ Mỗi mùa xuân sang ngày tôi xa mẹ càng gần/ Rồi mùa xuân ấy, tóc trắng mẹ bay như gió như mây bay qua đời con, như gió như mây bay qua thời gian/ Ôi mẹ của tôi!/ Mẹ già như chuối như chuối chín cây/ Gió lay mẹ rụng con phải mồ côi/ Gió lay mẹ rụng con phải mồ côi/ Mồ côi, tội lắm ai ơi!/ Đói cơm khát nước biết người nào lo…".

Mùa đông miền Bắc rét buốt, lạnh tới xương tủy, mẹ vẫn nắng mưa lặn lội vì chồng vì con chẳng quản thân mình. Những chuyện kể về tình mẹ cuốn hút độc giả mọi nơi mọi lứa tuổi. Có bà mẹ lạ lùng; gia đình chồng, mẹ chồng và người làng bảo mẹ điên đuổi ra khỏi làng, cách ly với đứa con nhỏ mẹ đứt ruột đẻ ra. Dù rách rưới thân tàn ma dại và xa con tới mười mấy năm, người mẹ ấy thân bệnh nhưng tâm luôn nhớ thương con hướng về con; khi gặp lại bà đã nhận ra ngay đứa con yêu quý, mẹ sẵn sàng lấy thân mình ôm ấp vỗ về che chở con dù biết mình sẽ phải nhận lấy cái chết. Mẹ có thể vì con mà hy sinh tính mạng. Mẹ có thể vì con mà từ bỏ mọi thứ của cải và mọi điều ân sủng quý giá nhất. Tình mẹ thiêng liêng kỳ bí và huyền diệu biết dường nào…

Sách giáo khoa Tiếng Việt lớp ba có câu chuyện bi thương "*Người thợ săn và con vượn*" tác giả là văn hào Nga Lev Tolstoy như sau: "Một hôm, người đi săn xách nỏ vào rừng. Bác thấy một con vượn lông xám đang ngồi ôm con trên tảng đá. Bác nhẹ nhàng rút mũi tên bắn trúng vượn mẹ. Vượn mẹ giật mình, hết nhìn mũi tên lại nhìn về phía người đi săn bằng đôi mắt căm giận, tay không rời con. Máu ở vết thương rỉ ra loang khắp ngực…". Người thợ săn đứng im, hồi hộp… Bỗng vượn mẹ nhẹ nhàng đặt con nằm xuống, vơ vội nắm rác, gối lên đầu con, rồi hái một cái lá to, vắt sữa vào đó, đặt lên miệng con. Xong, nó nghiến răng, giật phắt mũi tên ra, rú lên một tiếng... Câu chuyện được các em nhỏ Phật tử Việt Nam kể tiếp đầy ý nghĩa: Bác thợ săn lặng người, buốt nhói như chính mũi tên kia bắn vào tim mình. Bác chặt bỏ chiếc nỏ đốt hết mũi tên, chôn cất vượn mẹ, đưa vượn con về nuôi trong nhà mình, săn sóc chú như con. Khi chú vượn con lớn khôn trưởng thành, người thợ săn có lòng ăn năn đã quyết định trả chú trở về với rừng xanh ngay tại nấm mồ vượn mẹ rồi tự nhủ: Ta là kẻ có tội và độc ác, đã hủy diệt một tình mẹ cao cả. Từ đó bác ta quy y Tam bảo thành tâm sám hối, nguyện làm việc lành ngưỡng mong Phật tổ từ bi gia hộ… Chao ôi! Tình mẹ dạt dào như trời biển!

Mẹ là thầy, người thầy không ngơi nghỉ đưa con tới bến cuộc đời. Mẹ dạy con "học ăn học nói học gói học mở," "ăn trông nồi ngồi trông hướng," dạy cả thế đứng dáng đi, từng câu từng lời, đối nhân xử thế; dạy con đạo làm người giữa cõi đời tục lụy đầy chông chênh gập ghềnh sóng gió…

Kỳ thi đại học vừa rồi, tôi gặp người má Nam Bộ đậm chất "Hai Lúa". Má bán hơn trăm giạ lúa cho con lận lưng lên thành phố ứng thí. Số lúa chắt chiu dành dụm mấy năm trời, nhà chẳng còn chi. Con đi rồi nghe chòm xóm thiệt hơn, Sài Gòn đắt đỏ, phố thị lành dữ xô bồ, tiền ăn ở xe cộ chi phí tốn kém… Má đứng ngồi không yên, suy nghĩ, "Con mình chơn chất liệu bề sao đây!?". Vậy là má cầm luôn đôi bông tai hồi cưới, lên tận nơi để lo cho con, cố không để con buồn tủi. Má cười thỏa nhưng tôi nghẹn lòng: "Lo cho con mà tính toán thiệt hơn làm chi, năm tới tui cố mần thêm mấy công mía là tạm ổn…". Ôi! Cực thân má; chỉ việc đưa con đi thi mà người mẹ miệt vườn phải tằn tiện mấy năm trồng cấy thu hái, cầm cố thêm kỷ vật yêu đương thời thiếu nữ lo cho con. Không biết cậu con ngày sau này thành đạt tính chuyện sao đây…

Hay là:

"Cha mẹ nuôi con biển hồ lai láng
Con nuôi cha mẹ kể tháng kể ngày"…

Những đứa con lớn khôn tung cánh xa rời vòng tay mẹ, bay tới những chân trời mới, tìm kiếm bao điều

cao xa kỳ lạ. Mẹ vẫn thế, cặm cụi sớm hôm nơi quê nhà. Anh chị biết không? Tôi đang còn mẹ, mẹ tôi đã ngoài tám mươi còn tôi đang bước vào lục thập. Vậy mà tôi vẫn chưa làm được điều gì cho mẹ vui…

Tuổi nhỏ vắng ba, tôi ở với mẹ. Mẹ nuôi tôi trong khổ cực với nghề hàng xáo. Ngày ấy để có hạt gạo trên đôi quang gánh hàng xáo đều phải từ bàn tay. Những nông cụ thủ công từ bao đời gắn liền với công việc hàng ngày trên vai mẹ, tôi vẫn nhớ như in…. Cái xay lúa phải kéo đẩy ầm ào cả buổi mới xong mấy thúng lúa, giờ hình như chỉ còn trong truyện cổ tích hay ở khu bảo tàng làng quê Việt. Đôi lần thuở ấy tôi đã thử xay lúa phụ mẹ nhưng chỉ dăm ba phút là tay chân mỏi nhừ, quay cuồng như người say. Chiếc cối giã, rồi những chày tay chày vồ, giần, sàng, thúng mủng, trấu thóc, nong nia, tấm cám… đã cùng mẹ con tôi dần dà theo năm tháng…

Tan học chiều, tôi thường ra ngóng mẹ đi mua lúa về ở cây mưng đầu xóm. Tối đến, căn nhà rộn lên tiếng xay giã giần sàng, thường thì tôi thiếp đi khi công việc mẹ chưa xong. Sáng sớm mẹ đã gánh gạo ra chợ, phần lời thường là mấy đồng và đôi ba lon gạo mẹ con đắp đổi qua ngày. Một mình mẹ ngày qua tháng lại tần tảo nuôi con chờ chồng ngày đoàn tụ…

Từ đôi tay chai sần và đôi quang gánh trên vai mẹ, tôi đã được đến trường. Thời ấy túng khổ lắm các anh chị biết không? Cuộc sống làng quê thiếu thốn, rồi chiến tranh bom rơi đạn lạc chuyện học hành thi cử là gánh nặng gia đình. Cả làng xã chỉ mấy nhà khá giả mới lo nổi cho con đến lớp, hiếm lắm tú tài cử nhân. Mẹ con tôi nghèo. Căn nhà mẹ chỉ là phên đất mái tranh, chẳng có thứ gì đáng giá. Ký ức tháng ngày cũ thầm nhắc: "Cậu được ăn học là mồ hôi công sức và có cả nước mắt của mẹ. Sau này khôn lớn nên người làm gì đi đâu cậu không được phép quên…"

Làng quê chẳng yên, mẹ con tôi bỏ quê lên thành phố. Tôi phải tạm nghỉ học. Nhưng với mẹ không thể thế được. Phải tiếp tục việc học dở dang? Lấy gì để nuôi con ăn học giữa chốn thị thành đông người ít việc? Một phụ nữ nghèo khó như mẹ biết làm gì ngoài chuyện phải chấp nhận người giúp việc ở mướn. Mười năm đằng đẵng nhục nhằn ở đợ nuôi con. Mỗi khi nghĩ về mẹ và ngày tháng cũ tim tôi đau nhói… lòng quặn thắt… nước mắt cứ chực trào ra… Bước đường học vấn của tôi được trả giá bằng sự hy sinh vô bờ bến của mẹ. Tôi vào sư phạm và ra trường ngày đất nước thống nhất.

Ba tôi tập kết trở về. Mẹ con tôi mừng mừng tủi tủi. Nhưng điều ngang trái đã đến với mẹ khi biết ba có vợ con ngoài Bắc. Mẹ lại cắn răng âm thầm chịu đựng. Khổ riêng mình chịu. Mẹ chẳng một lời phàn nàn trách cứ, lặng thầm chấp nhận "Một đời gánh nắng gánh mưa/ Mòn vai mà mẹ vẫn chưa yên lòng". Hai mươi mốt năm một mình nuôi con chờ chồng giờ thành vô vọng. Mấy năm đó mẹ ít nói ít cười… Chuyện rồi cũng nguôi ngoai, mẹ quyết định về quê nội dựng lại căn nhà nhỏ. Mẹ khẽ bảo: "Lỗi chẳng do ai, chỉ là chuyện lịch sử đất nước, do chiến tranh xa cách mà ra. Giờ mẹ già rồi, về quê lo chuyện mồ mả kỵ giỗ, chăm sóc ông nội cho trọn bề dâu trưởng…". Chao ôi, mẹ tôi một đời khổ cực buồn tủi!

Mẹ biết không? Những lúc như bây giờ con thường nhớ về năm tháng tuổi thơ trên quê nhà. Mẹ nuôi con trong khổ cực nhưng đầm ấm yêu thương. Làng quê nghèo nhưng đầy từ tâm. Còn nhớ mái chùa làng bà con quây quần sẻ chia đùm bọc nhau lúc hoạn nạn rủi ro. Nhà mệ Khoan đơn chiếc, năm mất mùa chúng con tránh không tới gom hũ gạo từ thiện; mệ đã tay nải đùm nắm gạo đến chùa rồi tấm tức: "Bà con chê tôi nghèo phải không? Dù cực khổ tôi đã phát nguyện nắm gạo từ thiện cho đến cuối đời… Miếng khi đói bằng gói khi no." Chúng con ai nấy nước mắt lưng tròng… Chị Hòa nghèo nuôi mẹ già khó ai bì, mình chỉ sắn khoai qua bữa để dành phần cơm cho mẹ; mẹ già yếu răng chẳng còn bao lâu nữa với mình…

Hơn ba mươi năm rồi tôi chưa kịp về với mẹ, chỉ thưa thớt mấy bữa phép năm. Đứa con bất hiếu bôn ba chen chúc lợi danh, thu vén cho mình, ấm êm vợ con, cố tìm nơi chốn yên lành. Mẹ nơi quê nhà ngày càng luống tuổi. Mắt mờ, lưng còng, tóc bạc, da nhăn… "Mẹ không còn ở lâu với ông nữa đâu," ai đó thầm nhắc nhở, thúc giục…

Mỗi ngày đi qua lòng tôi lại bồn chồn lo lắng. Căn nhà nhỏ thời thơ ấu của mẹ hiện về. Nắng sương mưa gió, mẹ tôi đôi quang gánh hàng xáo lầm lũi tần tảo nuôi con. Giờ đây ốm đau trái gió trở trời ai người chăm sóc, phụng dưỡng. Mẹ ơi, cái ngày con xa mẹ đang gần. Vu-lan sắp tới con có còn được cài nụ hồng lên ngực? Cảm ơn chị Xuân Quỳnh với câu thơ hay "Dẫu con đi hết cuộc đời/ Cũng không đi hết những lời mẹ ru". Cảm ơn anh Đỗ Trung Quân về "Mẹ" và tôi hiểu ra, nghe lặng lòng thổn thức:

"Con sẽ không đợi một ngày kia
Khi mẹ mất mới giật mình khóc lóc
Những dòng sông trôi đi có trở lại bao giờ?
Con hốt hoảng trước thời gian khắc nghiệt
Chạy điên cuồng qua tuổi mẹ già nua
Mỗi ngày qua con lại thấy bơ vơ
Ai níu nổi thời gian?
Ai níu nổi?
Con mỗi ngày một lớn lên
Mẹ mỗi ngày thêm già cỗi
Cuộc hành trình thầm lặng phía hoàng hôn…".

Xin phép nhà thơ cho tôi được nhắn gởi những ai còn mẹ một nụ hồng và thêm một lần - điệp ngữ "Cuộc hành trình thầm lặng phía hoàng hôn…".

Mạ ơi! Con đã lo liệu mọi thứ và sẵn sàng hành trình: "Về với Mạ! Mạ Ơi!"… ■

Người giàu nhất thế giới

LÊ DUY ĐOÀN

Tháng 2 năm 1991. Sài Gòn.

Chiều muộn 30 Tết. Trời mù, mưa lất phất. Chỉ còn vài giờ nữa là đến giao thừa, chuyển từ năm Canh Ngọ sang năm Tân Mùi. Giờ này mà nhà thơ đang còn ngồi dưới hiên nhà đối diện nhà thờ Vườn Xoài trên đường Lê Văn Sỹ, quận Phú Nhuận, Sài Gòn. Cả một dãy phố, nhà nhà đóng cửa hay để cửa khép hờ. Ai cũng lo chuẩn bị đón năm mới. Những xe chở rác và công nhân vệ sinh làm việc tất bật. Thói quen xả rác trở thành một thói quen xã hội rồi. Người đi đường thưa thớt mà vội vã. Đường vắng. Phố đã lên đèn.

Trên người nhà thơ, không biết là bao nhiêu lớp quần áo, cái nào cũng rách bươm màu sắc *tếch-ních-cô-lo*. Một đống giẻ rách thì đúng hơn. Dưới chân nhà thơ là cái mũ dạ nhàu nát. Cây gậy tre quấn một sợi dây xích rỏn rảng, để bên cạnh cái túi màu xám ô-liu dơ bẩn không biết thứ gì bên trong mà cái túi căng kè. Một nải chuối cau cột sợi dây ny-lông đủ dài để nhà thơ đeo tòn teng nơi cổ cho tiện, khỏi cầm. Tất cả mọi thứ trên người ông đều nhàu nhĩ. Chỉ riêng đôi mắt sâu, nhỏ, hơi lé mà lại rất tinh anh dù nằm sau cặp kính tròn dày cộm. Nhà thơ cũng có tắm gội hằng ngày nhưng tóc phủ dài xuống gáy và bện xe lại như đầu tóc Rud Gullit, lại thêm trên người bao nhiêu lớp giẻ nên trông ông bẩn bẩn giống như người cả tháng trời không tắm gội. Người ông nhỏ thó với khuôn mặt nhăn nheo như quả trám khô tưởng chừng như không còn chỗ cho nếp nhăn chen chúc, nước da tai tái bủng beo, lại thêm áo quần trên người làm nhà thơ trông càng áo não. Thế mà vẻ mặt ông an nhiên tự tại, không đếm xỉa gì đến mọi việc xung quanh, mặc cho lũ trẻ nghịch ngợm chọc phá. Ông đang chìm vào quá khứ.

* * *

Nhà thơ ra khỏi nhà của ông đạo diễn họ Lê ở Xóm Gà, trong hẻm 482 đường Lê Quang Định, Bình Thạnh từ sáng sớm. Ông mới đến trú ngụ ở đây sau cuộc rượu lu bù mà không có tiền để trả ở quán rượu Thọ Nguyên bị chủ quán mắng mỏ và làm khó dễ; ông đạo diễn họ Lê trả tiền nợ và mời ông về nhà mình ở cho đến nay. Ở nhà thì ông chỉ mặc một cái áo sơ mi với chiếc quần xà lỏn nhưng ra đường thì ông lấy cái bao đồ cũ quàng hết lên người; cái bao tải đồ của nhà thơ, ông đạo diễn dặn vợ con không được đụng tới, một phần tôn trọng riêng tư của nhà thơ, một phần sợ nhà thơ buồn mà bỏ đi. Dường như nếu ra đường mà không có trang bị tận răng như thế thì không ra dáng hảo hán một tí nào?!

Nhà thơ đi bộ xuống chợ Bà Chiểu ngồi bệt bên vệ đường dựa lưng vào gốc cây phượng, nhai ổ bánh mì và ngó mông lung dòng người đang vội vã di chuyển trên đường và mua bán tấp nập hai bên đường ngày cuối năm. Chẳng ai để ý một người điên nhưng người điên lại để ý quan sát mọi người. Dọc đường Lê Quang Định, phía trước chợ Bà Chiểu, xe gắn máy dừng đậu bên lề đường ngã giá mua bán hoa mai và các loại hoa cúng. Những quầy bán dưa, quay lại bằng cót tre còn dưa nhiều lắm. Những người bán ngũ quả - *"cầu măn dừa đủ xài"* có nhiều khách bu đen bu đỏ.

Nhà thơ ăn hết ổ bánh mì, nhìn quanh một hồi cũng chán, đi tới chỗ anh xích-lô quen. "Đi thôi, đại ca". Anh xích-lô thường chở người khách đặc biệt này nên biết lối đối thoại rất dị kỳ của ông với lối xưng hô rất ư là phiêu bồng cà rỡn. Anh hỏi lại một cách rất là phường tuồng: "Bệ hạ đi mô?". Ngồi lên xe, nhà thơ nhớ nương tử. "Tới nhà mẫu thân tao". Đã nhiều lần chở nhà thơ đến nhà của nương tử nên anh xích-lô cứ thế mà đạp

qua đường Hoàng Diệu. "Đại ca biết là tao qua nhà mẫu thân làm chi không?". Không đợi anh xích lô trả lời, nhà thơ nói tiếp "Để tao chọi hai cục đá ni vô cửa cổng, hẹn với mẫu thân sáng mai mồng một Tết, tới xông đất, xông nhà lấy hên cho mẫu thân".

Anh xích-lô đang lo trong lòng không biết ăn nói làm sao nếu bệ hạ điên này nói như chơi mà làm thiệt, lỡ công an vịn ngày cuối năm thì mệt lắm. Anh đang phân vân thì nhà thơ đột nhiên đổi ý "Thôi mày ơi, tao nói chơi chứ ngày mai tao mới tới nhà mẫu thân để xông đất. Tao xông đất mà không báo trước thì chắc là nương tử thích hơn". "Thế bây giờ bệ hạ đi đâu?". "Thôi mày đi với tao lên hội".

Hội là Hội Văn nghệ thành phố, 81 Trần Quốc Thảo, nơi tụ hội những văn nghệ sĩ thứ thiệt cũng có mà kẻ ăn theo tiếng văn nghệ cũng nhiều. Tới đây, anh đã từng được ông cho ăn nhậu bù khú đã đời cóc tía lắm phen.

Xe xích-lô chạy thẳng vô sân hội như mọi khi nhưng quán vắng ngắt, bàn ghế được dọn dẹp trống huơ trống hoác. "Dẹp rồi à? Thôi ra chỗ mô có bán bia thì đại ca cứ tấp vô". Bên ngoài khuôn viên hội, trên lề đường còn có một người đàn bà trung niên bán muộn. Khi thấy nhà thơ bước vô, người đàn bà cung kính cúi chào "thưa thầy." Bà đon đả kéo ghế mời. "ở mô mà thưa thầy hay rứa hè?". "Dạ, hồi trước con học Văn khoa Trường Đại học Vạn Hạnh đó thầy". Đối với nhà thơ, hồi ức về thời gian dạy ở Đại học Vạn Hạnh mơ hồ như rác duềnh lên trôi xuôi theo dòng nước; còn anh xích-lô, khi thấy người đàn bà lễ phép giữ lễ thầy trò chào con người với đống giẻ trên người thế kia thì nhìn nhà thơ với con mắt vừa ngưỡng mộ vừa ái ngại.

Vẫn ngồi trên xích-lô, vắt chân chữ ngũ, mày chai tao chai, nhà thơ nhai đậu phộng uống bia với anh xích-lô. Dù người đàn bà bán quán xép không chịu lấy tiền nhưng nhà thơ vẫn móc tiền trả và nói "Trẫm không muốn nợ và không muốn mắc nợ". Nói nợ là nợ tiền và mắc nợ là mắc nợ tình. Nhà thơ phân biệt chữ nghĩa hay thật.

"Thôi mày về đi lo ba bữa Tết, sang năm gặp lại". Nhà thơ nói với anh xích lô sau khi dúi cho anh một nắm tiền chẳng biết là bao nhiêu. Chân nam đá chân chiêu, nhà thơ đi bộ lên cầu Lê Văn Sỹ. Tay chống gậy với sợi xích kêu loảng xoảng theo bước chân đi. Hai sợi xích ngày thường nhà thơ dẫn hai con chó, bây giờ chỉ còn sợi xích, không biết hai con chó đi đâu rồi. Nải chuối quàng trên cổ, cái bị trên vai trông nhà thơ giống Bố Đại hòa thượng quá!

Ngồi dưới hiên nhà bên kia đường đối diện cổng Trường Đại học Sư phạm đầu cầu Lê Văn Sỹ, trước đây là cơ ngơi của Trường Đại học Vạn Hạnh, nhà thơ vừa đưa tay chỉ vô trường vừa lầm bầm chửi rủa.

Những việc làm bất thường của nhà thơ đôi khi làm ông rước họa vào thân. Bị người bán hàng phụ tùng xe đạp đánh đá sưng mặt sưng mày vì lấy cái ghi-đông chơi trò lái xe, bị đám pê-đê đánh chảy máu đầu vì vào đám tang múa may quay cuồng và nhảy nhót với chúng. Có khi bị công an dẫn vô đồn vì nhảy điệu đười ươi thượng ngàn, hươ gậy điều khiển xe cộ lưu thông trên đường phố. Khi vô đồn công an hay vô bịnh viện, người ta hỏi thân nhân là ai, khi nào nhà thơ cũng nói số điện thoại và số nhà của nương tử mẫu thân. Báo hại nương tử mẫu thân hốt hoảng một phen hộc tốc tới nơi lo chăm sóc cho nhà thơ tội nghiệp.

* * *

Hiên nhà trước nhà thờ Vườn Xoài, đường Lê Văn Sỹ.

Ông đang chìm vào quá khứ. Những ngày cuối năm đối với ông giống như những ngày cuối đời. Những chuyện không theo thứ tự thời gian, trở lại như phim mà phần hồi tưởng lại sắc nét một nỗi sầu nhân gian và nhân thế.

Ông nhớ lại những tháng ngày sương khói xa xưa. Ông sờ lên vết sẹo trên trán và mơ hồ đâu đây tiếng cãi vã của cha mẹ rồi người cha hầm hầm giận dữ ném ông trúng cây đinh thủng trán. Nhớ tuổi thơ ông ở Duy Xuyên xứ Quảng Nam. Nhớ vô vàn những ngày lang thang chăn dê trên vùng thung lũng đồi núi Trung Phước, nuôi dê để rong chơi với đàn dê thôi chứ không bán, không làm thịt. Thương những con dê, ông đặt cho mỗi con một cái tên. Nhớ những lạch nguồn, truông trảng. Nhớ rừng sim tím ngát. Nhớ vô cùng người vợ đẹp và hiền hậu mà qua đời sớm cùng đứa bé sơ sinh. Nhớ những bát sữa dê đem chưng lên cho vợ uống mỗi buổi sáng. Tất cả đều trôi vào hư ảo, hư vô…

Những đứa bé vây quanh chòng ghẹo nhà thơ đã tản mác hết rồi. Chỉ còn nhà thơ ngồi cô đơn dưới hiên nhà. Một người đàn ông dáng tầm thước trong hẻm đi ra, tìm mua một bao thuốc lá. Quanh xóm đó ai cũng biết cũng quen ông giáo gàn. Trước đây, ông dạy các lớp Đệ nhất cấp Trường Việt Anh ở Huế từ năm 1951 lận, sau này trường đổi tên thành trường Trung học Đệ nhất cấp Nguyễn Tri Phương. Đi ngang trước mặt nhà thơ, ông dừng lại một chút, nhìn và suy nghĩ một chút rồi ông đến bên vỗ nhẹ trên vai nhà thơ. "Này, nhà thơ, vô nhà tui uống rượu không?". Nhà thơ như sực tỉnh: "Đi mô?". "Vô đây chút thôi, trong này". "Đi thì đi".

Ông giáo gàn là người tốt bụng, cục tính và có thói gia trưởng. Ông ưa, ông làm, đố vợ con hé răng bàn vô một tiếng. Thấy ông giáo gàn chiều tối 30 Tết rồi mà còn dẫn về một ông nhà thơ với đống giẻ rách trên người, vợ ông là một bà giáo, con ông đã gần tốt nghiệp đại học cũng đành rút lên trên lầu chuẩn bị bàn thờ và bàn phẩm vật cúng giao thừa, để phòng khách dưới tầng trệt cho ông với nhà thơ muốn làm chi thì làm. Những tưởng ngồi chơi một chút rồi về, ai ngờ hai người ngồi chơi tới sáng.

Ông giáo gàn đem ra một bộ pyjama đặt trước mặt nhà thơ: "Đi tắm đi rồi ra đây nhậu". Nhà thơ giẫy nẫy: "Không, không tắm". Ông giáo kéo nhà thơ vào nhà tắm, lấy vòi sen xịt nước cho ướt áo quần, nhà thơ mới chịu cởi nùi giẻ rách ra tắm.

Mặc bộ đồ ngủ còn thơm mùi long não, xịt chút eau de cologne, nhà thơ thấy dễ chịu vô cùng. Trong khi nhà thơ tắm táp, ông giáo gàn đã bày ra trên bàn ăn không biết cơ man nào là thức ăn và rượu ngoại. Chủ nhân là người hiếu khách thái quá. "Rồi, muốn ăn chi cứ ăn, muốn uống chi cứ uống, cứ tha hồ". Ông giáo gàn mang hầu như tất cả thức ăn để dành trong tủ lạnh dùng dần mấy ngày Tết ra đãi khách.

Câu chuyện giữa nhà thơ lang bạt với ông giáo gàn không đầu không đuôi.

"Này nhà thơ, răng mà giờ ni còn lang thang ngoài đường như rứa."

"Rong chơi mút mùa, càn khôn túy lúy. Đó là Đạo của tui. Nói thật tình, ở nhờ nhà người ta, ba bữa Tết, đuổi mình đi thì người ta không nỡ, mình ở nhà vô ra ba bữa Tết cũng không tiện. Thôi ra ngoài đường chơi với cóc nhái ễnh ương".

… "Ngoài quê còn ai không?".

"Giật mình lúc chợt nghĩ ra,

Rằng toàn thân thuộc đã qua đời rồi!"

"Nghe nhà thơ nhiều mẫu thân nương tử lắm, mà họ mô rồi".

"Thần tiên nhan sắc đẻ ra mẫu thân nương tử, nương tử mẫu thân đẻ ra thằng tui, thằng tui đẻ ra hết thơ rồi thẩn, thơ thẩn đẻ ra cóc nhái ễnh ương, châu chấu chuồn chuồn, châu chấu chuồn chuồn lại đẻ ra cái liên tồn, lá hoa cồn, tồn lưu, cồn lau cỏ lách. Cái liên tồn lại đẻ ra thần tiên nhan sắc, cuộc tồn sinh tồn diệt mới tồn lưu. Ra sông nằm ngủ rập rình, Mẫu thân Phùng Khánh đẻ mình ra sao? Mẫu thân nương tử mô cũng giành nhau đẻ mình ra, Phùng Khánh, Kim Cương, Marilyn, Bardot ai cũng là nương tử, ai cũng là mẫu thân, rứa mới lạ chứ".

"Mấy quyển sách nhà thơ viết trước đây thấy cũng hay đó chớ?".

"Thôi, đại ca ơi! Sách vở ích gì cho buổi ấy, Áo xiêm

nghĩ lại thẹn thân già, Xuân về ngày loạn còn lơ láo, Người gặp khi cùng cũng ngất ngơ…".

… Phong ba cuộc đời cứ dồn dập, càng ngày càng nhố nhế thêm ra, tủn mủn đầu độc thêm ra, thì ưu tư khắc khoải trở thành chuyện tầm phào, siêu thị, siêu tưởng, siêu triết, trở thành chuyện đĩ điếm. Văn chương, văn nghệ trở thành chuyện bán cá ngoài chợ. Nợ tang bồng vay trả trả vay trở thành chuyện phỉnh phờ con nít. Lưu thủ đan tâm chiếu hãn thanh ư? Lưu thủ đan tâm trở thành chuyện tán gái đâm toang. Chiếu hãn thanh trở thành chiếu chăn mài cọ lầu xanh meo mốc…".

"Hạnh phúc nhất là lúc mô?".

"Trước năm 75, hồi đó tui ở chung phòng với thằng Thiên Thư trên lầu bốn Trường Đại học Vạn Hạnh, hắn là thầy tu, mặc áo nâu sồng mà có con bồ Như Ngọc ở mô trên Đà Lạt về thăm hắn, cô ấy dễ thương ghê. Sướng nhất là khi cô vào nhà tắm, tui đi theo, tui nói với cô. Cho coi một chút thôi cô ngồi xuống đây tưới cỏ cây đi, tui nằm coi. Mát mẻ con mắt vậy mà, mai mốt cỏ trên mồ cũng mát theo. Rứa mà cô thương tui, ngồi xuống mưa nguồn rớt hột trên sàn trong khi tui nằm trong bóng tối nhai gạo lứt muối mè nhìn mưa. Đại ca nghĩ coi, ai hạnh phúc hơn tui. Tui cũng từng ngỏ lời với mấy nương tử mẫu thân của tui là mai sau tôi có xuống suối vàng vẫn mong rằng các vị… sẽ ban ân huệ mưa móc sum suê, trên nấm mồ mọc cỏ, những giọt sương trần gian sẽ nhỏ hằng ngày xuống đáy huyệt cô đơn của tui". Tui cũng từng nói với nương tử: " Kim Cương nương tử ơi, nếu tại hạ một mai chết đi, nàng hãy mưa lên nấm mồ tại hạ".

"Mấy lâu ni có chi vui?".

"Không buồn thì cũng không vui,
Buồn vui một nửa thì tui không màng".

"Bình sinh nhà thơ yêu thương ai nhất?".

"Nhất vợ nhì Trời, nên yêu thương bà Ninh nhất. Thứ nhì là thương con. Yêu thứ ba là những cô gái giang hồ. Giang hồ của tui là phường đĩ điếm hay không đĩ điếm cũng được miễn là những cô những bà có máu phiêu lãng phiêu bồng là được. Quẳng gánh lo đi và rong chơi dzui dzẻ. Rồi tui yêu vu vơ những đàn bà tình cờ gặp gỡ ngoài đường - thường là những phụ nữ da dẻ đen thui, ngồi im lìm bên vệ đường bán mua cái gì chẳng rõ".

"Nhà thơ làm thơ dễ như lấy đồ trong túi. Thơ để làm gì và bàn luận thế nào về thơ?".

"Thơ để cho, thơ để tặng, để chơi chứ không để làm chi cả. Thơ là cái gì không thể bàn tới, không thể dịch, diễn gì được. Người ta có thể diễn tả một trận mưa rào bằng lời thơ. Thì có lẽ muốn diễn tả một bài thơ, người ta chỉ có thể phát động một trận mưa rào, hoặc một cơn gió thu. Mà muốn thực hiện việc đó, thì ngoài việc làm thơ ra, con người không còn phép gì khác. Thế có nghĩa là: muốn bàn tới thơ, diễn dịch thơ, người ta chỉ có thể làm một bài thơ khác. Người xưa am hiểu sự đó, nên họ chỉ vịnh thơ, chứ không bao giờ điên rồ gì mà luận bàn về thơ. Người đời nay trái lại, họ buộc phải luận thơ cho có mạch lạc luận lý. Cái chỗ ngu si đó là điều bất khả tư nghị vậy".

* * *

Cứ như vậy, hỏi đáp, đáp hỏi giữa nhà thơ và ông giáo gàn cho tới khuya. Bà giáo thỉnh thoảng đi xuống lầu gây ra vài tiếng động ý chừng nhắc khéo ông giáo gàn tiễn khách sợ rằng ông khách điên khùng này ở lại đạp đất thì xui xẻo cả năm. Ông giáo gàn chẳng để ý chi đến thời gian trôi qua và bà giáo chuẩn bị cúng giao thừa.

Chai rượu Hennessy XO ông giáo gàn để dành trong tủ rượu từ trước 75, hai người chén chú chén anh cho đến giọt cuối cùng thì nhà thơ cũng quắc cần câu túy lúy. Ông giáo gàn còn đủ sức dìu nhà thơ đến nằm dài trên ghế nệm salon, còn ông giáo nằm trên ghế bố. Cả hai làm một giấc quên đời. Bà giáo cúng giao thừa xong, xuống coi lại cửa nẻo, lắc đầu ngán ngẩm cái ông chồng ngang không chịu được.

Năm giờ sáng mồng một Tết. Chuông nhà thờ Vườn Xoài đổ từng hồi báo lễ sớm. Ông giáo gàn thức dậy pha trà và chế cà-phê, dọn ra bàn một cái bánh chưng cắt sẵn. Chuẩn bị xong, ông đánh thức nhà thơ dậy. Rửa mặt đánh răng qua loa, nhà thơ ra bàn ăn ngồi uống nước trà và cà-phê ăn sáng mà không nói với nhau một lời nào. Trong cái tĩnh lặng thiêng liêng của sáng mồng một Tết, nhà thơ cảm nhận sâu sắc cái tình lạ lùng của ông giáo trong cuộc tao phùng lạ lùng đêm 30 Tết vừa qua, cuộc tao phùng ngẫu nhiên, ngẫu nhĩ mà chén tương phùng mát dạ dường bao.

Nhà thơ tiện tay xé một tờ lịch đầu năm, lấy bút hí hoáy viết mấy câu lục bát chữ to và nghiêng ngả.

Uống xong ly rượu cuối cùng,
Bỗng nhiên chợt nhớ đã từng đầu tiên,
Uống như uống nước ngọc tuyền,
Từ đầu tiên mộng tới phiền muộn sau,
Uống xong ly rượu cùng nhau,
Hẹn rằng mai sẽ quên nhau muôn đời.

* * *

Bước ra trước cổng, cầm tay ông giáo gàn, nhà thơ trịnh trọng nói với ông giáo:

"Nói thật với đại ca, đại ca đừng giận. Tui không biết đại ca là ai nhưng tui biết chắc chắn một điều:

"Đại ca là người giàu nhất thế giới". ■

Lời thêm:

Bản hồi ức này có những tình tiết thật. Mong những người có liên quan lượng thứ nếu có điều khiếm khuyết ngoài ý muốn của tác giả.

Quê nhà tôi, chiều khi nắng êm đềm...

CAO HUY HÓA

Mới đây, chúng tôi về thăm một miền quê bên dòng sông Ô Lâu xanh ngát vào một buổi chiều còn nồng nắng hạ. Trước mặt là sông, xung quanh là vườn tược, xa hơn là đồng lúa; không có khói bụi, không còi xe, chỉ có lá rì rào. *"Ôi chiều quê, chiều sao xiết êm đềm!"*. Ngồi ngoài vườn, gió thoảng, trên cao trời xanh nhẹ, mây trắng bay. Hạnh phúc đến thật tự nhiên. Chúng tôi, không ai bảo ai, như văng vẳng từ trong tâm tưởng bài hát *Chiều quê* của Hoàng Quý, và trong niềm xúc động nhớ về một thời thơ ấu thanh bình, thánh thiện, mọi người cùng lẩm nhẩm hát:

"Quê nhà tôi, chiều khi nắng êm đềm…".

Sẩm tối, trên đường về, mới hay cơn mưa khá lớn đổ xuống thành phố Huế, trời dịu mát. Một chút chuyển mình của thời tiết, mùa thu đang đến, với những dấu hiệu giao mùa. Đang trong những ngày nóng bức thì một sáng nọ, trời âm u, mưa lất phất, rồi lại hửng nắng; thế rồi ban đêm trời nhẹ hẳn đi, bỏ lại đàng sau những bức nồng đêm mùa hạ. Mưa và nắng cứ xen kẽ nhau trong ngày, và cũng không dễ dàng để mùa hạ rút lui nhanh, vẫn còn "nắng hạ giữa mùa thu", nhưng dần dần nắng hạ được thay thế bởi nắng thu và mưa thu.

Mùa thu ở từng vùng trên đất nước ta có sắc thái riêng. Miền Nam mưa nắng hai mùa, thiên nhiên ưu đãi, nhưng con người không mấy hưởng thi vị của mùa thu. Tôi không ở miền Bắc, cho nên cảm xúc của tôi về mùa thu đồng bằng Bắc Bộ được truyền từ văn thơ nhạc, nhất là nhạc, tuy gián tiếp mà vẫn rất thấm thía. *Thu điếu* của Nguyễn Khuyến đã sớm cho tôi cảm xúc như thế:

"Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt
Ngõ trúc quanh co, khách vắng teo".

Giai điệu trong ca khúc *Thu cô liêu* của Văn Cao cũng buồn nhẹ nhàng, nỗi buồn một mình trong thôn vắng chiều thu: "Thu cô liêu, tịch liêu. Cô thôn chiều, ta yêu thu yêu mùa thu". Giữa trời thu mây trời mênh mang và tĩnh lặng như thế, có chút gì man mác trong lòng ta. Trong đêm thu ánh trăng lan nhẹ và như thấm vào lòng người, ta cảm nhận huyền diệu từ cỏ cây, hoa lá, và thì thầm tiếng thu:

"Hoa lá cành, ánh trăng lan dịu dàng. Ru hồn bao nhớ nhung. Đêm lắng buồn, tiếng thu như thì thầm. Trong hàng cây trầm mơ…".

(*Đêm thu*, ca khúc của Đặng Thế Phong)

Không biết bao nhiêu là văn thơ nhạc ca tụng mùa thu của các tác giả đất Bắc, mà gia tài ký ức của mỗi người chắc cũng lưu lại kha khá. Hồi nhỏ tôi đã thuộc *Tiếng thu* của Lưu Trọng Lư, như rất nhiều học sinh thời đó:

"Em không nghe mùa thu
Dưới trăng mờ thổn thức?
Em không nghe rạo rực
Hình ảnh kẻ chinh phu
Trong lòng người cô phụ?…".

Tuổi nhỏ có biết gì đâu mà vẫn cứ ngân nga:

"Con nai vàng ngơ ngác
Đạp trên lá vàng khô".

Sau này, lớn tuổi, may là tôi được sống thực sự mùa thu trên đất Bắc trong dịp về thăm non thiêng Yên Tử, dầu ngắn ngủi vài ngày: Trời xanh cao, mây lơ lửng, buổi sáng sương nhẹ, có chút se lạnh, để rồi đi trong nắng vàng như mật ong mà lòng ấm dần lên.

Mùa thu ở Huế không êm ả như mùa thu đất Bắc, nhưng xen kẽ trong biến động thời tiết đa dạng, cũng có những ngày nắng thu vàng hanh. Trong những dịp như thế, sông Hương trong xanh lững lờ, không chói chang phản chiếu ánh mặt trời mà lại hòa với màu nắng dịu. Khách đi trên đường không hối hả, mau cho thoát cái nắng chói chang của mùa hạ, ngược lại, vẫn có chút thơ thới ngắm vòm cây xanh đường Lê Lợi, các đường trong Thành Nội, và đêm đêm, đi về những con đường phố thị nhỏ, có thể thoáng nhận ra hương ngọc lan, hoa sứ, ngọc quế, và các loài hoa khác. Mùa thu xứ Huế cũng là nguồn cảm hứng cho nhiều văn nghệ sĩ. *Khúc tình ca xứ Huế* của Trần Đình Quân, với ca từ và giai điệu vô cùng Huế, một xứ Huế kinh đô đã xa, một xứ Huế văn vật, để lại nhiều nỗi cảm hoài, với "hoàng hôn rơi ngớ ngẩn hàng thùy dương", với "khúc Nam bình buồn trên dòng đời xuôi ngược", "trên lòng thuyền nghe não nuột, mơ hồ tiếng hát Giang Châu", khiến khách thấy lòng mênh mang, nhưng rồi tình yêu thanh xuân vẫn mơ về "nắng vàng về bướm lượn nhạc rộn ràng, tâm tư mình phơi phới đến mùa hẹn cùng sang".

Mùa hạ nhạt nhòa đi thì mùa thu càng trở chứng nhiều hơn, với những bão lụt tiếp nối, gây tai ương cho người dân Huế, nhất là dân nghèo. Sông Hương thơ mộng ngày nào trở thành con sông cuồng nộ, cuốn trôi mọi thứ hai bên bờ, và trong những ngày mưa to gió lớn, thành phố trở thành biển nước mênh mông, đục ngầu, nhấn chìm nhà cửa, hoa màu. Ôi thôi, khi cơn cuồng nộ qua đi thì thành phố điêu tàn, bến bờ lở loét! Nhưng trong nơi bất hạnh lại sáng lên tình người. Rất nhiều tấm lòng sẻ chia những số phận không may. Bão lụt vừa gây tác hại cho đồng bào nghèo thì con đò nhỏ từ chùa Tây Linh bơi ra, chống chọi với cơn lụt, mang theo phẩm vật cứu trợ khẩn cấp đồng bào qua cơn ngặt nghèo. Rồi tai trời ách nước qua đi, trời lại sáng, nhà cửa được dựng lại, sửa sang hoặc dọn dẹp, vườn tược được khôi phục, đồng ruộng lại được chuẩn bị cho mùa tới… con người cũng phải vươn lên để sống, trong vòng tuần hoàn xuân hạ thu đông.

Mùa thu cũng như cuộc đời. Có những ngày trời nhẹ lên cao như cuộc sống có những ngày vui, có những chiều thu tịch liêu gợi lên thao thức của kiếp người, và có những ngày đất trời thịnh nộ như những năm tháng khó khăn tưởng chừng như khó vượt qua. Mùa thu vẫn cứ như thế thì cuộc đời vốn nó là như thế, biết mà sống, tự tại mà sống. Có như thế, mùa thu trong tâm tưởng của ta vẫn cứ sống mãi, với thuần khiết tình người, tình yêu thiên nhiên và cảm xúc tâm linh, ta với ta, ta với mọi người, ta với vô cùng vô tận… Để mỗi khi về chốn quê thanh bình một chiều thu, ta lại bâng khuâng và bâng quơ hát thầm:

"Quê nhà tôi, chiều khi nắng êm đềm…". ■

Liếp cửa

PHƯƠNG HẠNH

Sơ đông, cảnh tiêu điều
Se buốt hạt mưa chiều
Hư ảo bên hàng giậu
Bóng mẹ già cô liêu

Lụm cụm nách rổ rau
Như nách những khổ đau
Mà cuộc đời gửi đến
Cam chịu, mẹ ôm vào

Liếp cửa nghèo hé mở
Chầm chậm mẹ bước vô
Mái tranh nghèo cô quạnh
Trong sương chiều bơ vơ

Ven bờ cát
Mông mênh
Dưới trời xanh
Có con ốc an lành
Rồi sóng dập, rồi sóng vùi
Rồi biển lặng, rồi triều lui
Ven bờ cát
Mông mênh
Dưới trời xanh
Có con ốc an lành

Mẹ lặng yên
*Cổ kim đa thiểu sự**
Nhục vinh, được mất, thật hư, phải trái
Giông bão cuộc đời
Tang điền thương hải
Rồi giông bão cũng qua đi
*Thanh sơn y cựu tại**
Lặng yên
Kham nhẫn
Mẹ an nhiên

Bếp lửa nghèo ấm lại
Bên lu nước, mẹ ngồi
Mớ rau nghèo lặt, rửa
Đơn côi một mảnh đời

Từng sợi mưa giăng giăng
Rơi rụng tháng rồi năm
Tóc bạc và lưng còng
Chắp tay mẹ lâm râm.

*Hai câu thơ trong bài *Lâm giang tiên* của nhà thơ *Dương Thận (đời Minh)*

Tháng Bảy lên chùa

PHẠM THỊ THANH VÂN

Tháng Bảy con cài hoa trắng
Lòng buồn nhớ Mẹ khôn nguôi
Cảnh chùa chiều nay quạnh vắng
Mình con lạc bước ngậm ngùi

Năm xưa con cài hoa đỏ
Vu Lan thắng hội ngày vui
Lên chùa dâng hương khấn Phật
Cầu cho Cha Mẹ sống đời

Nay con lên chùa tìm lại
Hương xưa ngày cũ mà thôi
Đâu vòng tay ôm gầy guộc
Cho con hơi ấm cuộc đời

Hiên chùa riêng con ngồi lại
Để dòng ký ức chảy trôi
Báo ân kinh chiều ai tụng
Lòng con lệ nhỏ thay lời

Tháng Bảy con cài hoa trắng
Mơ mình là tuổi đôi mươi
Vẫn còn đủ đầy Cha Mẹ
Cho con phụng dưỡng bên Người

Tháng Bảy ai cài hoa đỏ
Đừng làm nước mắt Mẹ rơi
Một mai khi Người khuất núi
Là thôi lạc mất nụ cười.

Tấm lòng của mẹ

TRIỆU MỸ NGỌC

Bảy ngàn đồng một tô mì mà mẹ cứ xuýt xoa
Thôi lót dạ bằng gói xôi cho rẻ
Bao nhọc nhằn cứ bám theo đời mẹ
Quanh quẩn bên con suốt cả cuộc đời
Con chào đời mẹ ru khẽ à ơi
Tiếng võng quê nhà cạnh rặng dừa của ngoại
Mùa lũ nước trắng đồng
Mưa giông không thấy mặt
Mẹ cõng con tới trường chân run bám đất
Lạnh xanh môi mà mẹ cứ tươi cười
Nhà mình không có đàn ông
Chỉ có mẹ và con nhìn nhau thót ruột
Ghe tam bản giữa đồng đi tìm lúa mót
Được con cá ngon mẹ dành hết cho con sau buổi tan trường
Nhà mình có một công vườn
Mẹ cầm cố lấy tiền cho con lên thành luyện thi đại học
Ở quê xa mẹ ăn cơm với ốc
Nước mắt làm canh, lam lũ chắt chiu
Đèn Cần Thơ ngọn trắng, ngọn vàng
Ở quê nhà mẹ nhìn trăng thui thủi
Hôm nay con vào trường thi
Ươn ướt mắt mẹ già "… cố lên con nhé…"
Mộc mạc chân quê ôi chân dung của mẹ
Như gió uốn quanh cho đời mãi trong lành.

Áo cài hoa trắng

KIM ĐÔNG

(Tặng người không còn mẹ)

Không còn mẹ, thì còn cha
Những ai hai đấng giờ xa nghìn trùng
Chiều lên viếng mộ mờ sương
Áo cài hoa trắng khôn dưng tủi sầu
Vu Lan về nỗi niềm sâu
Mùa thu cổ tích lắng vào lời kinh
Ơn cha nghĩa mẹ chưa đền
Nặng lòng trong cuộc lênh đênh kiếp người
Trong mơ con thấy mẹ cười
Bao dung vuốt tóc con rồi - mẹ đi
Dẫu từng khoảnh khắc vô vi
Với con là cả những gì thiêng liêng
Nén hương con thắp mẹ hiền
Xin nhờ gió quyện còn nguyên thuở nào
Một trời thương nhớ xưa - sau
A Di Đà Phật nhiệm mầu hoa khai.

Chủ nhật về thăm mẹ

NGUYÊN CẨN

Về thăm mẹ, mẹ nằm yên không nói,
Nhướng mắt nhìn mẹ biết đấy là con.
Rồi lặng thinh chập choạng bóng hoàng hôn,
Cơn gió nhẹ khẽ làm rơi chiếc lá.

Mẹ đang sống trong sương mù ký ức
Của một đời gồng gánh những gian nan.
Bao xuân buồn nặng trĩu nỗi tân toan,
Còn một chút bình an ngày tháng cuối.

Mẹ không nói, có gì mà kể lể
Nhọc nhằn xưa như hạt muối mà thôi
Lòng mẹ giờ dào dạt sóng trùng khơi
Khi mẹ ngộ ra rồi đâu lẽ đạo.

Rồi giọt nước luân hồi thành mưa xuống.
Giờ làm cha, con hiểu phải cho đi
Những muộn phiền mai mốt chẳng là chi
Khi cơn lũ sầu tan trong biển lớn.

Càng hiểu mẹ con thấy mình càng bé
Trước mênh mông vời vợi nghĩa sinh thành.
Niệm câu kinh mong mẹ mãi an lành
Thay đóa hồng mùa Vu-lan tháng Bảy.

Nếu Chủ nhật con không về mẹ nhắc
Mới biết rằng mẹ ngóng bóng con qua.
Sớm hay chiều mặc nắng gắt mưa sa
Mẹ chỉ muốn các con về đông đủ.

Mẹ nào biết Vu-lan này lại vắng
Đàn con nay anh cả đã xa đời.
Phận long đong con tạ lỗi một lời
Nếu con bận xin mẹ đừng trách vội.

Con sẽ ghé bù những ngày Chủ nhật
Là mỗi giờ mỗi phút mỗi Vu-lan
Ơn cù lao cao rộng đến vô ngần
Trả sao hết với một đời hữu hạn.

Trả sao hết cho đến ngày biển cạn?
Mỗi đêm dài một lạy, mẹ hiền ơi!

Ánh trăng rằm

BÙI CÔNG TOA

Mùa Vu lan hiếu hạnh
Hương trầm quyện lời kinh
Trần gian như mở hội
Ơn Cha Mẹ thắm tình

Bông hồng ai còn Mẹ
Cài lên áo yêu thương
Còn con cài hoa trắng
Thổn thức những đêm buồn

Ánh trăng rằm tháng Bảy
Với hoa đèn lung linh
Sáng trong nguồn trí huệ
Sưởi ấm biết bao tình…

Tưởng nhớ mẹ

NGUYỄN VĂN MI

Dù con nói chẳng nên lời,
Nhưng lòng con nguyện trọn đời kính yêu.
Cầu mong mẹ được phiêu diêu,
Vui miền Cực lạc, thoát điều thế gian.
Âm thầm con thắp nén nhang,
Khói hương lãng đãng chẳng tàn trong con.
Mẹ hiền về với núi non,
Bao la lòng mẹ con còn khắc ghi.
Một đời mẹ sống từ bi,
Buồn vui bình thản, ra đi nhẹ nhàng.
Đi chùa ngày lễ Vu lan,
Áo cài hoa trắng lòng man mác buồn.

Út "khùng"

LÊ PHẠM

Nó xấu như không thể nào xấu hơn được nữa. Da đen nhẻm, tóc vàng hoe và khô cứng như rễ tre, mặt mũi gãy sụm, hai hàm răng cửa đã hô mà còn rụng mất mấy cái… Có lần tôi chợt nghĩ có lẽ đây là hậu duệ thực sự còn sót lại của thị Nở… Ấy vậy mà mọi người không ai kêu nó là Út xấu mà lại kêu là Út "khùng" mới lạ!

Không biết cái tên đó có từ lúc nào và do ai đặt nhưng cả xóm đều gọi như vậy. Tôi cũng thắc mắc vì mỗi khi về quê ghé thăm bà cụ, đều thấy nó chăm chỉ, vén khéo làm đủ thứ từ trong nhà ra ngoài vườn, từ nhẹ tới nặng; và nó đã ở phụ việc cho bà lâu lắm rồi, từ khi bà còn khỏe; giờ thì bà đã đi với cây gậy còn nó thì vẫn thế. Ừ! Thì xấu. Nhưng tôi không thấy nó già đi, chắc có lẽ tại nó luôn cười toe toét. Có khác chăng là khi nó vô phụ việc cho bà thì còn con gái, giờ nó đã có hai đứa con mà tuyệt nhiên cả xóm không ai biết chồng nó là… thằng nào! Có lần tôi hỏi:

- Nè Út, sao chưa bao giờ anh về đây mà thấy chồng em vậy?

- Chết rồi!

- Ơ! Sao vậy?

- Nhậu xỉn, lội qua sông chết đuối rồi!

Nó trả lời tỉnh queo như chuyện của ai không liên quan, xong lại ngửa mặt cười giòn như thể chuyện chồng nó chết là vui lắm!

Năm sau, khi về quê, tôi chỉ thấy bà cụ lui cui làm cỏ vườn một mình. Hỏi ra mới biết nó vừa đẻ thêm đứa nữa.

Mấy tháng sau về, gặp nó, tôi đùa:

- Út, mai mốt dắt chồng mới qua giới thiệu với anh, nghe!

- Còn đâu mà dắt!

- Ủa, sao vậy?

- Chết rồi!

- Hả?

- Té xe, chết cả tháng rồi!

Nói xong, nó lại cười hô hố như chuyện của ai chứ không phải chồng nó chết. Chưa bao giờ tôi thấy nó biết buồn, biết khóc.

Giờ đây, qua phụ việc cho bà cụ, nó đeo theo thằng bé lon ton; để vừa làm, vừa trông chừng và ăn cơm ké nhà bà cụ luôn thể. Chiều về, nó hay xin thêm bọc cơm nguội và ít thức ăn cho má nó; hôm nào bà cụ nấu ít cơm thì nó nhịn, để chiều còn có cơm nguội xin đem về nhà, à! không, về cái chòi cất sau đầu đất; vì cái nhà mà ba nó để lại, mấy anh nó đã giành lấy bán rồi chia nhau đi tứ xứ từ hồi nào. Nó được "chia phần" nuôi bà mẹ già có bệnh lên máu, bị tai biến liệt nửa người, không tiền mua thuốc uống, lê lết trong chòi cả ngày chờ nó đi làm thuê đem cơm về nuôi. Con Út không hề kêu ca than phiền gì hết. Dù đi làm mướn cực khổ thế nào, nhưng khi về tới nhà là nó giặt giũ tắm rửa cho má nó, rồi đút cơm cho bà ăn, ngồi bóp chân bóp tay cho bà ngủ nó mới đi nằm nghỉ.

Thỉnh thoảng, khi từ cái chòi đó vọng ra tiếng cười như nắc nẻ là tụi con nít bu lại rình xem cón Út lên "cơn khùng." Nó quấn khăn xanh khăn đỏ, cầm cây làm kiếm quơ qua quơ lại, vừa múa vừa hát, khi thì cải lương, lúc lại hát bội; khán giả chỉ có một người duy nhất, đó là má nó; bà ngồi vỗ tay và cười khoái chí như thể con Út ca hay dữ lắm; còn nó thì hát say mê, múa như "lên đồng." Có lẽ vì cảnh đó nên tụi con nít kêu nó là "Út khùng." Còn nó, cứ thấy mà nó buồn thì nó lại múa lại ca cho má nó cười vui, dù cả ngày đi làm thuê làm mướn mệt mỏi.

Cái chòi của mẹ con nó có hơn chục thước vuông nhưng nó vẫn tìm chỗ đóng một cái kệ và xin ở chùa về một pho tượng Bồ-tát Quán Thế Âm nho nhỏ để thờ cúng mỗi ngày, vì nó nghe lời bà cụ dạy, *"Phải biết tu hành để kiếp sau không còn nghèo khổ nữa."* Còn sư thầy ở chùa thì dạy nó, *"Con phải thờ cúng Phật, Bồ-tát để cầu nguyện cho má con mau khỏi bệnh, cuộc sống của con bớt buồn khổ".* Chẳng biết có kiếp sau hay không, nhưng cúng lạy Phật cho má nó hết bệnh thì nó nghe theo. Không có tiền mua hoa, nó đi hái hoa tươi sau hè, trong vườn, ngoài đồng hoặc xin bông hoa nhà hàng xóm về đặt lên bàn thờ; nhang thì nó xin của bà cụ. Nó cũng có cái áo tràng mà nó qua chùa xin về rồi khâu sửa lại; đó là cái áo nó quý nhất vì là cái áo duy nhất

lành lặn không rách vá trong nhúm quần áo của nó.

Có nhiều buổi chiều người ta thấy nó đi lang thang ngoài đồng ngoài ruộng, nhổ ôm về cây cỏ lùm xùm; nhiều người nói nó lên cơn khùng. Nhưng không phải vậy. Nó đi tìm hái mấy cây thuốc nam mang về cho nhà thuốc nam gần đó, nơi nó hay đến xin thuốc thang về nấu cho má nó uống.

* * *

Nắng muộn tháng Bảy còn le lói nhuộm vàng trên bầu trời trong veo, gió chiều chạy đùa trên tán lá, tiếng chổi tre xào xạc của con Út vừa ngưng, nó lui cui ôm hốt đống lá khô nhét vào bao để mang về chụm bếp. Rửa tay xong định hỏi thêm chuyện gì đó, chợt nó thấy bà cụ ngồi thơ thẩn trước hiên nhà nên nhẹ nhàng lại ngồi xuống kế bên. Nó biết bà cụ đang nhớ con.

- Thôi bà ơi! Trông làm cái gì. Tháng này chú Bảy gởi tiền về cho bà rồi, không ai về thăm bà nữa đâu!

Bà cụ vẫn ngồi đó im lặng, thẫn thờ giương đôi mắt mờ đục nhìn đâu xa lắm… Rằm tháng Bảy sao không thấy có bóng đứa con nào về hết vậy…

Con Út thấy bà cụ ngồi im lặng, nó rón rén đứng dậy ra sau vườn, ngồi dưới gốc cây xoài… hai tay nó nắm lấy xé to xé nhỏ mấy cái lá không xung quanh… nó khóc! Lần đầu tiên tôi thấy Út khùng biết khóc! Nước mắt nó chảy dài xuống hai bên mặt, miệng làu bàu, lảm nhảm rồi hậm hực nói với… cây cỏ trong vườn, trách hờn vu vơ… vì nó cũng thương bà cụ lắm.

- Gần chục người con làm kỹ sư, bác sĩ… chỉ có mỗi một mẹ già mà hổng có ai chịu nuôi. Rằm tháng Bảy mà hổng có ai về thăm…

Nó lủi thủi đứng dậy đi về…

Trước thềm nhà bà cụ vẫn còn ngồi đó…

Nắng đã tắt từ lâu…

Trăng rằm đã mọc…

Tiếng chuông chùa văng vẳng xa xa… ■

Vì tôi là con của mẹ

DINO BUZZATI
TRƯƠNG VĂN DÂN dịch và giới thiệu

"Dino Buzzati sinh năm 1906 tại Belluno, mất năm 1972 ở Milano (Italia). Trước khi viết văn, ông là họa sĩ, nhạc sĩ và nhà báo, từng là phóng viên chiến trường và phụ trách mục phê bình nghệ thuật cho Corriere della Sera*, một nhật báo quan trọng nhất nước Ý. Với* Sa mạc Tartari *(1940), tác phẩm đã được dịch ra nhiều thứ tiếng, ông đã trở thành một trong những tên tuổi lớn của thế kỷ 20. Nhiều truyện dài của ông đã được chuyển thành kịch bản sân khấu, phát thanh và truyền hình. Truyện* Con chó gặp Chúa *đã được trình diễn trên Đài Truyền hình Pháp.*

Ông viết nhiều tiểu thuyết nhưng hình như thể loại yêu thích của ông là truyện ngắn. Chủ đề quen thuộc của Buzzati là những ám ảnh và nỗi bất an của kiếp người, sự chạy trốn thời gian, định mệnh, sợ hãi đối với hư vô, thất bại của sự sống, mong manh của tình yêu, bí ẩn của nỗi đau và cái ác…".

Nhiều năm đã trôi qua, nhưng tôi vẫn còn thầm hỏi hai người tài xế đã nói gì trên đường chở linh cữu mẹ tôi đến nghĩa trang.

Đó là một cuộc hành trình dài hơn 300km, tuy đường vắng người nhưng xe đi rất chậm. Lũ con chúng tôi theo sau bằng xe hơi, giữ khoảng cách chừng 100 thước, và đồng hồ đánh dấu tốc độ 60km/giờ. Có thể loại xe tang được chế tạo để di chuyển chậm nhưng sao tôi cứ nghĩ là có một quy luật nào đó, xem tốc độ là một điều bất kính với người đã khuất. Điều này hơi vô lý – bởi tôi tin mẹ tôi sẽ rất thích nếu xe chạy 120km/giờ, ít ra cũng tạo cho người cái cảm giác về một chuyến đi bình thường như những dịp hè về Belluno nghỉ mát.

Bữa đó là một ngày tháng Sáu tuyệt vời, hai bên con đường quen thuộc mà mẹ tôi đã đi qua lại hàng trăm lần đang hiện ra những cánh đồng bát ngát mà bây giờ người không nhìn thấy nữa. Mặt trời lúc ấy đã lên cao, hơi nóng trên đường nhựa bốc lên làm đoàn xe phía trước giống như đang lửng lơ trong không khí.

Đồng hồ vận tốc chỉ 60km/giờ, xe tang như đứng yên một chỗ vì có nhiều xe qua mặt, trên đó chở những người đang sống tự do, hay những cô gái thả tóc bay trong gió, ngồi cạnh các thanh niên trên xe mui trần. Rồi những xe cam-nhông, kể cả loại kéo rờ-mooc cũng vượt qua phía trước… Tôi nghĩ sao mà dại thế, phải chi người ta chở linh cữu mẹ tôi trên một xe thể thao màu đỏ, phóng hết tốc lực để hiến dâng cho người thêm chút nữa về đời sống thực, thay vì chậm chạp lăn trên đường như một đám tang.

Bởi những lý do đó nên tôi muốn biết là hai người tài xế đã nói những gì; một người khoảng ba mươi lăm tuổi cao chừng thước tám, khuôn mặt hiền lành, còn người kia cũng to con với màu da sạm nắng. Tôi thoáng thấy họ ngay từ lúc khởi hành và chợt nghĩ với vóc dáng như thế, họ không mấy phù hợp với việc lái xe tang; một chiếc cam-nhông chở ống sắt có lẽ sẽ thích hợp với họ nhiều hơn .

Sở dĩ tôi muốn biết là họ đã nói với nhau những gì bởi vì đó là câu chuyện cuối cùng của loài người, những lời lẽ cuối cùng của cuộc sống mà mẹ tôi còn nghe được; vì trong cuộc hành trình dài và nhàm chán đó thế nào mà hai gã tài xế không nói chuyện với nhau. Còn việc sau lưng họ có linh cữu mẹ tôi thì đối với họ nào có quan trọng gì, dĩ nhiên, công việc này đã quá quen với họ, nếu không chắc họ đã chọn nghề khác .

Đó là những lời cuối mà mẹ tôi còn nghe được vì sau khi đến nghĩa trang, các nghi lễ của nhà thờ sẽ bắt đầu, và từ lúc ấy những âm thanh và lời lẽ sẽ không còn dành cho cuộc sống này nữa, mà dành cho một thế giới khác.

Họ đang nói với nhau về chuyện gì? Về sự oi bức? Về thời gian cần thiết khi quay lại? Họ kể chuyện gia đình hay bàn về kết quả các trận túc cầu bữa trước? Họ chỉ cho nhau những quán ăn ngon nằm rải rác trên đường rồi tiếc rẻ vì không ngừng lại được? Hay bàn tán về xe hơi với những hiểu biết về cơ giới như những tay sành sõi? Tuy là tài xế xe tang, nhưng có mấy ai dính líu đến ngành cơ khí mà không đam mê máy móc? Hay họ tâm sự với nhau về những cuộc phiêu lưu tình ái? Mày còn nhớ con bé tóc vàng bán nước ở cái quán cạnh cây xăng mà bọn mình thường dừng lại? Đúng là con đó đó. Thôi đừng xạo cha nội, tao không tin. Thiệt mà, tao thề liền đó… Hoặc họ đang kể cho nhau những chuyện tiếu lâm tục tĩu? Bởi vì hai gã đó cứ tưởng chẳng có ai; cái hòm gỗ đóng kín nằm đằng sau như không hiện hữu, vì họ đã quên rồi…

Và mẹ tôi phải nghe những lời đùa bỡn ấy cùng với những trận cười khoái trá? Chắc thế, người đã nghe và con tim đớn đau của người lại co thắt thêm lên, chẳng phải vì xem thường hai gã đàn ông lạ mặt mà chính vì nỗi cay đắng là phải nghe những lời lẽ đó thay vì nghe giọng nói của những đứa con mà người hằng yêu thương.

Tôi còn nhớ, lúc gần đến Vicenza, khi cái nóng trưa tròn bóng làm rung mờ hình ảnh mọi vật, tôi đã bàng hoàng nghĩ lại là thời gian sau này tôi đã sống quá ít bên cạnh mẹ. Rồi chợt nghe một mũi nhọn buốt đau giữa ngực, như người ta thường gọi là niềm ân hận. Ngay lúc ấy - không hiểu sao trước đó vẫn chưa hề xảy ra - âm vang giọng nói của người bắt đầu dội lại trong tôi, của những buổi sáng đến phòng người trước khi ra tòa soạn: "Mẹ có khỏe không?" . "Đêm qua mẹ ngủ được" (mà tôi biết là nhờ những mũi thuốc an thần) "Con đi làm nghen mẹ". "Ừ, thôi con đi đi".

Tôi bước được vài bước trong hành lang thì giọng nói đầy sợ hãi của người vọng đến: " Dino!". Tôi quay lại. "Con về ăn trưa chứ?" "Dạ". "Còn bữa cơm chiều?".

"Còn bữa cơm chiều?". Chúa ơi, trong câu hỏi bình thường đó có ẩn chứa một ước vọng nhỏ nhoi. Người không yêu cầu cũng không đòi hỏi gì ở tôi, chỉ nói để hỏi thăm một tin tức, thế thôi.

Nhưng tôi đang có những cuộc hẹn hò ngu xuẩn, với những đứa con gái chưa chắc đã thương yêu gì tôi, thậm chí còn cóc cần đến tôi nữa… nhưng ý nghĩ trở về nhà lúc tám giờ ba mươi tối trong căn nhà buồn thảm, đượm không khí già nua bệnh hoạn như nỗi chết cận kề đã làm tôi sợ hãi; mà đã có mấy ai can đảm thú nhận những điều kinh khủng này, dù rằng rất thật? "Con cũng không biết nữa, con sẽ điện thoại về sau". Tôi thường trả lời như thế. Và tôi chắc thông báo là sẽ không về. Có lẽ người cũng biết là tôi sẽ nói thế nên hai tiếng "đi đi" mang một nỗi buồn vô tận. Nhưng tôi là một đứa con ích kỷ. Ích kỷ như tất cả mọi đứa con.

Lúc đó tôi không hề ân hận, không hề ăn năn hay có một ray rứt nào. "Con sẽ điện thoại về," và người đã thừa hiểu là tôi sẽ không về nhà ăn tối.

Mẹ tôi già nua, bệnh tật và biết là ngày tàn sắp đến nên rất hài lòng nếu tôi về ăn tối ở nhà để bà bớt cô

đơn. Bà chỉ cần tôi hiện diện, dù không nói lời nào hay đôi khi gắt gỏng về những việc bất như ý trong ngày. Nằm bất động trên giường nhưng bà sẽ thấy ấm lòng và được an ủi nếu nghe tiếng lục đục của tôi ăn cơm trong bếp.

Nhưng tôi thì không. Tôi quả thật là thằng khốn nạn và ngu đần vì trong khi tôi đi khắp thành phố Milano để vui chơi cùng bè bạn thì chính đấng sinh thành, điểm tựa thật và duy nhất, sinh vật có một không hai trên cõi đời có khả năng thông cảm và yêu thương, trái tim duy nhất có thể rướm máu vì tôi (và tôi sẽ không bao giờ tìm được dẫu sống thêm ba trăm năm nữa) đang nằm chờ chết.

Tôi chỉ cần nói vài lời với người trước bữa ăn tối về công việc và sinh hoạt trong ngày, tôi ngồi trên đi-văng và mẹ nằm duỗi cẳng trên giường. Rồi sau bữa cơm tối, mẹ vui lòng để tôi đi đâu mặc kệ; người đâu có tiếc gì, trái lại, còn vui mừng nữa nếu tôi có những cơ hội giải khuây. Nhưng trước khi ra khỏi nhà để lao mình trong đêm tối tôi sẽ đến chào người "Mẹ đã chích thuốc chưa?". "Chích rồi, mẹ hy vọng là đêm nay ngủ được".

Mẹ chỉ yêu cầu có thế. Nhưng ngay cả điều nhỏ nhoi này tôi cũng không làm được, do lòng ích kỷ thấp hèn. Bởi vì tôi là con; và trong sự ích kỷ của kẻ làm con tôi đã không cần biết là mình đã thương mẹ bao nhiêu. Để bây giờ, trong khoảng khắc cuối đời, trên đường ra nghĩa trang, người phải nghe những lời tán gẫu, những chuyện tiếu lâm và tiếng cười thô lỗ của hai gã đàn ông lạ mặt. Đấy là món quà cuối cùng mà cuộc đời đã dành cho mẹ.

Giờ thì quá muộn rồi. Không còn gì nữa. Đã muộn quá rồi. Gần hai năm qua, tảng đá đã hạ xuống để mãi mãi đóng kín ngôi mộ trong lòng đất, nơi ánh sáng lờ mờ có linh cữu của ông bà, cha mẹ nằm chồng chất lên nhau. Đất đã lấp kín những đường rãnh, đây đó mọc lưa thưa vài chùm cỏ dại. Mấy chậu hoa mới đặt trong chậu đồng vài tháng trước giờ phai tàn đến nỗi không còn nhận ra hình dáng. Không. Những ngày mẹ bệnh hoạn và biết mình sắp chết chắc chắn sẽ không bao giờ lùi lại. Mẹ vẫn câm lặng, mẹ không trách móc gì tôi và có thể là người đã tha tội cho tôi, bởi vì tôi là con của mẹ. Mà chắc là mẹ đã tha tội cho tôi. Thế nhưng cứ mỗi lần nghĩ đến, tâm hồn tôi lại bất an.

Mỗi một niềm đau sẽ được khắc lên tấm bia bằng chất liệu diệu kỳ, so với nó cẩm thạch vẫn còn mềm như đất sét. Và thời gian dù vô tận cũng chưa đủ để làm nó phai mờ. Sau một triệu thế kỷ, niềm đau và nỗi cô đơn của mẹ do tôi gây ra sẽ còn mãi mãi. Và tôi sẽ không thể nào cứu vãn. Tôi chỉ còn biết thở dài, và hy vọng là người nhìn thấy.

Nhưng mẹ không nhìn thấy tôi. Người đã chết, xác thân bị hủy hoại, không còn sống nữa hay đúng hơn là chẳng còn gì ngoài sự mục rữa hình hài đã bị tháng năm xúc phạm, theo sự phân hủy kinh hoàng và đau đớn của thời gian.

Không còn gì? Đúng là không còn gì. Mà quả thật về mẹ tôi đã không còn gì nữa?

Biết đâu! Có khi, nhất là trong những buổi chiều đơn độc, tôi lắng nghe một cảm xúc lạ lùng. Có một điều gì đó xâm nhập trong tôi mà trước đó vài giây chưa hề có, như một bản thể mơ hồ ngự trị trong tôi làm tôi không còn cô độc, và mỗi cử chỉ, mỗi một lời đều như có chứng nhân của một linh hồn bí ẩn. Mẹ! Nhưng phép lạ chỉ kéo dài rất ít, chừng một giờ rưỡi chứ không hơn. Rồi sau đó dòng đời lại tiếp tục nghiền nát tôi dưới những bánh xe khô khốc và bạo tàn của nó. ■

* *Nguyên tác:* I due autisti

Mẹ và bếp lửa

PHẠM TUẤN VŨ

Đi qua mưa nắng tháng ngày, có những thứ đổi thay, có những điều không tồn tại nữa. Trong tổ ấm gia đình, theo thời gian, con cái sẽ lớn lên và xa dần căn nhà nhỏ tuổi thơ để bay ra với trời rộng bao la của tương lai, mơ ước. Còn cha mẹ tóc sẽ thay màu, vai thêm gánh nặng thời gian, nhiều thêm tuổi tác… Có những thứ sẽ thành nạn nhân của bụi thời gian mờ phủ, nhưng có những điều không bao giờ thay đổi. Như quê hương bao đời, mẹ và bếp lửa sẽ cứ mãi còn, vững bền và yêu thương nồng đượm như từ thuở ban sơ…

Mẹ và bếp lửa, đó là sự ấm áp vô cùng. Trong những ngày giông bão, trong những lúc yếu lòng, những khi thấm mệt, khi cần một bàn tay, một hơi ấm, con người biết tìm đâu một nơi an ủi, chở che, nơi mà mình có thể khóc vỡ òa cho quên hết mọi phiền muộn, ngoài việc chạy về với mẹ bên bếp lửa hồng. Những khi vấp ngã trên đường đời, những lúc bạn bè lánh xa, ghẻ lạnh, những lúc cô đơn và hụt hẫng, cần một nơi sưởi ấm, vỗ về để thôi thấy lòng mỏi mệt, cũng bếp lửa than nồng và mẹ hiền bao dung sẽ luôn mở rộng vòng tay chờ đón ta về. Trên hành trình của kiếp người vô thường, ta đi trong bao khó nhọc và đôi lúc không còn phương hướng, ta lạc mất đường về, ta sẽ nghĩ về ai ngoài mẹ và "bếp lửa ấp iu nồng đượm" nơi quê nhà thân quen…

Mẹ và bếp lửa, đó là nơi ấp ủ niềm tin yêu, ước mơ và hy vọng. Bếp lửa có thể tắt nhưng ngọn lửa không tàn, ẩn sâu trong lòng là tro ấm và hòn than le lói, lửa vẫn âm ỉ cho ngày bùng lên một đốm nồng nàn. Mẹ có thể bên ta, ở cách xa ta nhưng niềm tin, nghị lực từ mẹ đâu dễ gì mất đi trong ta. Bên ánh lửa bập bùng cháy ngời lên bao tin yêu, khát vọng, ta đi qua tuổi thơ bằng những câu chuyện cổ tích ở hiền gặp lành, sống chân thành và phấn đấu vươn lên sẽ được đền đáp mẹ kể đêm đêm. Có chàng Thạch Sanh thật thà dũng cảm được lòng công chúa, có người em hiền lành được vàng đầy túi ba gang. Có cả chính ta là cổ tích ngày mai của mẹ. Bên bếp lửa âm ỉ niềm tin dai dẳng, ấm nóng hoài những nghị lực bền bỉ, lời dạy dỗ, tâm tình của mẹ là hành trang đơn sơ mà có sức mạnh lớn lao cho ta vào đời. Bếp lửa muôn

đời vẫn không tắt, qua các thế hệ nối liền quá khứ, hiện tại, tương lai. Đi hết cuộc đời, mẹ vẫn luôn kỳ vọng vào con, là động lực, nguồn động viên cho con vươn tới làm thành lý tưởng khát khao, cũng là bến đỗ, là nơi quay về cho con sau những chặng đường dài vất vả. Còn điều gì bền bỉ trường tồn như lửa, có niềm tin yêu, kỳ vọng nào bền chặt như của mẹ hiền…

Mẹ và bếp lửa, đó còn là lòng nhân từ, hy sinh và tha thứ. Bếp lửa thuần khiết, có thể thiêu cháy hết mọi nhơ nhớp. Mẹ nhân từ có thể xóa sạch mọi tội lỗi trong con. Bếp lửa thầm lặng có thể nhận cho mình mọi thứ dù chẳng tốt đẹp gì và làm tròn sứ mệnh đem lại ánh sáng, hơi ấm cho đời. Con dù có đối đãi với mẹ thế nào, mẹ bao dung vẫn sẵn lòng chấp nhận, thứ tha mà không oán trách nửa lời, miễn sao con sống vui tươi, hạnh phúc. Trong thần thoại Hy Lạp, lửa từ bỏ địa vị thiêng liêng thần thánh trên chốn thiên đình của mình theo thần Prometheus xuống trần giới làm bạn với con người và đưa họ ra khỏi tối tăm. Trong cuộc đời, mẹ nhân từ có thể từ bỏ tất cả vì con, ấy là những trang cổ tích nhiệm mầu giữa đời thường đó thôi…

Ta nhớ mẹ và bếp lửa tuổi thơ biết mấy. Nhớ những chiều mùa đông mây sầu giăng kín lối, ta ngồi nghe mẹ kể chuyện ngày xưa bên bếp lửa tí tách mùi hương nồng nàn củi khô, củi mục. Nhớ những ngày tháng mười mưa dầm lạnh lẽo, ngồi bên mẹ ăn củ khoai nướng nghe chuyện bìm bịp kêu nước lớn nước ròng ngoài sông đang lên. Ta đi qua tuổi thơ khổ nghèo bằng chiếc bánh ú sắn mẹ nấu, cái bánh xèo mẹ đúc đơn sơ mà ấm lòng bên bếp lửa cháy rơm đượm mùi đồng quê bùn rạ. Ta nhớ những lần trái gió trở trời, mẹ ta đau lưng nhức mỏi, ta lại ngồi đấm bóp cho người mà nghe bếp lửa thao thức. Nhớ những lần đau ốm, mẹ lại ngồi hơ lửa xoa bụng cho ta. Cả một đời lặng lẽ, mẹ âm thầm nhen nhóm cho bếp lửa cháy nồng, lo lắng, săn sóc từng miếng ăn, giấc ngủ con thơ. Rồi khi ta chìm vào sâu giấc ngủ tuổi thơ vô tư đến nhanh như cơn gió thoảng nhẹ, mẹ lại ngồi bên bếp lửa đến tận đêm khuya may áo kiếm thêm vài đồng cho con chiếc áo mới ngày mai đến trường.

Có những điều vĩ đại mà quá đỗi đơn sơ, có những điều thân thương nên hóa đời thường, gần gũi bên ta mà đôi khi ta không nhận thấy. Ta có những bữa ăn ngon, những giờ phút ấm áp mùa đông nhưng mấy khi ta nghĩ về bếp lửa. Mẹ cho ta tất cả, nhưng lắm lúc ta quên mất mẹ già, có nhiều khi ta dành thời gian cho những điều vô bổ còn nhiều hơn mẹ. Nhưng quản chi cuộc đời mưa nắng đổi thay, tính toán chi lòng con đôi khi hờ hững, mẹ vẫn sẵn lòng thứ tha, hy vọng mà che chở cho con đi qua giông tố cuộc đời. Mẹ và bếp lửa vẫn ấm áp yêu thương, chan chứa tin yêu, nồng đượm hy vọng, lặng lẽ hy sinh và sẵn lòng tha thứ. Mẹ và bếp lửa yêu thương nơi quê nhà là hình bóng quê hương bên ta trong những khó khăn, hoạn nạn, là bến đỗ quay về cho ta sau những vất vả, nhọc nhằn. Bởi qua bao thời đại, lửa vẫn ở mãi với con người, còn mẹ, "đi hết đời lòng mẹ vẫn theo con…". ■

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO *VHPG* NĂM 2013

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2013, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Một độc giả : 50 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Chẩm, Vina Giầy : 38 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga : 41 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu : 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng : 25 cuốn/kỳ
PT Chánh An & Chơn Hòa : 14 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu : 12 cuốn/kỳ
Đđ. Thích Viên Anh + Đđ. Thích Viên Hải, Chùa Báo Ân : 12 cuốn/kỳ
Cô Nga : 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiền, Tâm Hoa (USA) : 10 cuốn/kỳ
Ô. Văn Cát Tiên : 10 cuốn/kỳ
Ô Huỳnh Văn Lộc, Q. BT : 10 cuốn/kỳ
Tác giả Miên Ngọc : 10 cuốn/kỳ
Nhà sách Thái Hà : 10 cuốn/kỳ
Bà Lương Thị Ngọc Hạnh, Q. 5 PD: Diệu Đức : 10 cuốn/kỳ
Ô. Trần Quốc Định : 10 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh : 9 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Định : 8 cuốn/kỳ
Phật tử Nguyễn Thị Hoa : 7 cuốn/kỳ
Cô Cẩm Hà (USA) : 6 cuốn/kỳ
Hồng Phúc & Xuân An : 6 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Khôi : 6 cuốn/kỳ
Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q. BT : 5 cuốn/kỳ
Ô. Nguyễn Mạnh Hùng, CTCP. ThaiHa Books : 5 cuốn/kỳ
Cửa hàng Tâm Thuận : 5 cuốn/kỳ
Cô Tú Oanh, Hà Nội : 5 cuốn/kỳ
Ô/Bà Nguyễn Văn Bản, USA : 5 cuốn/kỳ
Phật tử Trương Trọng Lợi : 5 cuốn/kỳ
Ô. Lê Xuân Triều, Q. BT : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Kim Sơn, Q. 2 : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Thị Ngọc, Phan Thiết : 5 cuốn/kỳ
Lakinh.com : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyên Hòa : 4 cuốn/kỳ
Bà Trần Thị Bích Trâm : 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Tự Phương Thúy : 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Thị Thu Thanh : 3 cuốn/kỳ
Bà Phạm Thị Kim Anh : 3 cuốn/kỳ
Cháu Thiên An : 3 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Ân : 2 cuốn/kỳ
BBT www.thuongchieu.net : 2 cuốn/kỳ
Chị Tuyền, CT TNHH Cơ khí **Mê Linh** : 2 cuốn/kỳ
Bà Kim Anh, Q. 2 : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Từ Minh : 2 cuốn/kỳ
BBT Viện khongtu.com : 2 cuốn/kỳ
CT TNHH SXTM **Nến Hạnh Phúc**, Q. BT : 2 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh : 2 cuốn/kỳ
CTy TNHH Thép Thiên Tâm : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Thiện Thành, Q. 6 : 2 cuốn/kỳ
Ô. Lê Hưng Khanh, Gò Vấp : 2 cuốn/kỳ
Nguyễn Dũng : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Mỹ : 1 cuốn/kỳ
Cô Diệp Anh và Chị Ngành : 1 cuốn/kỳ
Cô Kim : 1 cuốn/kỳ
Phật tử Chánh Hiếu Trung : 1 cuốn/kỳ
Phật tử Bùi Quang Việt : 1 cuốn/kỳ
Thầy Hạnh Thông, TCPH ĐN : 1 cuốn/kỳ
CTy Dược phẩm Phúc Thiện : 1 cuốn/kỳ
Chị Kiều Oanh : 1 cuốn/kỳ
PT. Nguyen Thuan (namgiao1942@yahoo.com) : 1 cuốn/kỳ
Cô Châu : 1 cuốn/kỳ

Tổng số báo tặng kỳ này: **440 cuốn**

Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc: ***Tòa soạn***, *Phòng Phát hành VHPG :* **(08) 3 8484 335**.
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn, *hoặc* toasoanvhpg@gmail.com

Ban Biên tập

Chương trình tìm kiếm và tôn vinh "Những Nick Vujicic của Việt Nam" trên Báo Thanh Niên

Hưởng ứng hậu sự kiện chàng trai diệu kỳ Nick Vujicic đến Việt Nam với thông điệp "Đừng bao giờ từ bỏ khát vọng" và "Hãy sống cho điều ý nghĩa hơn"; được sự đồng ý của Trung ương Hội LHTN Việt Nam, Báo Thanh Niên và Thương hiệu Tôn Hoa Sen phối hợp tổ chức cuộc thi: "GƯƠNG NGHỊ LỰC PHI THƯỜNG" nằm trong chương trình "Tỏa sáng nghị lực Việt", nhằm tìm kiếm và tôn vinh "Những Nick Vujicic của Việt Nam", viết về tấm gương người khuyết tật (sinh sống tại Việt Nam), vượt khó, có ý chí vươn lên trong cuộc sống và có những đóng góp cho cộng đồng, xã hội.

I. Mục đích chính của cuộc thi

- Khuyến khích, tôn vinh những tấm gương người khuyết tật giàu nghị lực, biết vượt qua hoàn cảnh khó khăn để vươn lên trong cuộc sống.

II. Nội dung cuộc thi

- Viết về tấm gương người khuyết tật vượt khó, có ý chí vươn lên trong cuộc sống và những đóng góp cho cộng đồng, xã hội. Bài thi chưa từng đăng trên báo chí, chưa xuất bản và chưa xuất hiện trên các phương tiện truyền thông đại chúng.

1/ Hình thức dự thi

+ Bài viết không quá 3.000 chữ, kèm ảnh nhân vật được nói đến, hình ảnh nhân vật ấy tham gia hoạt động xã hội (nếu có).

+ Mỗi cá nhân được gửi nhiều bài dự thi.

2/ Đối tượng

+ Đối tượng được nói đến: là người Việt Nam khuyết tật ở mọi lứa tuổi, sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam.

+ Đối tượng dự thi: là người Việt Nam, độ tuổi thanh niên (không quá 35 tuổi), không hạn chế về địa lý sinh sống. Riêng người lao động đang làm việc tại Báo *Thanh Niên* và Tập đoàn Hoa Sen không được tham gia cuộc thi.

3/ Tiêu chí chấm giải

Bài viết phản ảnh tấm gương người khuyết tật phải đạt ít nhất một hoặc các tiêu chí:

+ Nỗ lực vươn lên trong cuộc sống.

+ Thành công trong cuộc sống.

+ Đóng góp cho cộng đồng, xã hội.

4/ Cơ cấu giải thưởng

+ Đối với đối tượng dự thi:

1 giải nhất: 10 triệu đồng kèm Kỷ niệm chương.

1 giải nhì: 7 triệu đồng kèm Kỷ niệm chương.

1 giải ba: 5 triệu đồng kèm Kỷ niệm chương.

10 giải khuyến khích: 2,5 triệu đồng.

Các giải phụ: 1 triệu đồng

Giải phụ đặc biệt (nếu có): 5 triệu đồng (thưởng thêm mang tính chất khuyến khích.)

+ Đối với đối tượng được nói đến: chọn ra 5 hoàn cảnh đặc biệt, xây dựng hỗ trợ riêng cho từng cá nhân: 30 triệu đồng/người.

5/ Thời gian nhận bài và trao giải

Từ 22/5/2013 đến 31/12/2013.

6/ Địa chỉ nhận bài dự thi

248 Cống Quỳnh. Quận 1. TP.HCM.

Email:

nghilucphithuong@thanhnien.com.vn

nghilucphithuong2013@gmail.com

Người dự thi cung cấp đầy đủ thông tin: họ tên, số CMND, tuổi, địa chỉ, điện thoại liên hệ và địa chỉ email (nếu có).

- Các bài viết có chất lượng sẽ được tòa soạn trả nhuận bút theo quy định hiện hành.

- Ban tổ chức sẽ chọn ra những bài viết xuất sắc và chọn đăng vào mỗi thứ 5 hàng tuần trên báo TN, dự kiến bắt đầu từ tháng 7/2013 đến hết tháng 11/2013. Riêng tháng 12/2013, các bài viết sẽ được đăng vào thứ 7 hàng tuần từ ngày 7/12/2013 đến ngày 21/12/2013. Tập đoàn Hoa Sen tài trợ toàn bộ chi phí cho chương trình này.

Quý Thầy và nghệ nhân Nguyễn Hữu Thạo bên Tôn tượng Phật A-di-đà

Tâm của một nghệ nhân điêu khắc gỗ

NGUYỄN BỒNG

Hình ảnh nghệ nhân Nguyễn Hữu Thạo trong giới điêu khắc của Làng nghề Việt Nam về tượng gỗ Phật giáo và Công giáo đã được vinh danh từ lâu. Hôm nay tôi hữu duyên được mời đến thăm Cơ sở Điêu khắc Thiên Phú Thạo. Gặp "Giám đốc, nghệ nhân nổi tiếng" mà cứ ngỡ là một bạn thợ, vì anh cũng bận áo quần xắn lên và đang lao động miệt mài cùng với anh em bạn thợ điêu khắc trên pho tượng Phật lớn sắp hoàn thành.

Nghệ nhân Nguyễn Hữu Thạo xuất thân từ một gia đình thuần thành đạo Phật. Thuở nhỏ, anh thường cùng mẹ đến chùa, mỗi lần lạy Phật và khi ngước ngắm nhìn Đức Phật, anh cảm thấy lòng quyến luyến và thầm nguyện khi lớn lên sẽ sáng tạo nhiều pho tượng Phật đẹp cho chùa các nơi.

Cuối năm 1993, sau khi tốt nghiệp Cao đẳng Mỹ thuật Hà Nội với bằng loại giỏi, được nhà trường muốn lưu giữ làm giáo viên, nhưng anh đã từ chối công việc với lương bổng ổn định mà dấn thân vào Nam để thực hiện hoài bão, ước mơ của mình là trở thành nghệ nhân điêu khắc để cống hiến cho đạo cho đời.

Hoạt động tại xưởng điêu khắc gỗ

Quá trình tạc Tôn tượng Tổ sư Minh Đăng Quang và hình ảnh tác phẩm đã hoàn thiện

Bước đầu khởi nghiệp

Được sự hỗ trợ của gia đình và sự động viên của bè bạn, anh mạnh dạn đầu tư vào dòng điêu khắc tượng Phật, vì nhà đầu tư điêu khắc (lúc đó) còn ít. Nhưng khi bắt tay vào việc, anh mới nghiệm ra: Nhà đầu tư đa phần chỉ chú trọng về lượng chứ không quan tâm về chất, hợp tác cùng họ tuy mau thu hồi vốn, nhưng những pho tượng chưa đạt về ý nghĩa thâm sâu tâm linh, diệu lý của Phật pháp. Do đó, sau một thời gian làm việc, anh cảm thấy chướng duyên, nên không còn mặn mà với cách làm việc này nữa… Nhân duyên, một vị khách Công giáo đến đặt vấn đề làm tượng *Chúa chịu nạn* (lúc bấy giờ còn ít nghệ nhân đầu tư mảng này), khách đặt hàng với điều kiện pho tượng linh động hơn so với bản mẫu. Anh đồng ý, vì đây cũng là ý nguyện của anh khi làm tượng. Với sự ham thích và yêu nghề sẵn có, anh dành hết tâm huyết và miệt mài sáng tạo, tượng *Chúa chịu nạn* hoàn thành như ý nguyện và được vị khách rất vừa ý, khen tặng và còn đặt tiếp các pho tượng như Đức Mẹ, tượng các vị Thánh cũng như giới thiệu anh với bạn bè, họ đạo có nhu cầu. Tuy là ngoại đạo nhưng nghệ nhân Nguyễn Hữu Thạo đã tạo được chỗ đứng của mình và thành công trong sáng tạo và ý tưởng nghệ thuật điêu khắc tượng Công giáo…

Như lá rụng tìm cội

Vào một ngày nọ, anh cùng gia đình vãng cảnh, viếng chùa lễ Phật và khi ngước lên nhìn tôn tượng Đức Phật, trong lòng anh dâng trào một niềm thương kính

vô hạn, anh thầm vái nguyện: Kính xin Đức Phật tạo thuận duyên cho con để có thể điêu khắc tốt đẹp các pho tượng của Phật giáo. Phật pháp mầu nhiệm, duyên lành được quý Thầy đến thăm xưởng và đặt vấn đề điêu khắc tượng Đức Phật và Bồ-tát. Và mỗi khi khởi sự điêu khắc một pho tượng Phật và Bồ-tát, anh Hữu Thạo thường tập trung tư tưởng và nhập thần về hình dáng từ bản vẽ, thành tâm cầu nguyện và chay tịnh trong suốt thời gian làm các pho tượng quý. Còn về mặt tâm linh với mong muốn trọn lành, anh xin chư tôn đức Tăng, Ni đặt tượng hoan hỷ làm lễ chú nguyện lên khối gỗ sẽ điêu khắc. Anh cùng bạn thợ chí tâm điêu khắc trên từng đường nét, tạo dáng đứng, dáng ngồi, thiền tọa hay khi Phật cầm bông sen… Nhờ vậy nên mỗi pho tượng sau khi được hoàn thành, ngoài ánh mắt từ bi, hoan hỷ của các ngài, còn có sức thần tâm linh, kỳ bí, không thể giải thích, chỉ khi ta đối diện với pho tượng mới cảm nhận được, ví như các tôn tượng Đức Phật, Bồ-tát Quán Thế Âm, Thiên thủ Thiên nhãn, Đạt-ma Tổ sư, Tổ sư Minh Đăng Quang…

Hoạt động nhà xưởng

Nhà xưởng được anh Hữu Thạo thiết kế và tổ chức rất khoa học, lô-gích và rộng rãi thoáng mát cùng với trang bị đầy đủ ba-lăng, chuyên cẩu dùng cho các tượng đài lớn 3-4m. Phong cách làm việc của anh rất sáng tạo và anh tạo điều kiện thuận lợi cho bạn thợ phát huy. Từ bước khởi nghiệp chỉ có 3 thầy trò nay phát triển tăng lên 30 người. Anh em bạn thợ làm việc trong tình thân ái, hòa thuận, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau tạo nên không gian thanh tịnh nhà xưởng, vào nơi đây bạn chỉ nghe tiếng đục, tiếng máy vi vu…

Uy tín thương trường

Ngoài danh tiếng điêu khắc về tượng Chúa, anh còn nổi danh với các sản phẩm điêu khắc Phật giáo. Từ sáng tạo những tác phẩm độc đáo như Bộ tôn tượng *Tây phương Tam thánh*, cao 4,5m bằng chất liệu gỗ quý được tôn trí tại chùa Quan Âm, quận 12, TP.HCM. Tôn tượng *Thiên thủ Thiên nhãn* bằng loại gỗ Po-mu, được tôn trí tại tịnh thất Giác Thông, Chợ Gạo, Tiền Giang và rất nhiều pho tượng Đức Phật và Bồ-tát khác ở các chùa... Đặc biệt, truyền thần tôn tượng *Đức Tổ sư Minh Đăng Quang*, thiền tọa và tôn tượng Ngài đứng trên hồ sen cao 4,2m bằng loại gỗ Po-mu, vân gỗ sáng bóng và có mùi thơm dịu, được tôn trí tại Pháp viện Minh Đăng Quang (Q.2, TP.HCM). Ngoài ra, anh còn thực hiện truyền thần pho tượng ngồi của *Sư bà Hải Triều Âm*, cao 1,2m, cùng với nhiều tượng của các vị trụ trì quá vãng… Vừa qua, Cơ sở Điêu khắc Thiên Phú Thạo vui mừng được quý Thầy ở Thiền viện Trúc Lâm Chánh Giác tin tưởng đặt làm tôn tượng Đức Phật, cao 2,5m là bản sao của tôn tượng Đức Phật tại Bồ-đề Đạo tràng (Ấn Độ) và tôn tượng Đạt-ma Tổ sư…

Đào tạo và kế nghiệp

Với mong muốn tăng trưởng cho ngành nghề điêu khắc góp phần phát triển chung trong chế tác nhiều sản phẩm điêu khắc cho chùa, nhà thờ và xã hội làm nên nhiều tranh, tượng, phù điêu, thời gian qua nghệ nhân Nguyễn Hữu Thạo đã kèm cặp và đào tạo các em bạn thợ từ chỗ tay nghề còn yếu, nay trở thành giỏi, thuần thục trong từng đường nét chạm trổ. Nhiều em trưởng thành xin ra riêng để mở cơ sở và thành đạt, được Nhà nước phong tặng *Nghệ nhân Làng nghề - 2012* như trường hợp em Nguyễn Hữu Định…

Thành quả mang lại

Thành quả sáng tạo và lao động miệt mài của nghệ nhân Nguyễn Hữu Thạo đã được đền đáp xứng đáng. Qua sự thành công trong nghệ thuật điêu khắc của hai tôn giáo lớn trên thế giới, nghệ nhân Nguyễn Hữu Thạo được Hiệp hội Làng nghề Việt Nam quan tâm và phong tặng *Danh hiệu Nghệ nhân Làng nghề Việt Nam*. Và đón nhận *Thương hiệu truyền thống báu vật gia truyền nổi tiếng Việt Nam – 2012* do UBMTTQVN phối hợp Hiệp hội Làng nghề VN trao tặng.

Tấm lòng nhân ái

Đặc biệt, nghệ nhân Nguyễn Hữu Thạo tham gia nhiều chương trình bác ái và được trao tặng Bằng Ân nhân chương trình *Tiếng hát vì người nghèo – 2011* và nhiều giải thưởng khác. Hiện nay, anh vẫn tiếp tục duy trì và phát triển việc nuôi dạy học và truyền nghề cho các em khuyết tật và các em được giới thiệu từ Trung tâm Bác ái Cà Mau (trường khuyết tật).

Thay lời kết

Tấm lòng của nghệ nhân Nguyễn Hữu Thạo xuất phát từ chữ **Tâm** luôn trong nếp nghĩ và sáng tạo của mình với mong muốn mang lại điều tốt lành cho đạo và đời, cùng với sự bao dung và mở bày phương tiện giúp cho lớp nghệ nhân điêu khắc trẻ vươn lên, cũng như mở rộng vòng tay nhân ái, sẻ chia, an ủi cho người khuyết tật, góp phần thiết thực chăm lo cùng xã hội và cộng đồng thật đáng được trân trọng và quý mến.

Giao dịch và liên hệ: Nghệ nhân Nguyễn Hữu Thạo, Cơ sở điêu khắc gỗ Thiên Phú Thạo. Địa chỉ: 69/5k ấp Mỹ Hòa 1, xã Trung Chánh, huyện Hóc Môn, TP.HCM. ĐT: (08)37181818 – DĐ: 01222999666 – 01666000666, Fax: (08) 37182222. Email: dkhuuthao@gmail.com – Web: dieukhacgo.vn

Lời vàng của Thầy tôi

Kính dâng lên Giác linh Đại lão Hòa thượng thượng Tắc hạ Thành, nguyên Thành viên Hội đồng Chứng minh GHPGVN, Phó Trưởng ban Trị sự kiêm Trưởng ban Tăng sự THPG TP.HCM, (Tổng vụ trưởng Tổng vụ Tăng sự Việt Nam trước năm 1975), Viện chủ chùa Đông Phước, quận 8, TP.HCM với lòng thành kính và trân trọng nhất.

Đạo tràng Phước Thành
Phật tử Chiếu Quang

Đại lão HT.Thích Tắc Thành (1930 - 2009)

Ông Trương Hòa Bình, Bí thư T.Ư.Đảng, Chánh án Tòa án Nhân dân Tối cao và Phật tử Chiếu Quang trao tặng nhà tình nghĩa.

Trao tặng căn nhà tình thương

Phật tử Trần Lê Ngân – Chiếu Quang trao tặng quà ở chùa Tổ (1/8/2013)

Mùa Vu lan báo hiếu PL.2557 – 2013 lại về, nhằm ghi nhớ công đức cao dày và đạo nghiệp sáng ngời của Sư Ông, chúng con xin dẫn ***Lời tưởng nhớ Sư Ông*** của Đại lão Hòa thượng Thích Hiển Pháp, Phó Pháp chủ HĐCM GHPGVN như sau:

"Thân tứ đại theo duyên tăng giảm, niên cao lạp trưởng, nhưng nhiệt huyết hoằng pháp của tuổi tráng niên vẫn lưu chuyển không ngừng trong lòng Hòa thượng. Vì thế khi nơi nào Phật pháp cần thì Hòa thượng đến, chẳng kể gian lao, chẳng từ khó nhọc.

Năm tháng dần trôi, các bậc đống lương Phật pháp lần lượt trở về cõi Niết-bàn vô tung bất diệt và Hòa thượng cũng lại ra đi. Hôm nay nhục thân Hòa thượng tuy không còn hiện hữu nhưng *công đức và đạo hạnh* vẫn mãi tồn tại trong tâm tư, trong ký ức của tôi và của mọi người. Hôm nay, ước nguyện của Hòa thượng đã thành, thân tứ đại vốn không, mượn cảnh huyễn độ người như huyễn, hóa duyên đã mãn, phước đức và trí tuệ viên dung, Hòa thượng xả báo thân trở về cõi Niết-bàn vô tung bất diệt.

Thân tứ đại tuy không còn nữa, nhưng đạo phong, chí nguyện, tâm huyết của Hòa thượng vẫn còn khắc sâu mãi trong tâm trí tôi và những người con Phật. Hành trạng của Hòa thượng luôn là tấm gương sáng cho mọi người noi theo và là động lực để Tăng Ni hậu học, Phật tử gần xa cố gắng hoàn thành ước nguyện của Hòa thượng. Di ảnh còn đây, âm vang còn đó, nhưng bóng hình Đại sĩ đâu còn nữa.

Phước đức đồng sinh, sáng gương trong
Đồng huyễn đồng sinh, ý chẳng cùng
Đồng bi đồng trí, độ hàm linh
Đồng duyên đồng tưởng duyên thầm hợp
Đồng thấy đồng lo, đạo xương minh
Nếu muốn một đời thành Phật quả
Tỳ-lô nơi ấy, cùng chung bước
Đồng ở đồng tu thành giải thoát.

Giờ đây, nơi cõi thượng phẩm thượng sinh, Giác linh Hòa thượng thong dong tự tại, tôi những người còn ở lại, còn trong vòng đối đãi, vì nặng tình pháp lữ, xin ghi đôi dòng tưởng niệm, mấy nén tâm hương thành kính để tưởng nhớ bậc cao tăng thời hiện đại đã hiến trọn đời mình cho Đạo pháp, cho quê hương. Phước đức và Trí tuệ của Hòa thượng sẽ mãi bay xa, làm ngọn đuốc, ánh hải đăng cho hậu tấn noi theo".

Sư Ông thường dạy chúng con: "*Trong cuộc sống, các con cần phải mở rộng lòng nhân, biết thương yêu và tôn trọng mọi người, giúp đỡ người khốn khó, xoa dịu, sẻ chia những đau thương, mất mát cho bà con không may gặp cảnh cơ ngặt, bệnh hoạn… và nên nhớ không được tự cao, ngã mạn*".

Thực hiện di huấn của Sư Ông, ***Chúng trưởng Chiếu Quang*** hướng dẫn Phật tử đạo tràng Phước Thành siêng năng tu tập và mở rộng vòng tay nhân ái đến với bà con Phật tử và lao động nghèo. Trong thời gian qua, đạo tràng Phước Thành đã đến: Khám, chữa bệnh, phát thuốc miễn phí, tặng quà cho bà con Phật tử và lao động nghèo; trao học bổng, y phục, tập vở cho các học sinh nghèo hiếu học ở các xã vùng sâu vùng xa của tỉnh Long An, Tiền Giang, Bến Tre… với tổng trị giá đạt gần 10 tỷ đồng.

Và từ đầu năm 2013 đến nay, hoạt động từ thiện của đạo tràng Phước Thành vẫn tiếp tục tạo duyên lành: Khám, chữa bệnh và phát thuốc miễn phí - tặng 1.500 phần quà, trong đó: người dân tộc K'Ho ở Lâm Đồng (200 phần); bà con nghèo xã Suối Cát, H.Xuân Lộc, Đồng Nai (200 phần); Phật tử và bệnh nhân nghèo ở các chùa: chùa Vĩnh Long, Cần Giuộc (200 phần); chùa Pháp Môn (200 phần) và chùa Tôn Vân ở xã Mỹ Lộc, Long An (200 phần). Trao tặng 25 căn nhà tình nghĩa và tình thương cho bà con nghèo, có hoàn cảnh khó khăn cơ ngặt ở vùng sâu vùng xa tỉnh Long An, Tiền Giang, Bến Tre, Đồng Tháp. Trao tặng 11.000 cuốn tập cho học sinh nghèo hiếu học trường cấp 2 Trương Văn Bang, Long An và các trường ở Bến Tre và Lâm Đồng. Nhân ngày 27-7 Thương binh Liệt sĩ, đạo tràng phối hợp cùng Công ty Bay Trường Sơn thuộc Bộ Quốc phòng trao tặng 100 phần quà (trị giá 20 triệu đồng) tại thị trấn Cần Giuộc. Tổng trị giá tịnh tài và vật phẩm trong 8 tháng qua đạt gần 1,2 tỷ đồng.

Kính mừng Đại lễ Vu lan, đệ tử Chiếu Quang cùng Phật tử đạo tràng Phước Thành thành tâm thiết lễ cúng dường và xin dâng lên Giác linh Sư Ông tôn quí những đóa hoa tình thương ngát hương và xin hứa nguyện tinh chuyên tu học và luôn mở rộng vòng tay nhân ái đến với bà con Phật tử và lao động nghèo ở các vùng sâu vùng xa.

Tặng quà ở Lâm Đồng

Đạo tràng Phước Thành

Đóa Sen thiêng

Kính dâng Giác linh Ni trưởng
thượng HUỲNH hạ LIÊN với lòng
tôn kính và thương yêu vô vàn của chúng con.
PHÁP TUỆ - TÂM CAO

Ni trưởng HUỲNH LIÊN
(1923-1987)

Ni trưởng và chư Ni đi hóa duyên trên đường phố Hội An (1959)

Ni trưởng cùng quý Ni sư đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Paris (1973)

Chủ tịch Nguyễn Hữu Thọ tiếp xúc các đại biểu TP.HCM (1975)

NT.Ngoạt Liên tiếp nguyên Thủ tướng Võ Văn Kiệt dự lễ húy kỵ của Ni trưởng (2007)

Nhân mùa Vu lan thắng hội, chúng tôi có phước duyên nhận được tặng phẩm *Kinh Tam Bảo* của cố Ni trưởng Huỳnh Liên, thật bất ngờ khi tôi biết được thông tin ấn phẩm đã tái bản liên tục *14 lần* với *số lượng 140.000 quyển*. Lần giở những trang kinh với lời thơ ở thể lục bát và song thất lục bát với văn vần dễ đọc, diễn nghĩa rõ ràng ý kinh, giúp cho Phật tử hiểu rõ thấu đáo về lời dạy vàng ngọc của Đức Từ Phụ và Tổ Thầy. Viếng tịnh xá Ngọc Phương ở 498/1 đường Lê Quang Định, P.1, Q.Gò Vấp, TP.HCM, chúng tôi được Sư bà Ngoạt Liên, trụ trì tịnh xá Ngọc Phương tiếp. Tuy tuổi hạc đã cao (vừa lễ thượng thọ 90 tuổi), Sư bà vẫn sáng suốt cùng với quý Ni trưởng lãnh đạo Ni giới Hệ phái Khất sĩ và chăm lo công tác từ thiện. Qua câu chuyện về đức độ và đạo nghiệp sáng ngời của Đệ nhất Ni trưởng Huỳnh Liên, Sư bà trân trọng nhắc lại về Lời nguyện tha thiết của Ngài:

"Nguyện xin hiến trọn đời mình
Cho nguồn đạo pháp cho tình quê hương"

Vào ngày 01 tháng 4 năm 1946, tại chùa Linh Bửu, làng Phú Mỹ, tỉnh Mỹ Tho, hội đủ duyên lành, cư sĩ Nguyễn Thị Trừ được Đức Tôn sư Minh Đăng Quang chứng minh, làm lễ xuất gia và ban cho pháp danh Huỳnh Liên, truyền thọ giới pháp Y bát Khất sĩ, làm Tỳ-kheo-ni. Từ đó Ni trưởng theo học đạo và nghe pháp với Đức Tôn sư qua những bài chân lý sâu sắc và bằng thực tế những thử thách cam go trên bước đường hành đạo cũng như trau dồi phẩm hạnh, hầu khai thị pháp môn, nối truyền mạng mạch tuyên lưu giáo pháp của Đức Phật và Tổ Thầy. Đến năm 1954, Đức Tôn sư thọ nạn và vắng bóng, Ni trưởng kế tục sự nghiệp của Tổ Thầy, trực tiếp lãnh đạo hàng Ni giới Hệ phái Khất sĩ.

Ni trưởng có tài thiên phú về thơ ca văn học, tạo nên đạo nghiệp Pháp bảo thơ văn vô cùng phong phú thể hiện qua kinh tụng, dịch nghĩa phổ ra văn vần như *Kinh Tam Bảo* (252 trang), *Tinh hoa Bí yếu* (tái bản lần 5, 292 trang) và tập thơ *Đóa sen thiêng* (711 trang - với hàng ngàn bài thơ, kệ ở các thể thơ: lục bát, song thất lục bát, song thất biến thể, thất ngôn bát cú, thất ngôn tứ cú – tứ tuyệt, ngũ ngôn, phú, văn tế, điếu và tứ tự)…

Trong việc giáo dưỡng chúng Ni, Ni trưởng đặc biệt quan tâm đến việc nâng cao song hành trình độ Phật pháp và văn hóa. Với hoài bão đào tạo Tăng tài để *"kế vãng khai lai"*, Ni trưởng đã ủng hộ nhiệt thành trí lực, tài lực góp phần cho việc thành lập Trường Cao cấp Phật học VN cơ sở II (nay là Học viện Phật giáo VN tại TP.HCM). Ni trưởng sách tấn và tạo điều kiện cho hàng Ni chúng trưởng dưỡng từ bi tâm, giải trừ nghiệp chướng, xả kỷ độ nhân… Nhờ vậy tạo nên duyên lành cho hàng hậu học Ni nay đã có nhiều vị trở thành tiến sĩ Phật học (Ấn Độ, Trung Quốc), tốt nghiệp các trường đại học, cao cấp Phật học trong nước… Và hành trang này đã giúp cho chư Ni đủ đức tài để đảm nhận vai trò sứ giả Như Lai; phát triển và mở mang Ni giới Hệ phái Khất sĩ được 100 ngôi tịnh xá, đạo tràng, hàng ngàn Ni chúng, hàng vạn Phật tử.

Ni trưởng dự Lễ ra mắt Ban Vận động Thống nhất Phật giáo Việt Nam (1981)

Từ năm 1960 - 1975, trước cảnh chết chóc và đau thương của chư Tăng Ni và bà con Phật tử ở miền Nam và Huế, do sự đối xử thô bạo và đàn áp Phật giáo của chính quyền cũ, Ni trưởng không đành an trú thiền môn nên đã xả thân vì chúng sanh và đạo pháp. Ni trưởng tích cực vận động và lãnh đạo các phong trào: Xuống đường đấu tranh đòi quyền sống; Đấu tranh cho lý tưởng tự do và hòa bình độc lập, thống nhất đất nước và trường tồn đạo pháp. Ni trưởng phải cam chịu bắt bớ, khảo tra để tìm cách đấu tranh phá tan xiềng xích… Các trọng trách Ni trưởng đã kinh qua: Năm 1966 - 1975: Lãnh đạo phong trào đấu tranh cho hòa bình tại Sài Gòn; Năm 1971: Cố vấn cho phong trào Phụ nữ đòi quyền sống.

Đất nước hòa bình, Ni trưởng thường xuyên đến các bệnh viện, viện mồ côi, nhà dưỡng lão, trại tâm thần, trại phong, những vùng bị thiên tai… Bước chân trần của Ni trưởng, Ni chúng và Phật tử của tịnh xá Ngọc Phương luôn mang đến niềm vui, trợ giúp, sẻ chia khó khăn, xoa dịu những đau thương mất mát của bà con Phật tử và người lao động nghèo. Ni trưởng còn tham gia các công tác của Giáo hội và đất nước như: Cuối năm 1975, thành viên Hội nghị Hiệp thương Chính trị Thống nhất Tổ quốc; Năm 1976, Đại biểu Quốc hội khóa VI và Phó Chủ tịch UBMTTQVN TP.HCM; Năm 1981, UV.Kiểm soát HĐTS GHPGVN và Phó Chủ tịch Ủy ban Bảo vệ Hòa bình Thế giới TP.HCM.

Tiếc thương thay, đến ngày 19 tháng 3 năm Đinh Mão (16-4-1987), trời mây ảm đạm, Đệ nhất Ni trưởng Huỳnh Liên xả báo thân về với Phật, hưởng thọ 65 tuổi với 41 hạ lạp, trong sự tiếc thương vô hạn của Ni chúng Khất sĩ và Phật tử Hệ phái cũng như chư Tăng Ni, Phật tử toàn quốc. Đệ nhất Ni trưởng đã suốt đời tận tụy, cống hiến cho Đạo pháp và Dân tộc. Đạo nghiệp và đức độ sáng ngời của Ngài tỏa rạng, soi đường cho hàng Ni chúng hậu học và Phật tử noi theo.

Kính thưa quý thiện tín Phật tử,

Mùa báo hiếu Vu lan PL.2557-2013 sắp đến, trong lòng mọi người con Phật đều hướng về báo hiếu thâm ân sanh thành dưỡng dục của cha mẹ. Sự báo đáp được thể hiện bằng nhiều hình thức như cúng dường trai tăng, dâng y, bố thí pháp và tài vật… để hồi hướng cho cha mẹ hiện tiền được phước thọ miên trường và Cửu huyền thất tổ siêu thăng Tây phương Tịnh độ.

Với mục đích cao quý và tốt đẹp hướng về "**Biết ơn và đền ơn**", Viên Giác Thiền Tự sẽ tổ chức ***Lễ cúng dường 300 vị chư tôn đức Tăng Ni vào lúc 18 giờ ngày 18-7 Quý Tỵ (24-8-2013).*** Và với lòng thương xót chúng sinh là những oan hồn, uổng tử, các vong linh thai nhi sản nạn do cha mẹ không thể sinh ra vì điều kiện công việc bắt buộc và những bà mẹ trẻ thanh thiếu niên lỡ lầm trong cuộc sống chưa tương ứng phải đành bỏ con… **Viên Giác Thiền Tự đăng đàn chẩn tế, siêu độ cho chư vong linh vào các ngày l7, 18 và 19-7 Quý Tỵ (23, 24 và 25-8-2013).**

Quý thiện tín Phật tử phát tâm cúng dường chư tôn đức Tăng Ni và các anh chị có thai nhi sản nạn, muốn ghi tên trai đàn chẩn tế, siêu độ cho chư vong linh, vui lòng liên hệ đăng ký với *Viên Giác Thiền Tự,* địa chỉ 233/5 ấp Đoàn Kết, xã Giang Điền, H.Trảng Bom, Đồng Nai (Viên Đăng – 0904 666 590) hoặc *Văn phòng đại diện khu vực TP.HCM,* 58/47 Đoàn Văn Bơ, P.9, Q.4 (Viên Trí – 0963 227 020 và Giác Quang - 0987 169815).

Âm vang khóa tu mùa hè
tại Viên Giác Thiền Tự

Khóa tu mùa hè được tổ chức tại Viên Giác Thiền Tự ***từ ngày 18 đến 21-6 ÂL (25-28-7-2013)***, với hơn 200 em thanh thiếu niên tham dự. Trong không khí vui tươi và lành mạnh, nhà chùa tạo điều kiện cho các em sinh hoạt và tu học về oai nghi của người Phật tử như chào hỏi, lễ lạy, đi kinh hành, thính pháp và thực hiện sống lục hòa… Chia tay Thầy trụ trì và Ban tổ chức, các em mong rằng năm sau lại được tiếp tục tham gia tu học và sinh hoạt. Sau đây là một số hình ảnh của khóa tu:

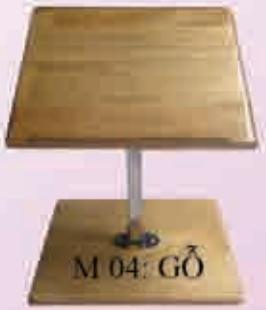

VÀNG - LAM - NÂU

VÀNG - LAM - NÂU

VÀNG - LAM - NÂU

VÀNG - LAM - NÂU

(SAU KHI XẾP)

- Kệ ghế chúng tôi gắn chặt, không kê không độn quá cao làm dễ bị đổ lúc chồng lên nhau.
- Rất tiện lợi cho việc vận chuyển đi xa và không chiếm nhiều diện tích khi cất giữ.

KỆ ĐỌC KINH XẾP THUẬN ÂN

50 kệ chỉ cao 1,1m

Kính mừng Đại lễ Vu lan Phật lịch 2557

Đảm bảo: chất lượng và kỹ thuật

BẢO HÀNH 2 NĂM, THỜI GIAN SỬ DỤNG TRÊN 5 NĂM

Toàn bộ sản phẩm của chúng tôi có đăng ký Cục Bản quyền tác giả, mọi sao chép đều vi phạm pháp luật. Không phù hợp với tinh thần Phật pháp.

ĐỊA CHỈ: 105M/27
HỒ THỊ KỶ, P.1, Q.10

08-38351185-0903955150
PD. Tuệ Hiếu (Trần Ngọc Tới)

Nhà sách TRÍ TUỆ

Kính mừng Đại lễ Vu lan PL 2557

CHUYÊN PHÁT HÀNH CÁC LOẠI SÁCH NGHIÊN CỨU PHẬT HỌC, TRIẾT HỌC, VĂN HỌC VÀ CÁC VĂN HÓA PHẨM PHẬT GIÁO

203 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 5, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38.395.296, (84-8) 22.194.521, Fax: (84-8) 38.642.396
Email: lamhloc_vpbank@yahoo.com
vuthininh@gmail.com

Vu Lan

MÙA HIẾU HẠNH

Việt Chay

Nuôi lớn mầm yêu thương
Nourish compassion

PHÒNG TRÀ CA NHẠC PHẬT GIÁO

Giai Điệu Yêu Thương

Được tổ chức miễn phí vào lúc **19h30**
Mùng 2 & 16 âm lịch hàng tháng tại **Lầu 1** nhà hàng Việt Chay
290/21A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM
Để biết thêm chi tiết vui lòng liên hệ: (08) 3848 3399 - 0908 992 608

Vajra
Nhà hàng Chay

PHONG CÁCH TÂY TẠNG - HƯƠNG VỊ VIỆT CHAY

- 38 Lão Tử, P.11, Q.5, TP.HCM (Bên cạnh **CHÙA QUAN ÂM**)
  ĐT: (08) 3853 8329
- 711 Lê Hồng Phong, Q.10, TP.HCM (Đối diện **VIỆT NAM QUỐC TỰ**)
  ĐT: (08) 3979 7128 - 3979 7168

mandala
VEGETARIAN RESTAURANT
NHÀ HÀNG CHAY

CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG
QUALITY OF LIFE

BUỔI TRÒ CHUYỆN DÀNH CHO "NGƯỜI BẬN RỘN"

Được tổ chức định kỳ miễn phí lúc **13h00** thứ bảy cách tuần
Tại **Lầu 1** nhà hàng Chay **MANDALA** số 110 Sương Nguyệt Ánh, Q.1, TP.HCM
Để biết thêm chi tiết vui lòng liên hệ: (08) 3926 0638 - 0977 994 233

PHÒNG PHÁT HÀNH KINH SÁCH - VĂN HÓA PHẨM PHẬT GIÁO

TÂM THUẬN

- Kinh sách văn hóa phẩm về lĩnh vực Phật giáo.
- Pháp phục Tăng Ni, áo tràng Phật tử...
- Phật cụ pháp khí, hàng lưu niệm, hàng mỹ nghệ...
- Nhận thực hiện in, ấn tống kinh sách theo yêu cầu.
- Chuyên tượng Phật, Bồ-tát, đại hồng chung, chuông mõ loại lớn.

Kính mừng Đại lễ Vu lan PL 2557

- Đ/C: 82/108 - 82/110 Lý Chính Thắng, P.8, Q.3, TP.HCM
- Đ/C: 380/2b Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM
- Chi nhánh: 15 Phan Huy Ích - An Trung II - Sơn Trà - Đà Nẵng

Điện thoại: (08) 224 77809 - 0902.40.47.48
Di động: 0902.40.47.48
Điện thoại: 0128 7777 226 - 0938.057.308

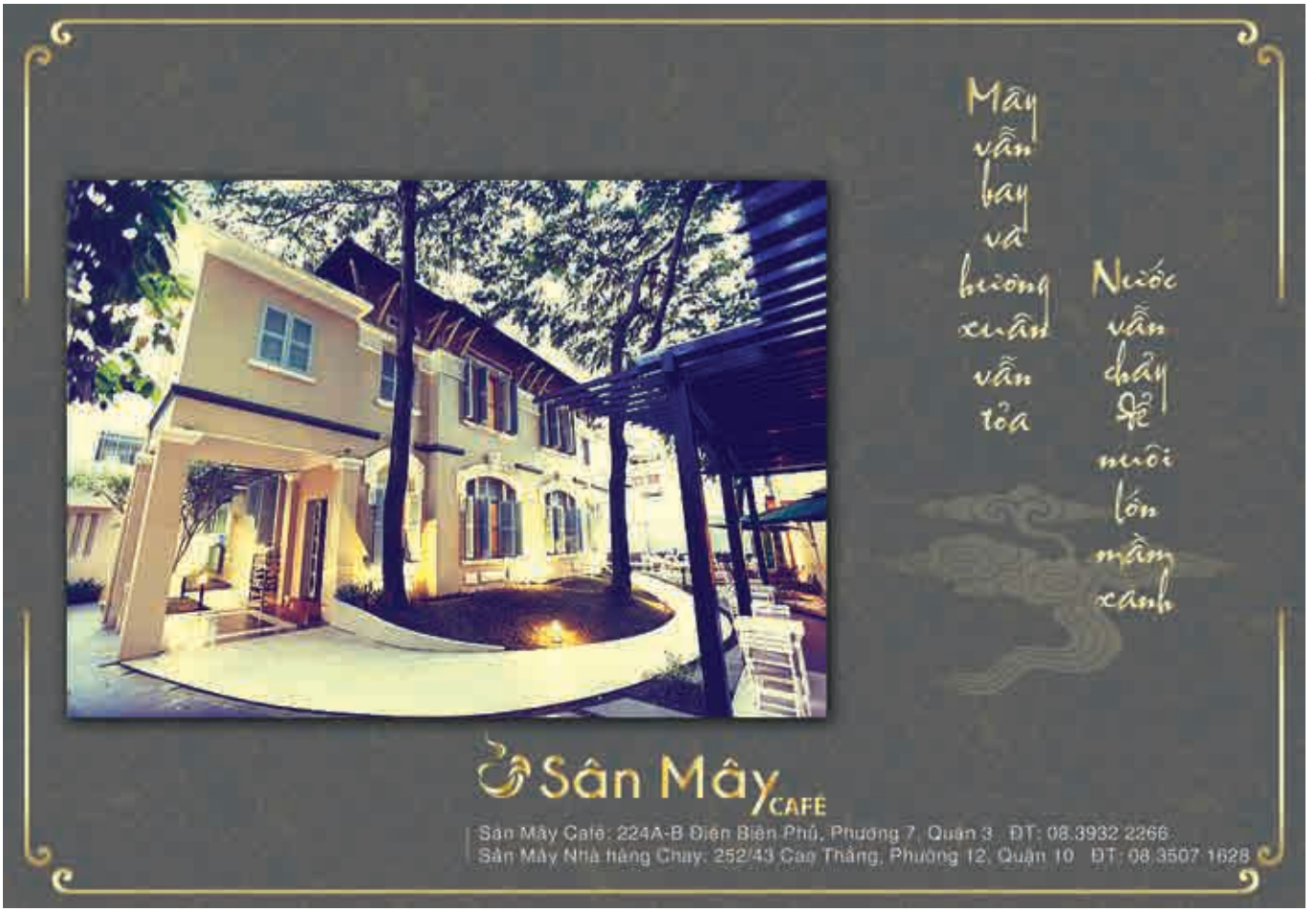

- Ngọc Thạch anh (Quartz crystal)
- Ngọc Mã não xanh Ấn Độ (green Agate)
- Ngọc Bích Phật Ngọc (Nephrite Jade)
- Gỗ hóa thạch ngọc (Fossil Wood)
- Chuyên: chuỗi - tràng hạt, tượng Phật - Linh vật điêu khắc từ đá bán quý - trang sức đá quý.

100% hàng THIÊN NHIÊN (có giám định Viện Địa Chất Đá Quý)

Sản phẩm Ngọc của COASTAL GEMS được bán tại:

*** Showroom COASTAL GEMS:**
86 Nguyễn Hồng Đào, P.14, Q.Tân Bình, TP.HCM
Tel: 08. 62784225 - 22465169

*** Gian hàng COASTAL GEMS:**
Siêu thị Citimart tòa nhà Etown - Cổng 6
364 Cộng Hòa, P.13, Q.Tân Bình, TP.HCM
Tel: 08. 22174726
Hand-phone: 0938 849 886 - 01228 986 668 (Mr. Duy Pham)

*** Website bán hàng online:**
www.daphongthuy.com.vn
www.coastalgems.com.vn
www.ngocbichvn.com

Văn Hóa Tạo Tượng Phật Giáo
Hoa Nghiêm

Kính Mừng
Đại Lễ Vu Lan

Giảm 10%
Từ 10/8/2013 đến 19/9/2013

- Hổ Phách Baltic thiên nhiên
- Tượng Phật mỹ thuật cao

82/112 Lý Chính Thắng, P.8, Q.3, TP.HCM - ĐT: 08 2212 8757
(Hẻm 380, KPVH đối diện chùa Vĩnh Nghiêm)

QUẢNG CÁO

Việt Quý Phú Thổ
越壹王
Ấm Tử Sa
Việt Phú Quý Thổ

Nghệ thuật Ấm trà & thưởng thức trà

www.amtusa.vn 0909.848.147

- VINCOM CENTER: 72 LÊ THÁNH TÔN, Q.1, TP.HCM - Gian 28 B3.
- PARKSON HÙNG VƯƠNG: 126 HÙNG VƯƠNG, Q.5, TP.HCM - Lầu 3 Citimart.
- MAXIMARK CỘNG HÒA: 17 CỘNG HÒA, Q. TÂN BÌNH, TP.HCM - Tiền sảnh.
- SHOWROOM: 75 Nguyễn Văn Giai, Q.1, TP.HCM.
- SHOWROOM: 491 D3 NƠ TRANG LONG, P.13, Q.BÌNH THẠNH, TP.HCM.

nhà đẹp

CÔNG TY TNHH TM XD XNK
NGÔI NHÀ ĐẸP

SHOWROOM: NGÔI NHÀ ĐẸP TOTO
253 Nguyễn Thị Thập, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM
Hoặc: 68/100 Đồng Nai, P.15, Q.10, TP.HCM

- *Chuyên cung cấp:* Thiết bị vệ sinh và trang tri nội thất với mẫu mã đa dạng đẹp, sang trọng, tốt...
- *Đặc biệt hổ trợ tối đa đối với:* Chùa, thiền viện, tịnh xá, tịnh thất và các anh, chị Phật tử.
- *Xin vui lòng liên hệ:*
  Ms. Thúy (*Pd. Nguyên Trúc*) - **0903 962 646**
  Ms. Hồng - **0163 4898 903 - 3771 9772 - 3771 8772**

LỚP HƯỚNG DẪN Tâm Thư pháp

Thư pháp theo phong cách **Thiền Phật Giáo**

- ***Khai giảng: ngày 1 và 15 mỗi tháng***
- ***Tại chùa ĐẠI HẠNH:***
  107/4 Ngô Đức Kế, P.12, Q.Bình Thạnh, TP.HCM
- ***Thời gian học:*** Từ 8 giờ đến 10 giờ sáng thứ Hai hoặc Chủ nhật hàng tuần
- ***Học phí:*** 200.000đ/1học viên/1 tháng
- ***Liên hệ:*** Tại địa chỉ trên hoặc điện thoại **0909 660 825** (gặp **Thầy Chính Trung**)

Ngục hiên

- Cửa hàng 1: 144 Nguyễn Chí Thanh, phường 3, quận 10, TPHCM
  Chuyên: đồ thờ cúng, phong thủy, tượng Phật gốm sứ - đồng mạ vàng
- Cửa hàng 2: 158 Nguyễn Chí Thanh, phường 3, quận 10, TPHCM
  Chuyên: tranh lamina, tranh điện Phật giáo
- ĐT: (08) 38355590 - 0983 675 570

PHÒNG PHÁT HÀNH KINH SÁCH TÂM MINH
65 Lý Chính Thắng, P.8, Q.3, TP.HCM
ĐT: 08.3848 3075 - E-mail: h_vt7@yahoo.com

- **Chuyên phát hành sỉ và lẻ:**
  Kinh sách, đĩa, ấn phẩm Phật giáo
  lồng đèn và cờ Phật đản
- **Đặc biệt:**
  Áo tràng vạt khách, Nhật bình, La hán,
  Túi, Đãy, Đồ vạt khách chú tiểu, Đồ bộ thêu...
  Chuông gió, Máy niệm Phật. Đồ phong thủy.

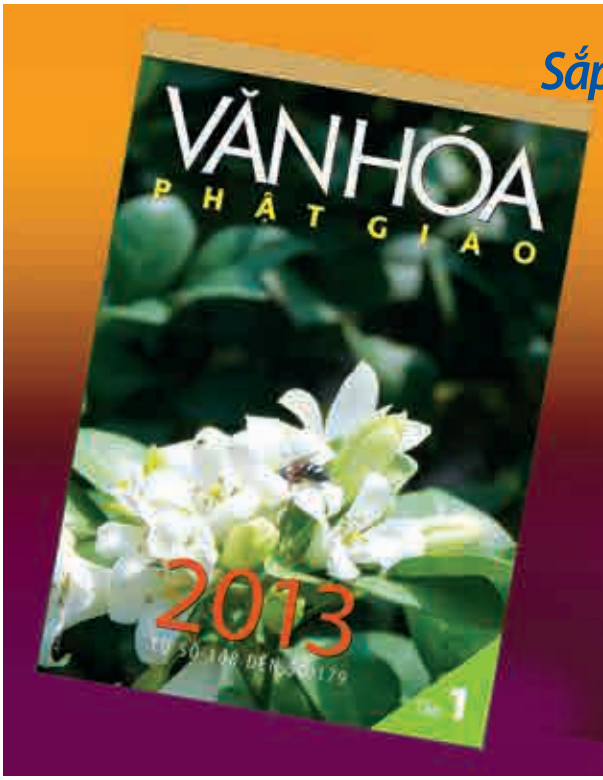

Sắp phát hành VĂN HÓA PHẬT GIÁO

đóng bộ **Tập 1 năm 2013**
từ số 168 đến số 179
giá: **210.000đ/cuốn**

Bạn đọc có nhu cầu liên hệ:
Tòa soạn Tạp chí **VĂN HÓA PHẬT GIÁO**
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM

Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* vừa đóng lại toàn tập (tập 1 + tập 2)

2008 (2 tập): 340.000VNĐ **2010 (2 tập): 380.000VNĐ**
2009 (2 tập): 360.000VNĐ **2011 (2 tập): 420.000VNĐ**
2012 (2 tập): 420.000VNĐ

Kính Mừng Đại Lễ Vu Lan 2013

Vina-Giầy®
www.vinagiay.vn

Vinagico

Thương Hiệu Được Chứng Nhận
Top Ten Hàng Đầu Ngành Da Giầy Việt Nam

CÁC CỬA HÀNG Ở TP. HCM
VÀ CÁC CỬA HÀNG ĐẠI LÝ TRÊN KHẮP TOÀN QUỐC

* 61 Đinh Tiên Hoàng, P3, Q Bình Thạnh
Tel: (08) 35103956 - (08) 38031193
Fax : (08) 38031192
* 180 -182 Lý Chính Thắng, P9, Q3
Tel: (08) 39319786 - (08) 39319787
Fax : (08) 39318343
* 22 Trần Huy Liệu, P12, Q Phú Nhuận
Tel : (08) 39974429 - (08) 39974430 - (08) 39974431
* 269 Trường Chinh, P.14, Q Tân Bình
Tel: (08) 38490956
* 608 Nguyễn Đình Chiểu, P3, Q3
Tel : (08) 38351407
* 638 Nguyễn Đình Chiểu, P3, Q3
Tel : (08) 38331230
Fax: (08) 38331245
* 406A Cách Mạng Tháng 8, Q3
Tel : (08) 39316534
* 216B-216C Quang Trung, P10, Gò Vấp
Tel : (08) 38941621

HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO

LIÊN TIẾP 17 NĂM LIỀN BÌNH CHỌN
'97'98'99'00'01'02'03'04'05'06'07'08'09'10'11'12'13'
HÀNG VIỆT NAM
CHẤT LƯỢNG CAO

ĐẠT CÚP VÀNG THƯƠNG HIỆU VIỆT BẢY NĂM LIỀN '07 '08 '09 '10 '11 '12 '13
ĐƯỢC BÌNH CHỌN TRONG TOP 10 THƯƠNG HIỆU MẠNH
Thương hiệu Việt

Luôn Đi Cùng Thành Công Và May Mắn Của Quý Khách

pháp uyển

DHARMA GARDEN
website: www.phapuyen.com - email: lienhe@phapuyen.com

QUÁN CHAY - DHARMA FOODS
Email: quanchay@phapuyen.com
1 17/4 Nguyễn Huy Tưởng, P.6 Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT. (08) 35 035 579 - 0933 878 956
2 72/1B Lâm Văn Bền, Tân Thuận Tây, Q.7, TP.HCM
ĐT. (08) 36 026 650 - 0919 190 177

NHÀ SÁCH - DHARMA BOOKS
Email: nhasach@phapuyen.com
17/2 Nguyễn Huy Tưởng, P.6 Bình Thạnh, TP.HCM
ĐT. (08) 36 026 818 - 0916 943 877
phát hành: kinh sách, tạp chí, tranh tượng, trà cụ, quà lưu niệm, pháp phục Tăng Ni, cư sĩ...
ấn phẩm: trình bày & thiết kế, liên kết xuất bản, ấn tống
y phục: nhận may pháp phục và đồng phục

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TIẾP VẬN QUỐC TẾ
INTERLOG YOUR LOGISTICS PARTNER
Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn
3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM. Tel: 0917171948 - 0938734035
"Chuyên giao-nhận hàng hóa, VHP và tranh tượng Phật giáo quốc tế"

Công ty TNHH SX-TM QUANG NGHỆ
QUANG NGHE CO., LTD. NẾN THƠM NGHỆ THUẬT
Candles
Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua
NGÔ HUỆ PHƯƠNG - DĐ: 0989 183 398
❑ Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu parafill, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...
❑ Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.
Đặc biệt: Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.
Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước
Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM
Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506
Email: *quangnghecandle@yahoo.com.vn*
Website: *www.quangnghecandle.com*

HONG THAO
SAI GON SQUARE - HOANG THANH Center
HỒNG THẢO
Chuyên sỉ & lẻ, đặc biệt sản xuất theo yêu cầu các loại mặt hàng:
Túi xách, ba lô, cặp laptop, vali....
Kính mừng Đại lễ Phật đản P.L. 2557
ĐC: Shop 41B tầng trệt (first floor)
77 - 89 Nam Kỳ Khởi Nghĩa St., Dist.1
HP: 0909098618 (Mrs.Thảo) - 0908662107 (Mr.Hồng)
Email: hongthao268@yahoo.com.vn

Nhà hàng chay HOA KHAI
Khung cảnh thoáng mát, lịch sự, sang trọng
Phục vụ điểm tâm, cà phê, nước giải khát...
Nhiều món chay thuần khiết từ cao cấp đến bình dân
Nhận đặt tiệc chay: cưới hỏi, sinh nhật, họp mặt liên hoan
Số 124-126 Nguyễn Cư Trinh, Q.I, TP.HCM
ĐT: (08) 36 021 025 – Email: veg.hoakhai@gmail.com

Neonsign ĐẠI CAO THẾ
HÀO QUANG "PHẬT"
Chuyên Sản Xuất & Thi Công
Kính mừng Đại lễ Vu Lan P.L. 2557
ĐÈN HÀO QUANG PHẬT
"Tiết kiệm điện" bóng tuýp 1,2m
Không Ngại Làm Xa
ĐC: 543 TÔ NGỌC VÂN - P. TAM PHÚ - Q. THỦ ĐỨC - TP. HCM
ĐT: 08 2240 2812 - DĐ:090 88 77 912

❑ **Quý độc giả có nhu cầu QUẢNG CÁO**
❍ *Xin vui lòng liên hệ:* ***Cô Sương***
❍ *ĐTDĐ:* **0918 032 040**
Email: thusuong69@gmail.com

VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Tạp chí của tất cả những ai chấp nhận tư tưởng Phật giáo, quyết tâm xây dựng một xã hội lành mạnh, hiền hòa và bảo vệ, phát huy văn hóa truyền thống của dân tộc.

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 21.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG

LỄ HỘI VU LAN SUỐI TIÊN 2013:

Hãy tỏ bày yêu thương

ĐAN TÂM

Cung nghinh chư tôn đức quang lâm Long Hoa Thiên Bảo

Chư tôn đức niệm hương và khai lễ

Chư Tăng Ni và Phật tử tụng kinh

Phật tử và du khách dùng chay ngày lễ hội

Kính mừng Đại lễ Vu lan - Mùa báo hiếu - Phật lịch 2557 - 2013, hàng triệu trái tim người con Phật trong và ngoài nước đều thanh tịnh thân tâm và tham gia cúng dường để cầu tiêu tai, tăng phước thọ cho các bậc sanh thành hiện đang còn sống và nếu đã khuất nhờ công đức này sớm được siêu sanh. Trong mùa thiêng liêng này, nếu ai được gắn bông hồng đỏ, đó là niềm vui sướng vì đang còn cha còn mẹ và chạnh lòng thay khi cài bông hồng trắng, nghĩa là chẳng còn kịp tỏ bày yêu thương đến cha mẹ nữa rồi!

Đến với Khu Du lịch Suối Tiên mùa Vu lan Đại lễ, quý Phật tử và du khách sẽ trải nghiệm sâu sắc thông điệp "*Hãy tỏ bày yêu thương*" từ các hoạt động tâm linh đầy ý nghĩa. Các lễ chính trong **ngày 21-8-2013 (nhằm ngày 15 tháng Bảy ÂL)** sẽ giúp quý Phật tử và du khách có duyên may được chứng kiến sự tái hiện hình ảnh của Tăng đoàn trong lễ "Cúng dường Bát hội" và thọ trai dưới cội cây bồ đề. Quý Phật tử và du khách sẽ trầm trồ ngạc nhiên khi chiêm ngưỡng "7 đóa hồng Vu lan đỏ thắm" to lớn kỳ vĩ, một trong những công trình lớn và đặc sắc của Du lịch Văn hóa Suối Tiên… Quý Phật tử và du khách còn được tham gia tụng kinh cầu nguyện, cúng dường lên chư tôn đức Tăng Ni, chiêm bái các điều răn dạy của Đức Phật, dùng cơm chay, tham gia Cây Ước nguyện để cầu phước, cầu may mắn an lành… Lễ hội sẽ diễn ra trong không khí trang trọng, an lành với chương trình văn nghệ Phật giáo trong mùa hiếu hạnh. Tất cả hứa hẹn mang cho quý Phật tử và du khách một mùa Vu lan trọn vẹn thắm thiết nghĩa tình.

Chương trình ngày lễ chính như sau:

■ ***Lễ cung nghinh chư Tôn đức Tăng Ni.*** *Từ 8 giờ:* Hơn 500 vị chư Tôn đức Hệ phái Nam tông các nơi cùng quý Phật tử và du khách tham dự.

■ ***Tại Long Hoa Thiên Bảo.*** *Từ 9 giờ:* Thuyết pháp, niệm hương, khai kinh, cầu nguyện quốc thái dân an, thế giới hòa bình an lạc.

■ ***Lễ cúng dường Bát hội.*** *Từ 10 giờ:* Ban Tổng Giám đốc, CBCNV, quý Phật tử và du khách phát tâm cúng dường trong lễ cúng dường Bát hội. Sau đó chư Tôn đức Tăng Ni thiền tọa và thọ trai dưới cội cây bồ-đề.

■ ***Tiệc chay miễn phí.*** *Từ 11 giờ:* Quý Phật tử cùng du khách được mời tham gia bữa tiệc trưa với món **ăn chay miễn phí** tại cung đường lễ hội.

■ ***Chương trình Văn nghệ Phật giáo.*** *Từ 13 giờ 30 - 15 giờ:* Chương trình có sự góp mặt của các ca sĩ, vũ đoàn chuyên nghiệp với chủ đề Kính mừng Đại lễ Vu lan với thông điệp "*Hãy tỏ bày yêu thương*".

■ ***Công trình "7 đóa hồng Vu lan đỏ thắm":*** Hoa hồng là một trong những hình ảnh đặc trưng của Lễ hội Vu lan. "Lễ hội Vu lan Suối Tiên 2013" sẽ gửi đến quý du khách một trong những công trình văn hóa lớn nhất: Công trình "7 đóa hồng Vu lan đỏ thắm". Những hoa hồng có kích thước khổng lồ, các cánh hoa cử động nhấp nháy tạo thành biểu tượng của mùa Vu lan năm nay khi quý Phật tử và du khách đặt chân đến cổng chính Thiên Tiên Môn và trên trục đường số 1.

■ ***Triển lãm các điều răn dạy và hướng thiện của Đức Phật:*** Dạo bước trên trục đường số 1 – cung đường lễ hội hay thành tâm đến Long Hoa Thiên Bảo và khu vực Cây Ước nguyện, quý Phật tử và du khách sẽ được chiêm bái những bức hình, khung tranh về điều răn của Đức Phật, những câu chuyện về hiếu đạo và hướng thiện mọc lên từ những đóa sen, những đóa hồng tươi thắm.

■ ***Hoạt động Cây Ước nguyện.*** Diễn ra xuyên suốt lễ hội, tại khu vực Cây Ước nguyện hơn 300 năm tuổi linh thiêng, Quý Phật tử và du khách thành tâm viết những lời ước nguyện: Cầu cho cha mẹ tăng long phước thọ, cầu cho hòa bình thế giới, cầu tài lộc tình duyên và mong cầu cho những điều tốt đẹp nhất.

Quý Phật tử và du khách đến với Suối Tiên trong **ngày 21-8-2013 (nhằm ngày 15 tháng Bảy ÂL)** tạo được thiện duyên với chư Tôn đức Tăng Ni, thân tâm an lạc cũng là dịp nguyện cầu cho bá tánh thập phương được nhiều thắng ý, vạn sự hanh thông, đạt nhiều phúc lạc, xã hội an vui, đất nước phát triển và phồn vinh.

Khu Du lịch Văn hóa Suối Tiên là niềm tự hào của thành phố nói riêng và cả nước nói chung với bốn mùa lễ hội truyền thống, là nơi trở về nguồn cội văn hóa dân tộc với nhiều công trình văn hóa tâm linh kỳ vĩ luôn mang đến cho quý Phật tử và du khách trong và ngoài nước một tình cảm quý mến thân thương và trân trọng.

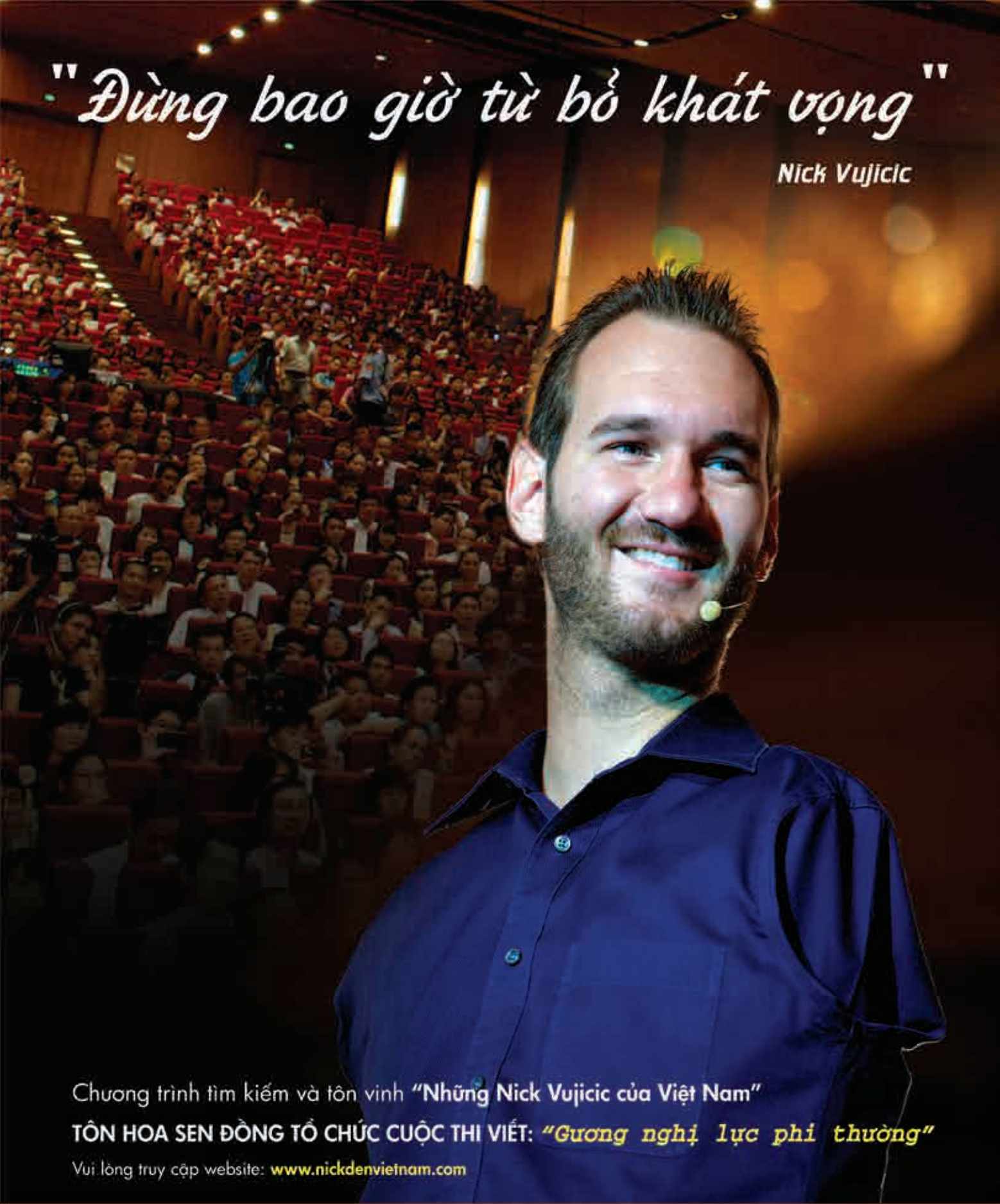

Chương trình tìm kiếm và tôn vinh **"Những Nick Vujicic của Việt Nam"**

TÔN HOA SEN ĐỒNG TỔ CHỨC CUỘC THI VIẾT: *"Gương nghị lực phi thường"*

Vui lòng truy cập website: **www.nickdenvietnam.com**

TÔN HOA SEN - Mái ấm gia đình Việt

www.hoasengroup.vn